

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, thông tin được sử dụng trong Luận văn đều có nguồn gốc rõ ràng, trung thực và được phép công bố.

Huế, ngày

Tác giả luận văn

PHAN PHÚC

i

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện luận văn, tôi đã nhận được sự giúp đỡ và cộng tác của nhiều tập thể và cá nhân.

Trước hết tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng KHCN-HTQT-ĐTSĐH, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập cũng như hoàn thành luận văn này.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến Thầy giáo PGS.TS. Hoàng Hữu Hòa, người đã trực tiếp hướng dẫn đầy nhiệt tình, trách nhiệm; đã giúp đỡ, hỗ trợ và động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn, tôi cũng xin chân thành cảm ơn quý nhà giáo của Đại học Huế, Trường Đại học kinh tế Huế đã truyền đạt những kiến thức cơ bản, quý báu để tôi có khả năng nghiên cứu, hoàn thành luận văn.

Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Lãnh đạo Trường Đại học Kinh tế Huế, cán bộ công chức phòng Quản lý khoa học đối ngoại, Ban Đào tạo sau đại học-Đại học Huế, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Kế hoạch & Đầu tư, UBND huyện Phú Lộc, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô; các chuyên gia, kỹ sư đang công tác trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, các đơn vị thi công xây lắp, các đơn vị tư vấn thiết kế đã hỗ trợ tôi trong quá trình khảo sát, điều tra, thu thập số liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu.

Tôi rất biết ơn Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô đã quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ cho tôi về thời gian và nhiều điều kiện thuận lợi khác. Cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của các đồng nghiệp, bạn bè trong suốt thời gian qua.

Mặc dù đã có cố gắng nhưng khó tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót khi thực hiện luận văn này. Kính mong quý thầy giáo, cô giáo, bạn bè, đồng nghiệp đóng góp ý kiến để luận văn được hoàn thiện hơn./.

Tác giả luận văn

PHAN PHÚC

TÓM LƯỢC LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC KINH TẾ

Họ và tên học viên: **PHAN PHÚC**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh.

Mã số: 60 34 05

Niên khóa: 2010- 2012

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. HOÀNG HỮU HÒA**

Tên đề tài: **GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KHU KINH TẾ CHÂN MÂY – LĂNG CÔ

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc chậm tiến độ đầu tư của dự án xây dựng làm giảm hiệu quả đầu tư không những về mặt kinh tế mà còn tác động tiêu cực đến nhiều mặt văn hóa, xã hội khác. Đây là một vấn đề bức xúc, trăn trở của các cấp ngành từ trung ương đến địa phương, là yêu cầu cấp thiết đặt ra của toàn xã hội đến người dân đối với đầu tư phát triển. Vì thế, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng tiến độ các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên phương diện khoa học và thực tiễn để có những giải pháp hợp lý là rất cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các công trình hạ tầng thiết yếu, đảm bảo môi trường đầu tư đáp ứng các nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng và phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô. Xuất phát từ yêu cầu thực tế đó, tác giả chọn đề tài: “*Giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô*” làm luận văn Thạc sỹ.

2. Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng

- Phương pháp tiếp cận: duy vật biện chứng và duy vật lịch sử;
- Phương pháp thu thập tài liệu: sách, báo, tạp chí và điều tra phỏng vấn;

- Phương pháp tổng hợp tài liệu: bằng phần mềm Excel và SPSS 16.0;

- Phương pháp phân tích: thống kê mô tả và toán kinh tế.

3. Các kết quả nghiên cứu chính và những đóng góp khoa học của luận văn

- Góp phần làm rõ cơ sở khoa học và hệ thống lý luận về công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng ;

- Phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2009-2012;

- Đề xuất các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước nhằm đảm bảo thực hiện tốt hơn

các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô.

iii

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Nghĩa
BOT	: Đầu tư theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao
BT	: Đầu tư theo hợp đồng xây dựng – chuyển giao
BTO	: Đầu tư theo hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh
BQL	: Ban quản lý
ĐT	: Đầu tư
Đvt	: Đơn vị tính
GDP	: Tổng sản phẩm nội địa
GNP	: Tổng sản phẩm quốc dân
FDI	: Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
HĐND	: Hội đồng Nhân dân
KCN	: Khu công nghiệp
KKT	: Khu kinh tế
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
LHQ	: Liên hiệp quốc
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
NXB	: Nhà xuất bản
ODA	: Hỗ trợ phát triển chính thức
PPP	: Hợp tác công tư
QLDA	: Quản lý dự án
SL	: Sản lượng
TM T	: Tổng mức đầu tư

TT : Thứ tự

TTgCP : Thủ tướng Chính phủ

TVĐT : Tư vấn đầu tư

XD : Xây dựng

UBND : Ủy ban Nhân dân

UNESCO : Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 - Mô hình chu kì dự án của một dự án đầu tư	9
Sơ đồ 1.2 - Chu kỳ của dự án đầu tư	12
Sơ đồ 1.3 - Nội dung của dự án đầu tư xây dựng	17

DANH MỤC CÁC BẢN ĐỒ

Bản đồ 2.1 - Đầu môi giao thương quan trọng của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng	Cô	37
Bản đồ 2.2 - Hành lang kinh tế Đông Tây		38
Bản đồ 2.3- Bản đồ phân bố các khu chức năng trong Khu kinh tế		48

v

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1:	Hiện trạng sử dụng đất của KKT Chân Mây – Lăng Cô năm 2009...42	
Bảng 2.2:	Các DA quy hoạch xây dựng tại KKT Chân Mây – Lăng Cô đến năm 2012.....	51
Bảng 2.3:	Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại KKT Chân Mây – Lăng Cô đến năm 2012	52
Bảng 2.4:	Tình hình thu hút đầu tư vào KKT Chân Mây – Lăng Cô đến năm 2012.....	57
Bảng 2.5:	Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế trên địa bàn KKT Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2006-2011	58
Bảng 2.6:	Dự án ĐTXD sử dụng vốn NSNN dừng thực hiện do điều chỉnh quy hoạch tại KKT Chân Mây – Lăng Cô	62
Bảng 2.7:	Vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn S theo KH bố trí hàng hàng năm tại KKT Chân Mây –Lăng Cô giai đoạn 2006-2012	63
Bảng 2.8:	Vốn NSNN bố trí cho một số dự án đầu tư Tại KKT Chân Mây – Lăng Cô.....	66
Bảng 2.9:	Một số sai sót của đơn vị tư vấn trong thiết kế, lập dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN tại KKT Chân Mây – Lăng Cô.....	70
Bảng 2.10:	Tình hình đội ngũ cán bộ thẩm định dự án tại KKT Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2006-2011	74
Bảng 2.11:	Tình hình chậm tiến độ do GPMB tại một số DA ĐTXD sử dụng vốn NSNN tại KKT Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2006-2010	75
Bảng 2.12:	Tình hình thực hiện khối lượng xây lắp hoàn thành của một số DA ĐTXD sử dụng vốn NSNN tại KKT Chân Mây – Lăng Cô	79
Bảng 2.13:	Kết quả phân tích phương sai (ANOVA)	99
Bảng 2.14:	Hệ số hồi qui, giá trị kiểm tra t và mức ý nghĩa	100

vi

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Tóm lược luận văn thạc sĩ khoa học kinh tế	iii
Danh mục các chữ viết tắt	iv
Danh mục các sơ đồ	v
Danh mục các bản đồ	v
Danh mục các bảng	vi
Mục lục	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ QUẢN LÝ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5
1.1. Lý luận cơ bản về hoạt động đầu tư và đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước	5
1.1.1. Hoạt động đầu tư	5
1.1.2. Đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước	6
1.2. Lý luận về quản lý và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước	9
1.2.1. Dự án đầu tư	9
1.2.2. Dự án đầu tư xây dựng	13
1.2.3. Quản lý tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng	19
1.2.4. Tiến độ của dự án đầu tư xây dựng và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội	25
1.3. Kinh nghiệm quản lý và thực hiện tiến độ dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN ở một số nước trên thế giới và các địa phương ở Việt Nam	28
1.3.1. Kinh nghiệm trên thế giới	28

1.3.2. Kinh nghiệm các địa phương ở Việt Nam

31

vii

1.3.3. Bài học kinh nghiệm cho Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế	34
--	----

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NSNN TẠI KHU KINH TẾ CHÂN MÂY-LĂNG CÔ

36

2.1. Tổng quan về khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô	36
--	----

2.1.1. Vai trò và vị trí địa lý của Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô	36
--	----

2.1.2. Các điều kiện tự nhiên của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	39
--	----

2.1.3. Đặc điểm hiện trạng của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	41
---	----

2.1.4. Cơ sở pháp lý thành lập Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	47
---	----

2.2. Tình hình xây dựng và phát triển khu kinh tế Chân Mây–Lăng Cô	50
--	----

2.2.1. Tình hình xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch	50
--	----

2.2.2. Tình hình xây dựng kết cấu hạ tầng	52
---	----

2.2.3. Tình hình giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư và đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động	55
--	----

2.2.4. Những kết quả và thành tựu trong bước đầu xây dựng và phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	56
--	----

2.3. Phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	59
--	----

2.3.1. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	59
---	----

2.3.2. Những nguyên nhân tồn tại, hạn chế trong thực hiện tiến độ của các dự án xây dựng sử dụng vốn ngân sách tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	84
---	----

2.3.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	99
--	----

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHU KINH TẾ CHÂN MÂY-LĂNG

CÔ

103

viii

3.1. Định hướng phát triển khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	103
3.1.1. Định hướng phát triển các KKT ven biển của Việt Nam	103
3.1.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô của tỉnh Thừa Thiên Huế	105
3.1.3. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	106
3.2. Một số giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách tại khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	108
3.2.1. Đổi mới công tác kế hoạch hoá đầu tư	108
3.2.2. Nâng cao chất lượng lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư	110
3.2.3. Đổi mới công tác cán bộ quản lý dự án	114
3.2.4. Thực hiện nghiêm túc Luật đấu thầu	115
3.2.5. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư	116
3.2.6. Chấn chỉnh và đổi mới công tác đền bù giải phóng mặt bằng	118
3.2.7. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng	118
3.2.8. Phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng	118
3.2.9. Công tác giám sát đánh giá đầu tư	119
3.2.10. Nâng cao trình độ cán bộ quản lý đầu tư xây dựng	120
KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ	122
1. KẾT LUẬN	122
2. KIẾN NGHỊ	124
TÀI LIỆU THAM KHẢO	129
PHỤ LỤC	135

PHẦN MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước (chỉ tính phần ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ) vào các dự án, các chương trình mục tiêu quốc gia, không nhằm mục đích kinh doanh (đầu tư công) có vai trò quan trọng trong việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kinh tế và xã hội, tạo động lực thúc đẩy phát triển đất nước. Việc nâng cao hiệu quả đầu tư bằng nguồn vốn này hiện đang được các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương, các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước quan tâm, đánh giá. Một vấn đề bức xúc từ trước đến nay tác động trực tiếp đến hiệu quả đầu tư là các dự án đầu tư xây dựng chậm tiến độ, dự án bị kéo dài thời gian thực hiện. Nói đến chậm tiến độ ở đây không chỉ tính từ lúc dự án khởi công đến khi hoàn thành, mà phải quan niệm toàn bộ dự án phải tính từ khi chuẩn bị đầu tư đến thực hiện đầu tư, đưa vào sử dụng.

Trong thời gian qua, để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tăng trưởng cao, ổn định và bền vững cho đất nước cũng như trong từng địa phương, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa, nguồn vốn nhà nước đã tập trung đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, những công trình thiết yếu của nền kinh tế nhà nước cần tập trung đầu tư: các công trình giao thông then chốt của nền kinh tế như đường bộ, sân bay, bến cảng, đường sắt, công trình thủy lợi được nâng cấp và làm mới, tập trung xây dựng các công trình điện, thông tin liên lạc, cải tạo và xây dựng mới kết cấu hạ tầng các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, các bệnh viện, trường học, công trình văn hóa thể thao, đầu tư nhiều hơn cho các chương trình mục tiêu quốc gia. Điều đó đã tạo điều kiện phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao đồng thời cải thiện, nâng cao mức

sống của nhân dân làm thay đổi diện mạo của đất nước. Nhiều khu kinh tế, khu công nghiệp được hình thành, nhiều khu đô thị mới ra đời, nhiều nhà máy hiện đại được xây dựng, nhiều sân bay, bến cảng, đường giao thông được xây dựng cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới và phát triển mạnh....Tốc độ và qui mô đầu tư đã góp phần quan trọng vào tốc độ tăng GDP hàng năm đạt khá cao. Tuy nhiên, nhìn lại quá trình thực hiện công tác đầu tư xây dựng trong những năm qua, chúng ta nhận thấy nổi lên vấn đề thực hiện dự án chậm, khả năng giải ngân thấp so với yêu cầu, công tác thanh quyết toán kéo dài, công trình chậm được đưa vào sử dụng dẫn đến hiệu quả đầu tư hạn chế. Với yêu cầu về quy mô đầu tư lớn hơn trong vài năm tới nếu vẫn vận hành hệ thống như hiện nay thì chắc chắn không đạt yêu cầu về hiệu quả tổng hợp không chỉ kinh tế mà còn là môi trường và xã hội...

Vì thế, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng tiến độ các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên phương diện khoa học và thực tiễn để có những giải pháp hợp lý là rất cần thiết. Xuất phát từ yêu cầu thực tế đó, tác giả chọn đề tài: ***“Giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô”*** làm luận văn Thạc sỹ.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

2.1. Làm sáng tỏ về mặt lý luận, thực tiễn quản lý dự án đầu tư và tiến độ của dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

2.2. Đánh giá thực trạng đầu tư phát triển, công tác quản lý và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước những năm 2009-2012 tại Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô;

2.3. Đề xuất một số giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu và mục tiêu xây dựng và phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô trong giai đoạn tới.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận, thực tiễn và giải pháp liên quan đến dự án đầu tư, công tác quản lý dự án và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

3.2. Đối tượng khảo sát: là các công trình xây dựng bằng vốn NSNN và các chuyên gia, kỹ sư, các cán bộ công nhân viên chức tại Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô và các đối tượng có liên quan khác.

3.3. Phạm vi nghiên cứu: Phân tích tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô trong thời gian qua (2009 – 2012) và đề xuất giải pháp đến năm 2015.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Phương pháp thu thập số liệu

a. Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, niên giám thống kê. Ngoài ra, còn sử dụng các số liệu từ báo cáo khoa học đã được công bố, các công trình nghiên cứu khoa học của nhiều tác giả về lĩnh vực liên quan đến đề tài.

b. Số liệu sơ cấp: Được thu thập bằng cách điều tra khảo sát các chuyên gia, cán bộ quản lý nhà nước, các kỹ sư chuyên ngành đầu tư xây dựng đang công tác trên địa bàn nghiên cứu. Chọn ngẫu nhiên 50 chuyên gia, cán bộ quản lý nhà nước chuyên ngành đầu tư xây dựng liên quan đến các công trình đầu tư xây dựng đã và đang thi công tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

Phương pháp điều tra bằng cách phát phiếu khảo sát đã được thiết kế sẵn, nhằm đánh giá công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

4.2. Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

Luận văn sử dụng phương pháp phân tổ để tổng hợp số liệu và hệ thống hóa tài liệu điều tra theo các tiêu thức khác nhau đáp ứng mục đích nghiên cứu của đề tài.

Số liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp được tổng hợp và xử lý trên các phần mềm thông dụng như Excel, SPSS.

4.3. Các phương pháp phân tích

- Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích các đặc trưng về mặt lượng, mối liên hệ chặt chẽ về mặt chất của nội dung nghiên cứu.

- Vận dụng phương pháp hồi quy tương quan nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

4.4. Phương pháp chuyên gia, chuyên khảo được sử dụng để nghiên cứu trường hợp, khảo nghiệm chuyên môn và tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong ngành quản lý đầu tư xây dựng.

5. KẾT CẤU CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về quản lý và thực hiện tiến độ các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Chương 2: Phân tích thực trạng tình hình tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

Chương 3: Định hướng và giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ QUẢN LÝ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1.1. Hoạt động đầu tư

1.1.1.1. Khái niệm về hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư là hoạt động bỏ vốn nhằm thu lợi trong tương lai.^[34]

Không phân biệt hình thức thực hiện, nguồn gốc của vốn... mọi hoạt

động có các đặc trưng nêu trên đều được coi là hoạt động đầu tư.^[34]

Đầu tư trên giác độ nền kinh tế là sự hy sinh giá trị hiện tại gắn với việc tạo ra các tài sản mới cho nền kinh tế. ^[34]

Đầu tư phát triển là quá trình thực hiện sự chuyển hoá vốn bằng tiền thành vốn hiện vật để tạo ra những yếu tố cơ bản của sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất kinh doanh mới, thông qua việc mua sắm lắp đặt thiết bị, máy móc xây dựng nhà cửa vật kiến trúc, và tiến hành các công việc có liên quan đến sự phát huy tác dụng của các cơ sở vật chất kỹ thuật do hoạt động đầu tư phát triển tạo ra.^[34]

Đầu tư phát triển là một nhân tố quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội, là chìa khoá để tăng trưởng kinh tế và điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá nhằm tạo ra thế và lực đưa nền kinh tế cả nước cũng như mỗi địa phương phát triển và hội nhập vào nền kinh tế quốc tế.

Do vậy, đầu tư phát triển vừa là nhiệm vụ chiến lược vừa là một giải pháp chủ yếu để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo hướng tăng

trường cao, ổn định và bền vững. Bất kỳ quốc gia nào muốn có tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện đều phải quan tâm đến đầu tư phát triển.

1.1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư có các đặc trưng cơ bản sau:^[34]

- Là hoạt động bỏ vốn nên quyết định đầu tư thường là và trước hết là quyết định việc sử dụng các nguồn lực mà biểu hiện cụ thể dưới các hình thức khác nhau như tiền, đất đai, tài sản, vật tư thiết bị, giá trị trí tuệ ...

- Là hoạt động có tính chất lâu dài.

- Là hoạt động luôn cần sự cân nhắc giữa lợi ích trước mắt và lợi ích trong tương lai.

- Là hoạt động mang nặng rủi ro.

1.1.2. Đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1.1.2.1. Những khái niệm chung

Đầu tư phát triển bằng vốn Nhà nước là việc sử dụng phần vốn ngân sách Nhà nước dành cho đầu tư phát triển, vốn vay nước ngoài của Chính phủ và vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài cho Chính phủ và Chính quyền các cấp (ODA), vốn tín dụng đầu tư của các ngân hàng quốc doanh và vốn đầu tư của doanh nghiệp Nhà nước, dùng để đầu tư vào các khâu then chốt và cần thiết của nền kinh tế quốc dân, các dự án đầu tư có hiệu quả, các ngành kinh tế mũi nhọn có vị trí quyết định đến sự hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Những ngành này cần một lượng vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng và thu hồi vốn dài...^[56]

Đầu tư phát triển bằng vốn Nhà nước chủ yếu được tiến hành theo kế hoạch Nhà nước, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.^[56]

Căn cứ vào khả năng thu hồi vốn trực tiếp của dự án đầu tư và tính chất

nguồn vốn, hiện tại Nhà nước định ra ba hình thức đầu tư phát triển đó là: Cấp phát đầu tư, tín dụng đầu tư và doanh nghiệp tự đầu tư.^[56]

1.1.2.2. Vai trò của đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước

Đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước là bộ phận cấu thành trong toàn bộ vốn đầu tư toàn xã hội, mặc dù thường chiếm tỷ trọng không cao, song đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước có vai trò quan trọng đặc biệt thể hiện trên các mặt sau:

- Đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước là công cụ kinh tế quan trọng để Nhà nước trực tiếp tác động đến quá trình kinh tế, xã hội, điều tiết vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước. Bằng việc cung cấp những dịch vụ công cộng như hạ tầng kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng... mà các thành phần kinh tế khác không muốn, không thể hoặc không được đầu tư; Các dự án đầu tư từ ngân sách Nhà nước được triển khai ở các vị trí quan trọng then chốt nhất nhằm đảm bảo cho nền kinh tế xã hội phát triển ổn định.^[56]

- Đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước là công cụ để Nhà nước chủ động điều chỉnh tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế: Về mặt cầu: Đầu tư phát triển trong đó có đầu tư từ ngân sách Nhà nước sẽ tạo ra khả năng kích cầu tiêu dùng trong sản xuất, thúc đẩy lưu thông, tạo công ăn việc làm, thu nhập. Về mặt cung: Khi các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, năng lực mới của nền kinh tế tăng lên tác động làm tăng tổng cung trong dài hạn, kéo theo tăng sản lượng tiềm năng, giá cả sản phẩm giảm.^[56]

- Đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước là công cụ để Nhà nước chủ động điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngành, vùng, lãnh thổ: Thông qua đầu tư các Chương trình dự án ở vùng sâu vùng xa về giao thông, y tế, giáo dục... giúp

cho các vùng này có điều kiện giao thông thuận lợi, nhân dân được giáo dục nâng cao dân trí, chăm sóc sức khoẻ tạo điều kiện phát triển vùng.^[56]

Thông qua các dự án đầu tư phát triển của mình Nhà nước có thể điều chỉnh giúp ngành nghề này phát triển, hạn chế ngành nghề khác không có lợi.

- Đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và cho toàn nền kinh tế phát triển. Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước được coi là vốn môi để thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển. Chẳng hạn có đường giao thông thuận lợi thì thị trường hàng hoá có điều kiện phát triển, cơ sở hạ tầng kinh tế phát triển sẽ tạo khả năng to lớn để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá giáo dục, y tế, du lịch...^[56]

- Đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước có vai trò mở đường cho sự phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân.^[56]

1.1.2.3. Quản lý Đầu tư phát triển sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a. Những vấn đề chung

Quản lý đầu tư chính là sự tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng quá trình đầu tư (bao gồm công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và vận hành kết quả đầu tư cho đến khi thanh lý tài sản do đầu tư tạo ra) bằng một hệ thống đồng bộ các biện pháp kinh tế - xã hội và tổ chức - kỹ thuật cùng các biện pháp khác nhằm đạt được hiệu quả kinh tế xã hội cao trong những điều kiện cụ thể xác định và trên cơ sở vận dụng sáng tạo những quy luật kinh tế khách quan nói chung và quy luật vận động đặc thù của đầu tư nói riêng.^[56]

Quản lý đầu tư ở tầm vĩ mô là quản lý các dự án đầu tư. Quá trình hình thành và vận hành dự án qua ba giai đoạn là: chuẩn bị đầu tư; thực hiện đầu tư và vận hành khai thác dự án. Mỗi giai đoạn gồm nhiều bước công việc khác nhau được tiến hành một cách liên tục. Quá trình quản lý đầu tư theo các dự án cũng là quá trình quản lý trong từng bước, từng giai đoạn của nó.^[56]

1.2. LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.2.1. Dự án đầu tư

1.2.1.1. Khái niệm

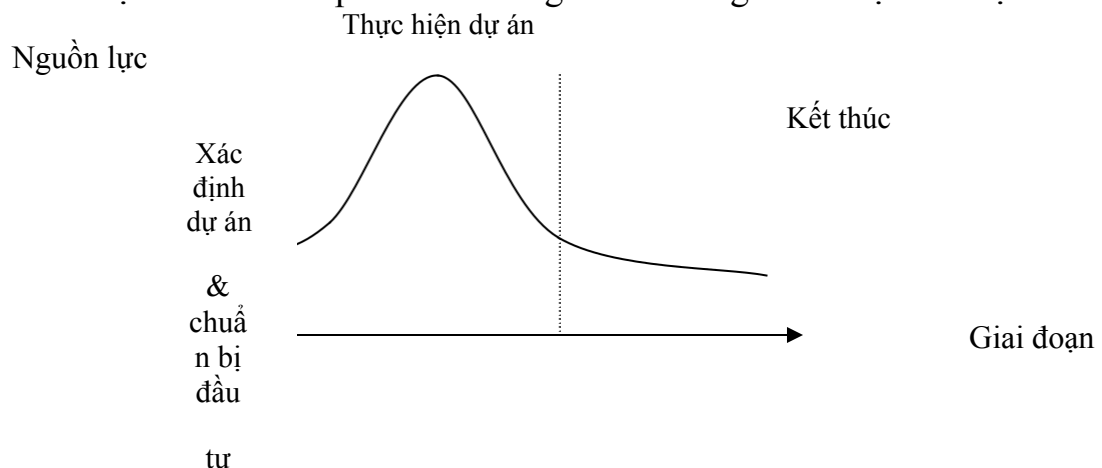
Dự án là tập hợp những đề xuất về việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hay cải tạo những đối tượng nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng, cải tiến hoặc nâng cao chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ nào đó trong một khoảng thời gian xác định (chỉ bao gồm hoạt động đầu tư trực tiếp).

Nói một cách ngắn gọn, dự án đầu tư là tập hợp các đối tượng được hình thành và hoạt động theo một kế hoạch cụ thể để đạt được mục tiêu nhất định (các lợi ích) trong một khoảng thời gian nhất định.^[54]

1.2.1.2. Đặc trưng cơ bản của dự án

Dự án đầu tư có các đặc trưng cơ bản sau:^[54]

- Dự án có mục đích, kết quả xác định.
- Dự án có chu kỳ phát triển riêng và có thời gian tồn tại hữu hạn.



Sơ đồ 1.1 - Mô hình chu kỳ dự án của một dự án đầu tư ^[54]

Theo mô hình này: mức độ sử dụng các nguồn lực (vật tư, máy móc thiết bị...) tăng dần và đạt cao nhất ở giai đoạn thực hiện dự án, nó tỷ lệ với chi phí của dự án.

- Sản phẩm của dự án mang tính chất đơn chiếc, độc đáo (mới lạ).
- Dự án liên quan đến nhiều bên và có sự tương tác phức tạp giữa các

bộ phận quản lý chức năng với quản lý dự án.

- Môi trường hoạt động “va chạm”.
- Tính bất định và rủi ro cao.

Ngoài các đặc trưng cơ bản trên, dự án còn có một số đặc trưng như:^[54]

+ Tính giới hạn về thời gian thực hiện.

+ Bị gò bó trong những ràng buộc nghiêm ngặt: yêu cầu về tính năng của sản phẩm dịch vụ, yêu cầu về chức năng của công trình, các chỉ tiêu kỹ thuật, các định mức về chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ, thời hạn bàn giao... Các ràng buộc trên phụ thuộc vào bối cảnh của dự án. ^[54]

Bối cảnh dự án	Ràng buộc ưu tiên
Bối cảnh khó khăn	Chi phí dự án
Thỏa mãn kế hoạch đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp	Hiệu suất, chất lượng hoặc dịch vụ
Yêu cầu khẩn cấp, tầm quan trọng của cạnh tranh	Thời gian
	Tiêu chuẩn kỹ thuật
Tầm quan trọng của an toàn	

1.2.1.3. Phân loại dự án đầu tư

Có nhiều cách phân loại dự án đầu tư tùy theo mục đích và phạm vi xem xét.

- Theo nguồn vốn: Theo nguồn vốn có thể chia dự án thành dự án đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà

nước; vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh; vốn huy động của doanh nghiệp và các nguồn vốn khác; dự án được đầu tư bằng các nguồn vốn hỗn hợp...^[18]

- Theo luật chi phối: Dự án được chia ra thành dự án đầu tư theo Luật Đầu tư; theo Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (FDI)...^[18]

- Theo hình thức đầu tư: Tự đầu tư, Liên doanh, Hợp đồng hợp tác kinh doanh, BOT, BTO, BT, PPP...^[18]

- Theo các hình thức thực hiện đầu tư: Xây dựng, Mua sắm, Thuê...^[18]

- Theo lĩnh vực đầu tư: Dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, phát triển cơ sở hạ tầng, văn hoá xã hội...^[18]

- Phân loại theo thẩm quyền quyết định hoặc cấp giấy phép đầu tư^[18]

+Đối với đầu tư trong nước chia làm 4 loại: Dự án quan trọng cấp quốc gia do Quốc hội thông qua chủ trương và cho phép đầu tư; các dự án còn lại được phân thành 3 nhóm A, B, C theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

+Đối với dự án đầu tư nước ngoài, gồm 3 loại A, B và loại được phân cấp cho các địa phương.

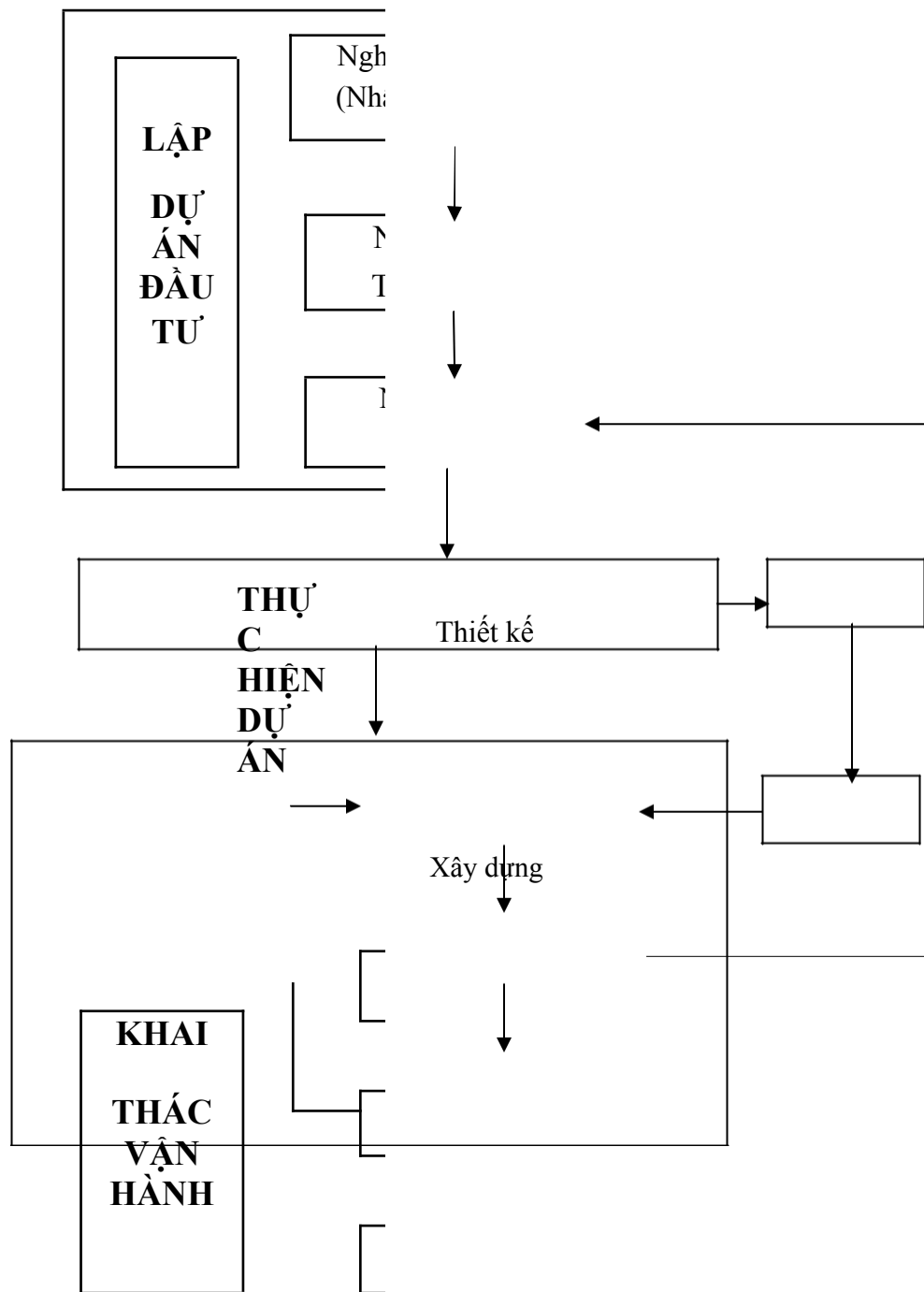
1.2.1.4. Chu kỳ của dự án đầu tư

Chu kỳ của dự án đầu tư có thể được thể hiện qua sơ đồ 1.2.

Quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư trải qua 3 giai đoạn: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và vận hành các kết quả đầu tư.^[37]

Nội dung các bước công việc của mỗi giai đoạn của các dự án không giống nhau, tùy thuộc vào lĩnh vực đầu tư (sản xuất kinh doanh hay kết cấu hạ tầng, sản xuất công nghiệp hay nông nghiệp...), vào tính chất tái sản xuất (đầu tư chiều rộng hay chiều sâu), đầu tư dài hạn hay ngắn hạn,...^[37]

Các bước công việc, các nội dung nghiên cứu ở các giai đoạn được tiến hành tuần tự nhưng không biệt lập mà đan xen gối đầu cho nhau, bổ sung cho nhau nhằm nâng cao dần mức độ chính xác của các kết quả nghiên cứu và tạo thuận lợi cho việc tiến hành nghiên cứu ở các bước kế tiếp.^[37]



Sơ đồ 1.2 - Chu kỳ của dự án đầu tư ^[37]

Trong 3 giai đoạn trên đây, giai đoạn chuẩn bị đầu tư tạo tiền đề và quyết định sự thành công hay thất bại ở 2 giai đoạn sau, đặc biệt là ở giai đoạn vận hành kết quả đầu tư. Do đó, đối với giai đoạn chuẩn bị đầu tư, vấn đề chất lượng, vấn đề chính xác của các kết quả nghiên cứu, tính toán và dự đoán là

quan trọng nhất. Trong quá trình soạn thảo dự án phải dành đủ thời gian và chi phí theo đòi hỏi của các nghiên cứu.^[37]

Trong giai đoạn 2, vấn đề thời gian là quan trọng hơn cả. Đến lượt mình, thời gian thực hiện đầu tư lại phụ thuộc nhiều vào chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, vào việc quản lý quá trình thực hiện đầu tư, quản lý việc thực hiện những hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến các kết quả của quá trình thực hiện đầu tư đã được xem xét trong dự án đầu tư.^[37]

Giai đoạn 3, vận hành các kết quả của giai đoạn thực hiện đầu tư (giai đoạn sản xuất kinh doanh dịch vụ) nhằm đạt được các mục tiêu của dự án. Nếu các kết quả do giai đoạn thực hiện đầu tư tạo ra đảm bảo tính đồng bộ, giá thành thấp, chất lượng tốt, đúng tiến độ, tại địa điểm thích hợp, với quy mô tối ưu thì hiệu quả hoạt động của các kết quả này và mục tiêu của dự án chỉ còn phụ thuộc trực tiếp vào quá trình tổ chức quản lý hoạt động của các kết quả đầu tư. Làm tốt công tác của giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư thuận lợi cho quá trình tổ chức quản lý phát huy tác dụng của các kết quả đầu tư. Thời gian phát huy tác dụng của các kết quả đầu tư chính là vòng đời (kinh tế) của dự án, nó gắn với đời sống sản phẩm (do dự án tạo ra).^[37]

1.2.2. Dự án đầu tư xây dựng

1.2.2.1. Khái niệm

Sản phẩm đầu tư xây dựng là các công trình xây dựng đã hoàn thành (bao gồm cả việc lắp đặt thiết bị công nghệ ở bên trong). Sản phẩm xây dựng là kết tinh của các thành quả khoa học - công nghệ và tổ chức sản xuất của toàn xã hội ở một thời kỳ nhất định. Nó là một sản phẩm có tính chất liên ngành, trong đó những lực lượng tham gia chế tạo sản phẩm chủ yếu: các chủ đầu tư, các doanh nghiệp nhận thầu xây lắp, các doanh nghiệp tư vấn xây dựng, các doanh nghiệp sản xuất thiết bị công nghệ, vật tư thiết bị xây dựng, các doanh nghiệp cung ứng, các tổ chức dịch vụ ngân hàng và tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.^[37]

1.2.2.2. Bản chất của các dự án xây dựng

Dự án xây dựng hàm chứa bản chất lưỡng tính: một mặt dự án xây dựng là tập hợp các hồ sơ và bản vẽ thiết kế, trong đó bao gồm các tài liệu pháp lý, quy hoạch tổng thể, kiến trúc, kết cấu, công nghệ tổ chức thi công v.v...được giải quyết đối với công trình xây dựng; mặt khác, đây là môi trường hoạt động phù hợp với những mục đích đã được đặt ra, nghĩa là một quá trình xây dựng có định hướng đối với các công trình mới hoặc cải tạo đối với các công trình hiện hữu đang sản xuất.^[37]

Xuất phát từ tầm quan trọng của yếu tố thời gian, nhiều dự án xây dựng có vốn đầu tư không lớn, nhưng thời điểm giành cơ hội cạnh tranh bán sản phẩm của chủ đầu tư ra ngoài thị trường lại cấp bách, do vậy, mà công tác quản lý dự án xây dựng đảm bảo đưa công trình vào hoạt động đúng hạn có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong kinh doanh.^[37]

Về chất lượng dự án xây dựng có thể không sai sót, nhưng điểm chủ yếu đối với chất lượng công trình là độ tin cậy và bền vững cao. Những dự án như vậy chúng ta thường gặp ở những nhà máy hóa chất, khí gas hoặc điện nguyên tử.^[37]

Khởi đầu dự án xây dựng có thể được tính từ thời điểm xuất vốn đầu tư để thực hiện công trình. Tuy nhiên trước đó người ta có thể còn phải chờ đợi, cân nhắc các phương án và lựa chọn chúng, nhưng dù sao thì dự án vẫn tồn tại một cách trừu tượng cho đến khi hiện diện một quá trình thực thi thực tế.^[37]

Kết thúc dự án xây dựng được tính vào thời điểm bàn giao công trình đưa vào sử dụng và vận hành sản xuất ra sản phẩm đạt công suất thiết kế. Trong điều kiện thị trường, chủ đầu tư kỳ vọng không chỉ ở công trình đang xây dựng, mà điều chính yếu là kết quả từ công trình xây dựng mang lại nguồn thu và lợi nhuận như thế nào sau khi đưa công trình vào sản xuất kinh doanh. Bởi vậy, chủ đầu tư xem sự vận hành của công trình trong tương quan với những mục đích kinh doanh của mình. Chính vì thế mà chủ đầu tư hết sức

thận trọng xem xét các yếu tố chi phí trong toàn bộ dự án. Thật vậy, khoản chi phí trực tiếp cho quá trình vận hành công trình có thể giảm đáng kể do việc tăng chi phí ban đầu ở giai đoạn xây dựng.^[37]

1.2.2.3. Đặc điểm của dự án đầu tư xây dựng

Dự án đầu tư xây dựng có các đặc điểm chủ yếu sau:

a. Dự án đầu tư xây dựng có tính đa mục tiêu/mục đích^[37]

Trong mỗi dự án nói chung và dự án đầu tư xây dựng công trình nói riêng thường chứa đựng nhiều mục tiêu khác nhau, các mục tiêu ấy có thể không đồng hướng thậm chí mâu thuẫn nhau. Tính đa mục tiêu của dự án là một trong những nguyên nhân quan trọng gây nên sự phức tạp trong quản lý dự án xây dựng.

b. Dự án đầu tư xây dựng công trình có tính duy nhất^[37]

Mỗi công trình xây dựng đều có những đặc điểm kiến trúc, kết cấu, địa điểm xây dựng, không gian và thời gian xây dựng không giống nhau. Đặc điểm này tạo ra tính duy nhất của dự án xây dựng.

c. Dự án đầu tư xây dựng công trình chịu sự ràng buộc về thời gian và chi phí nguồn lực^[37]

Thời gian thực hiện dự án, thời điểm khởi công và kết thúc và tổng mức chi phí cho việc thực hiện dự án đã được xác định. Thường các yêu cầu về thời gian và chi phí thực hiện dự án xây dựng là hạn hẹp vì các chủ đầu tư dự án luôn muốn có những công trình chất lượng cao nhưng chi phí thấp và được thực hiện trong một thời gian ngắn.

d. Dự án đầu tư xây dựng công trình luôn tồn tại trong một môi trường không chắc chắn (tiềm ẩn nhiều rủi ro)^[37]

Các công việc của dự án đầu tư xây dựng công trình, do đặc điểm của sản phẩm và sản xuất xây dựng, thường được thực hiện trong một môi trường (tự nhiên, kinh tế, xã hội,...) tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất trắc.

1.2.2.4. Nội dung và Trình tự lập dự án đầu tư xây dựng

a. Nội dung tổng quát của một dự án đầu tư xây dựng

Dự án đầu tư bao gồm kế hoạch chi tiết, cụ thể việc triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư nhằm đạt được mục tiêu đề ra trong một khoảng thời gian nhất định.^[27]

Trước hết, dự án đầu tư phải thể hiện rõ mục tiêu đầu tư là gì, mục tiêu của dự án là các mục tiêu cần đạt được khi thực hiện dự án. Cụ thể là khi thực hiện dự án sẽ mang lại những lợi ích gì cho đất nước nói chung và cho bản thân chủ đầu tư nói riêng. Có thể là mục tiêu dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, mục tiêu chiến lược hay trước mắt. Mục tiêu trước mắt được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể như năng lực sản xuất, quy mô sản xuất hay hiệu quả kinh tế. Mục tiêu dài hạn có thể là các lợi ích kinh tế, xã hội do dự án mang lại.^[27]

Hai là, nguồn lực và cách thức để đạt được mục tiêu, bao gồm cả các điều kiện và biện pháp vật chất để thực hiện như vốn, nhân lực, công nghệ. Các hoạt động: là những nhiệm vụ hoặc hành động được thực hiện trong dự án để tạo ra các kết quả nhất định. Những nhiệm vụ hoặc hành động này cùng với một lịch biểu và trách nhiệm cụ thể của các bộ phận thực hiện sẽ tạo thành kế hoạch làm việc của dự án. Các nguồn lực: gồm có vật chất, tài chính và con người cần thiết để tiến hành các hoạt động của dự án. Giá trị hoặc chi phí của các nguồn lực này chính là vốn đầu tư cần cho dự án.^[27]

Ba là, với khoảng thời gian bao lâu thì mục tiêu có thể đạt được, và các kết quả dự kiến của dự án. Các kết quả: đó là những kết quả cụ thể, có thể định lượng, được tạo ra từ các hoạt động khác nhau của dự án. Đây là điều kiện cần thiết để thực hiện các mục tiêu của dự án.^[27]

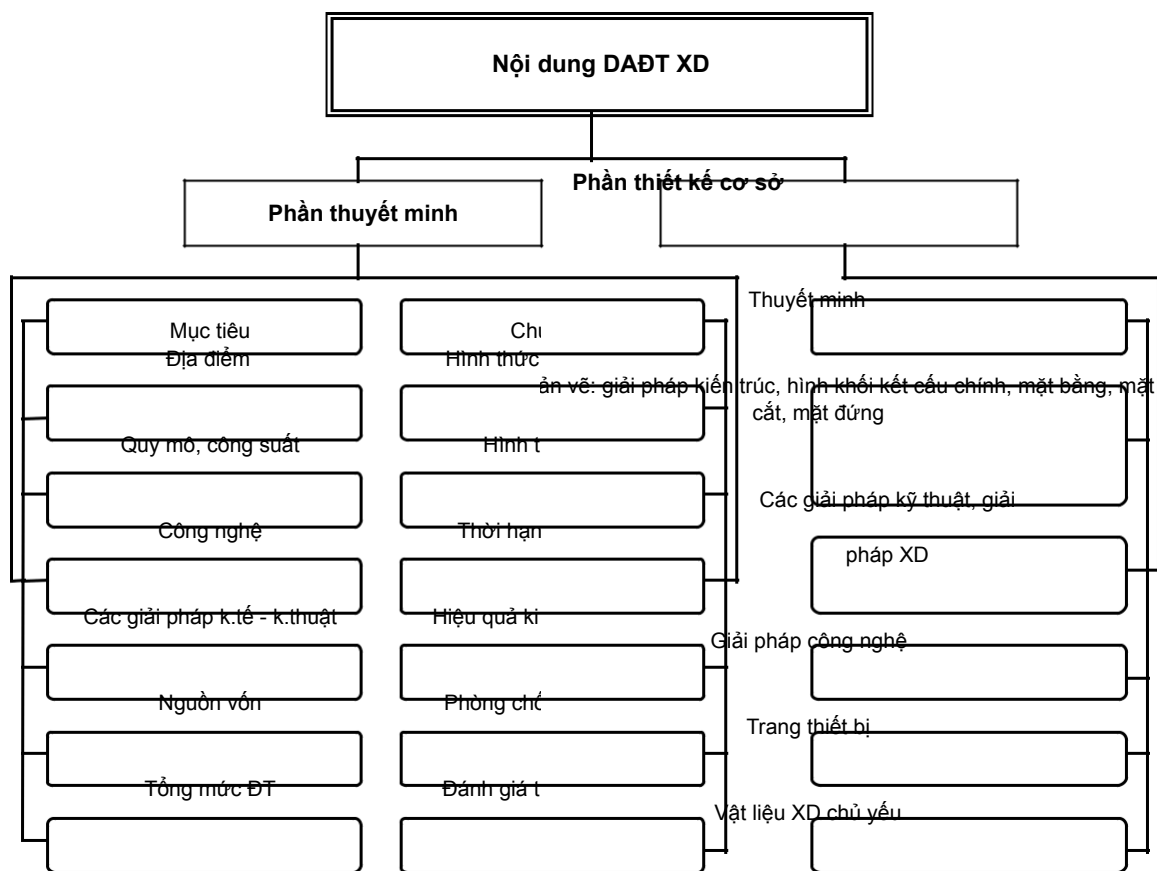
b. Nội dung cụ thể

Các dự án quan trọng quốc gia, lập dự án đầu tư bao gồm hai bước là lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) và lập dự án đầu tư xây dựng công trình (Báo cáo nghiên cứu khả thi).^[18]

Các dự án nhóm A, B, C chỉ phải lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi) trừ trường hợp công trình chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Đó là: công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo, các công trình xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất)...trừ trường hợp người quyết định đầu tư thấy cần thiết và yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.^[18]

Nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình (Báo cáo nghiên cứu khả thi) bao gồm thuyết minh và phần thiết kế cơ sở.^[18]

Nội dung dự án đầu tư xây dựng có thể được trình bày qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3 - Nội dung của dự án đầu tư xây dựng. ^[49]

c. Trình tự lập dự án đầu tư

Chất lượng của dự án đầu tư phụ thuộc vào cách chia giai đoạn lập dự án đầu tư và chất lượng của từng giai đoạn, việc lập dự án đầu tư phải tuân theo trình tự quy định. Hiện nay, trình tự lập dự án đầu tư được thực hiện như sau:^[53]

- Nghiên cứu về sự cần thiết phải đầu tư và quy mô đầu tư;
- Tiến hành tiếp xúc, thăm dò thị trường;
- Tiến hành điều tra, khảo sát và lựa chọn địa điểm xây dựng;
- Lập dự án đầu tư;
- Gửi hồ sơ dự án và văn bản trình đến người có thẩm quyền quyết định đầu tư, tổ chức cho vay vốn đầu tư và cơ quan thẩm định dự án đầu tư;

1.2.2.5. Vai trò của dự án đầu tư xây dựng

- Đối với chủ đầu tư: ^[37]
 - + Dự án đầu tư là một căn cứ quan trọng nhất để nhà đầu tư quyết định có nên tiến hành đầu tư dự án này hay không.
 - + Dự án đầu tư là công cụ để tìm đối tác trong và ngoài nước liên doanh bỏ vốn đầu tư cho dự án.
 - + Dự án đầu tư là cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện đầu tư, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra quá trình thực hiện dự án.
 - + Dự án đầu tư là căn cứ quan trọng để theo dõi, đánh giá và có điều chỉnh kịp thời những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện và khai thác công trình.
 - + Dự án đầu tư là căn cứ quan trọng để soạn thảo hợp đồng liên doanh cũng như để giải quyết các mối quan hệ tranh chấp giữa các đối tượng trong quá trình thực hiện dự án.

- Đối với nhà tài trợ: (Các ngân hàng thương mại) ^[37]

Dự án đầu tư là căn cứ quan trọng để các cơ quan này xem xét tính khả thi của dự án, từ đó sẽ đưa ra quyết định có nên tài trợ cho dự án hay không và nếu

tài trợ thì tài trợ đến mức độ nào để đảm bảo rủi ro ít nhất cho nhà tài trợ. - Đối với cơ quan quản lý nhà nước: ^[37]

+ Dự án đầu tư là tài liệu quan trọng để các cấp có thẩm quyền xét duyệt, cấp giấy phép đầu tư.

+ Dự án đầu tư là căn cứ pháp lý để toà xem xét, giải quyết khi có sự tranh chấp giữa các bên tham gia đầu tư trong quá trình thực hiện dự án.

Với vai trò quan trọng như vậy, không thể coi việc lập dự án đầu tư là việc làm chiếu lệ, đảm bảo thủ tục đầu tư, để đi tìm đối tác, xin cấp vốn, vay vốn, xin giấy phép đầu tư mà phải coi đây là một công việc nghiên cứu và phân tích, đánh giá dự án một cách nghiêm túc theo khoa học lập dự án, chứa đựng giá trị trí tuệ sáng tạo. Đó thực sự phải là sản phẩm lao động khoa học của những nhà tư vấn có kinh nghiệm chuyên môn, chữ tâm và đạo đức nghề nghiệp.

1.2.3. Quản lý tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng

1.2.3.1. Khái niệm

Quản lý đầu tư trong xây dựng là tập hợp những tác động của nhà nước, chủ đầu tư đến toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng kể từ bước xác định dự án đầu tư xây dựng đến khi thực hiện dự án tạo ra công trình bàn giao đưa

vào sử dụng để đạt được mục tiêu đầu tư đã xác định. ^[37]

1.2.3.2. Chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình bao gồm: ^[18]

- ối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì chủ đầu tư xây dựng công trình do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. ^[18]

+Đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, chủ đầu tư là một trong các cơ quan, tổ chức sau: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (gọi chung là cơ quan cấp Bộ), Ủy

ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và doanh nghiệp nhà nước;

+Đối với dự án do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư là đơn vị quản lý, sử dụng công trình.

Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư có thể giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư. Trong trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì đơn vị sẽ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng;

+Trường hợp không xác định được chủ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản này thì người quyết định đầu tư có thể uỷ thác cho đơn vị khác có đủ điều kiện làm chủ đầu tư hoặc đồng thời làm chủ đầu tư.

- Đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng, người vay vốn là chủ đầu tư.

- Đối với các dự án sử dụng vốn khác, chủ đầu tư là chủ sở hữu vốn

hoặc là người đại diện theo quy định của pháp luật.^[18]

1.2.3.3. Các hình thức quản lý dự án

Có 2 hình thức quản lý dự án: ^[18]

- Hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án ;

- Hình thức chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án.

Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì chủ đầu tư thành lập

Ban Quản lý dự án để giúp chủ đầu tư làm đầu mối quản lý dự án. Ban Quản lý dự án phải có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo yêu

cầu của chủ đầu tư. Ban Quản lý dự án có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban Quản lý dự án không có đủ điều kiện, năng lực để

thực hiện nhưng phải được sự đồng ý của chủ đầu tư. Đối với dự án có quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng thì chủ đầu tư có thể không lập Ban Quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý thực hiện dự án.^[18]

Trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm, quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thực hiện theo hợp đồng thoả thuận giữa hai bên. Tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia quản lý nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận và phù hợp với hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình hoặc chỉ định đầu môi để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.^[18]

1.2.3.4. Nguyên tắc quản lý dự án đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng công trình phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng.^[18]

Đầu tư xây dựng công trình phải đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và an toàn môi trường.^[18]

Đầu tư xây dựng công trình phải phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.^[18]

Ngoài những nguyên tắc trên thì tùy thuộc theo từng nguồn vốn sử dụng cho dự án mà quản lý nhà nước đối với dự án còn phải theo nguyên tắc sau:^[18]

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách: Nhà nước quản lý toàn diện quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư, lập thiết kế, tổng dự toán, lựa chọn nhà thầu, thi công xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.^[18]

- Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước: Nhà nước chỉ quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư. Doanh nghiệp có dự án đầu tư tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo quy định của pháp luật.^[18]

- Đối với dự án sử dụng vốn khác kể cả vốn tư nhân: Chủ đầu tư quyết định hình thức đầu tư và nội dung quản lý dự án. Riêng trường hợp dự án sử dụng vốn hỗn hợp từ nhiều nguồn vốn thì các bên góp vốn thỏa thuận về phương thức quản lý hoặc quản lý theo quy định đối với loại nguồn vốn có tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức đầu tư của dự án.^[18]

1.2.3.5. Nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Xuất phát từ yêu cầu, nguyên tắc, mục tiêu và phạm vi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước; các nội dung chủ yếu của quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước gồm: ^[18]

- Công tác kế hoạch hoá vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách ^[18] Các dự án được ghi vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải phù hợp với quy

hoạch phát triển ngành và lãnh thổ được duyệt.

Các dự án được ghi vào kế hoạch chuẩn bị thực hiện đầu tư hoặc thực hiện đầu tư phải có quyết định đầu tư phù hợp với những quy định của quy chế quản lý đầu tư xây dựng.

Công tác kế hoạch hoá vốn đầu tư nhằm phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản một cách hợp lý có hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn.

- Phân cấp quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, quy định các biện pháp, cách thức tổ chức và vận hành các biện pháp nhằm

phân định rõ thẩm quyền quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền như:^[18]

- + Thẩm quyền quyết định đầu tư;
- + Thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm;
- + Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán, kết quả đấu thầu, chỉ định thầu;
- + Thẩm quyền phê duyệt dự toán...

Phân cấp quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản phụ thuộc và chịu sự điều chỉnh của chính sách nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế xã hội theo ngành, lãnh thổ. Mục đích của cơ chế này nhằm giảm sự tập trung cao độ vào các cơ quan trung ương đồng thời nâng cao trách nhiệm của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương trong việc quản lý các dự án thuộc phạm vi ngành, lãnh thổ mình phụ trách.

- Công tác lập và quản lý quy hoạch ^[18]: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch phát triển ngành; quy hoạch phát triển vùng... Mục đích, yêu cầu của công tác lập và quản lý quy hoạch là xây dựng những căn cứ khoa học, thực tiễn, làm cơ sở cho việc hoạch định và chỉ đạo thực hiện các chủ trương, các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển trong 5 năm, 10 năm và 15 năm.

Quy hoạch giúp cho nhân dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài hiểu rõ được tiềm năng, thế mạnh, cơ hội đầu tư, khả năng hợp tác liên doanh, liên kết trên địa bàn cũng như với các tỉnh khác. Mặt khác giúp các cấp uỷ Đảng, UBND các cấp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đột phá phát triển phù hợp với cơ chế thị trường.

- Công tác lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán.^[18] Một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc quản lý đầu tư và xây

dựng là quản lý tốt công tác chuẩn bị đầu tư, trong đó có việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư. Thẩm định dự án đầu tư được xem như là một yêu cầu không thể thiếu và là cơ sở để ra quyết định hoặc cấp giấy phép đầu tư.

Đây là công việc được tiến hành trong các giai đoạn hình thành dự án (nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi hoặc các nghiên cứu chuyên đề).

Yêu cầu thẩm định dự án đầu tư xuất phát từ bản chất, tính phức tạp và các đặc trưng cơ bản của hoạt động đầu tư. Thẩm định dự án nhằm làm sáng tỏ và phân tích về một loạt các vấn đề có liên quan tới tính khả thi trong quá trình thực hiện dự án: thị trường, công nghệ, kỹ thuật, khả năng tài chính của dự án để đứng vững trong suốt đời hoạt động, về quản lý thực hiện dự án, phần đóng góp của dự án vào sự tăng trưởng của nền kinh tế... với các thông tin về bối cảnh và các giả thiết sử dụng trong dự án này; Đồng thời đánh giá để xác định xem dự án có giúp quốc gia đạt được các mục tiêu xã hội hay không, nếu có thì bằng cách nào, và liệu dự án có đạt hiệu quả kinh tế hay không khi đạt các mục tiêu này.

Giai đoạn thẩm định dự án bao hàm một loạt khâu thẩm định và quyết định, đưa tới kết quả là chấp thuận hay bác bỏ dự án. Như vậy, về mặt chuyên môn yêu cầu chung của công tác thẩm định dự án là đảm bảo tránh thực hiện đầu tư các dự án không có hiệu quả, mặt khác cũng không bỏ mất các cơ hội đầu tư có lợi. Mặt khác, thẩm định dự án còn là công việc được thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư, vì vậy cần được tiến hành theo các yêu cầu về quản lý. Về mặt này, công tác thẩm định dự án phải được tiến hành phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và đảm bảo thời hạn quy định.

- Quản lý công tác đấu thầu ^[18]

Công tác đấu thầu là việc lựa chọn nhà thầu theo những tiêu thức nhất định. Tùy theo quy mô, tính chất, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng dự án để quy định các cách tổ chức đấu thầu (đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế,...); quy định thang điểm chấm thầu... nhằm mục đích giảm chi phí đầu tư, nâng cao chất lượng công trình, rút ngắn thời gian thực hiện dự án.

- Công tác thanh quyết toán nhằm đánh giá lại toàn bộ hoạt động đầu

tư, xác định giá trị và hiệu quả thực tế của các dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.^[18]

- Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng.^[18]
- Công tác quản lý năng lực Ban quản lý và chủ đầu tư.^[18]
- Quản lý Công tác giám sát đánh giá đầu tư.^[18]
- Trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đầu tư và xây dựng.^[18]

1.2.4. Tiến độ của dự án đầu tư xây dựng và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội

1.2.4.1. Tiến độ của dự án đầu tư xây dựng

Tiến độ của dự án đầu tư xây dựng là khoảng thời gian từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư, lập thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, thi công xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng.^[18]

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án, nhưng không quá 3 năm đối với dự án nhóm C, không quá 5 năm đối với dự án nhóm B.^[18] Điều này có thể hiểu theo hướng tích cực là tiến độ thực hiện dự án nhóm C tối đa là 3 năm và tiến độ thực hiện dự án nhóm B tối đa là 5 năm.

1.2.4.2. Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình

Tiến độ thi công xây dựng công trình được quản lý như sau:

Công trình xây dựng trước khi triển khai phải được lập tiến độ thi công xây dựng. Tiến độ thi công xây dựng công trình phải phù hợp với tổng tiến độ của dự án đã được phê duyệt.^[18]

Đối với công trình xây dựng có quy mô lớn và thời gian thi công kéo dài thì tiến độ xây dựng công trình phải được lập cho từng giai đoạn theo tháng, quý, năm.^[18]

Nhà thầu thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ lập tiến độ thi công xây dựng chi tiết, bố trí xen kẽ kết hợp các công việc cần thực hiện nhưng

phải bảo đảm phù hợp với tổng tiến độ của dự án.^[18]

Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát và các bên có liên quan có trách nhiệm theo dõi, giám sát tiến độ thi công xây dựng công trình và điều chỉnh tiến độ trong trường hợp tiến độ thi công xây dựng ở một số giai đoạn bị kéo dài nhưng không được làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư để đưa ra quyết định việc điều chỉnh tổng tiến độ của dự án.^[18]

Khuyến khích việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng trên cơ sở bảo đảm chất lượng công trình. Trường hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án thì nhà thầu xây dựng được xét thưởng theo hợp đồng. Trường hợp kéo dài tiến độ xây dựng gây thiệt hại thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại và bị phạt vi phạm hợp đồng.^[18]

1.2.4.3. Các tiêu chí (chỉ tiêu) đánh giá tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng

a. Khả năng thu xếp vốn, nguồn vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt.

b. Thời gian lập dự án theo hợp đồng ký kết với các đơn vị tư vấn đầu tư.

c. Thời gian thẩm định dự án. Theo quy định hiện hành: Đối với dự án quan trọng quốc gia, thời gian thẩm định dự án không quá 90 ngày làm việc; Đối với dự án nhóm A, thời gian thẩm định dự án không quá 40 ngày làm việc; Đối với dự án nhóm B, thời gian thẩm định dự án không quá 30 ngày làm việc; Đối với dự án nhóm C, thời gian thẩm định dự án không quá 20 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.^[18,20]

d. Kế hoạch thời gian thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e. Thời gian cấp giấy phép xây dựng. Theo quy định hiện hành: trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.^[18,20]

g. Thời gian thực tế thi công của các nhà thầu xây dựng so với tiến độ thi công được lập. Công trình xây dựng trước khi triển khai phải được lập tiến độ thi công xây dựng. Tiến độ thi công xây dựng công trình phải phù hợp với tổng tiến độ của dự án đã được phê duyệt. Đối với công trình xây dựng có quy mô lớn và thời gian thi công kéo dài thì tiến độ xây dựng công trình phải được lập cho từng giai đoạn theo tháng, quý, năm.^[18,20]

đ. Thời gian hoàn thành thủ tục nghiệm thu thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

h. Thời gian hoàn thành thủ tục bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

1.2.4.4. Tác động của tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng đối với phát triển kinh tế - xã hội

Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng được đảm bảo hoàn thành và đẩy nhanh so kế hoạch trên cơ sở bảo đảm chất lượng công trình sẽ nâng cao hiệu quả đầu tư, tiết kiệm nhiều chi phí xã hội và mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, cho địa phương, cho người dân và cho toàn xã hội; phát huy lợi thế thời điểm của chi phí bỏ ra.^[1,30,33]

Tuy nhiên, việc các dự án chậm tiến độ đã tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các địa phương, đến mục tiêu xây dựng và phát triển của các cấp các ngành và vùng trọng điểm kinh tế quốc gia. Ngoài việc làm lãng phí tài nguyên đất đai, tăng chi phí, giảm hiệu quả đầu tư, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thì tác động tiêu cực tới sự phát triển xã hội là không nhỏ. Nhiều chủ đầu tư mặc dù có đủ năng lực thực hiện dự án nhưng do vướng GPMB vẫn không thể triển khai được cho biết, họ thực sự mệt mỏi vì dự án bị “đắp chiếu” do không giải

phóng được mặt bằng, trong khi lãi tiền vay cứ tăng dần, chưa kể chi phí cho việc bảo vệ thiết bị, quản lý dự án cứ đội lên theo năm tháng.^[1,30,33]

Do việc nhiều dự án chậm tiến độ khiến cho các địa phương, nhất là những địa phương có nhiều dự án lớn luôn xảy ra tình trạng “đại công trường sản xuất bụi”, hàng nghìn hộ dân trong vùng có dự án bị ảnh hưởng bởi cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, việc đấu nối hệ thống cấp thoát nước thiếu đồng bộ nên mỗi khi mùa mưa đến tình trạng ngập úng lại xảy ra...^[1,30,33]

Việc các dự án chậm tiến độ do chủ đầu tư thiếu năng lực dẫn đến nhiều hộ dân đã bàn giao mặt bằng nhưng không được nhận tiền đền bù để chuyển đổi ngành nghề, ổn định cuộc sống...gây khó khăn, khốn đốn cho người dân.^[1,30,33]

1.3. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN TIẾN ĐỘ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSNN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM

1.3.1. Kinh nghiệm trên thế giới

1.3.1.1. Kinh nghiệm quản lý các dự án đầu tư công tại Trung Quốc

Ngày 25/7/2004, Chính phủ Trung Quốc chính thức công bố và đưa vào áp dụng “Quyết định về cải cách thể chế đầu tư” được Quốc vụ viện chuẩn y^[72] đã nâng cao mức độ khoa học hóa, dân chủ hóa trong việc quyết định đầu tư. Quyết định này đòi hỏi phải kiện toàn cơ chế pháp nhân của hạng mục đầu tư, cải cách chế độ lập dự toán, hoàn thiện cơ chế thực hiện và tăng cường kiểm tra, giám sát theo “hệ thống đánh giá chất lượng dự toán”, kiến lập chế độ trách nhiệm quyết sách của cấp thẩm quyền xuất vốn. Nhờ vậy, hiệu quả đầu tư công được nâng cao và hạn chế khả năng xảy ra tham nhũng.

Cùng với Quyết định cải cách thể chế đầu tư, Chính phủ đã ban hành và áp dụng cải cách chế độ quản lý dự toán. Để chính phủ có đủ thời gian sàng lọc lựa chọn hạng mục đầu tư, thay đổi chế độ quản lý dự toán hàng

năm thành chế độ nối với năm liền kề. Ví dụ, có thể quy định năm tài chính bắt đầu từ 1-4 năm này đến 31-3 năm sau hoặc từ 1-7 năm này đến 30-6 năm sau^[72]. Với quy định mới này, vừa tránh được những vướng mắc thường gặp do giới hạn thời gian vừa tạo điều kiện để công tác lập dự toán được tiến hành đúng trình tự và yêu cầu, lại có thể thẩm định kỹ trước khi phê duyệt.

Để kiện toàn chế độ quản lý các khoản đầu tư công, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành quy phạm lập luận chứng khả thi bao gồm các nội dung : sự cần thiết phải xây dựng công trình, quy mô, công năng, khả năng đáp ứng vốn, hiệu quả mong muốn...^[72] Trên cơ sở đó, các ban ngành tham khảo và bổ xung và tham gia vào quyết định đầu tư. Sau đó, cần tăng cường việc giám sát thi công về các mặt tiến độ, chất lượng vật liệu, trình độ và phẩm cấp thiết bị, nhân lực. Cuối cùng là khâu nghiệm thu công trình nhất thiết phải được đánh giá chính xác khách quan chất lượng thi công, thực hiện đơn giá, dự toán, thời hạn hoàn công, quy trình bàn giao và cam kết bảo hành công trình.

Mô hình “đại diện xây dựng” ra đời khuyến khích việc tách rời các khâu “đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng”, thúc đẩy các khâu chế ước lẫn nhau, nhất là trong các công đoạn gọi thầu thi công và cung ứng vật tư thiết bị. Mô hình “đại diện xây dựng” được áp dụng có hiệu quả trong việc xây dựng 4 đường vành đai ở thủ đô Bắc kinh.^[72]

1.3.1.2. Kinh nghiệm quản lý hoạt động đấu thầu xây dựng của một số nước và tổ chức quốc tế khác

a. Kinh nghiệm đấu thầu xây dựng của nước Nga

Ở Nga, để quản lý hoạt động đấu thầu, Tổng thống Nga ban hành Nghị định kèm theo quy chế đấu thầu về mua sắm hàng hoá, xây lắp công trình, dịch vụ cho các nhu cầu quốc gia. Một trong những kinh nghiệm tổng quan chi phí hoạt động đấu thầu của nước Nga là sự phù hợp cao của quy chế đấu

thầu quốc tế. Nó đảm bảo cho các hoạt động đấu thầu quốc tế diễn ra ở nước Nga không phải tốn nhiều công sức vào việc nghiên cứu tìm hiểu các quy định của các tổ chức quốc tế trước khi tiến hành chúng. Do vậy, đây là một trong những căn cứ quan trọng góp phần thực hiện một trong những yêu cầu của nâng cao chất lượng đấu thầu là tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của chủ đầu tư và tạo sự dễ dàng cho quá trình thực hiện.^[43]

b. Kinh nghiệm đấu thầu của Ngân hàng Thế giới (WB)

Ngân hàng Thế giới là một tổ chức quốc tế quản lý các khoản cho vay với 185 nước thành viên. Để quản lý các hoạt động mua sắm, Ngân hàng Thế giới ban hành hai văn bản quy định riêng rẽ. Những quy định này được các nhà lập pháp Việt Nam tham khảo nhiều trong quá trình xây dựng quy chế đấu thầu và điều hành hoạt động đấu thầu ở Việt Nam từ những ngày đầu tiên cho đến bây giờ. Hai quy định riêng rẽ đó gồm ^[43]:

- Hướng dẫn mua sắm bằng vốn vay IBRD (Ngân hàng Tái thiết và Phát triển quốc tế) và tín dụng IDA (Hiệp hội Phát triển quốc tế) của Ngân hàng Thế giới đối với hàng hoá và xây lắp.

- Hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới về tuyển dụng chuyên gia tư vấn. Việc ban hành riêng rẽ hai loại hoạt động đấu thầu có nhiều điểm riêng

biệt của Ngân hàng Thế giới cũng là một trong những kinh nghiệm đầu tiên có thể xem xét trong điều kiện của nước ta vì những quy định về đấu thầu của nước ta hiện nay quá dài, hơn nữa các quy định đó lại thay đổi thường xuyên nên có thể gây nhiều khi áp dụng. Kinh nghiệm thứ hai có thể xem xét trong bối cảnh của nước ta là việc quy định rõ tính hợp lệ của nhà thầu. Một trong những nhân tố quan trọng để nhà thầu được phép tham dự thầu với tư cách một Nhà thầu độc lập là nó phải tự chủ về tài chính. Có như vậy các nhà thầu khi tham gia đấu thầu mới tránh được sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý trực tiếp hoặc tránh bị lệ thuộc vào một cấp quản lý nhất định. ^[63]

Tóm lại, nghiên cứu những kinh nghiệm trong việc xây dựng tổ chức hoạt động đấu thầu xây dựng của một số nước, một số tổ chức quốc tế có ý nghĩa rất lớn để góp phần hoàn thiện quy chế đấu thầu ở nước ta cũng như tìm ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phổ biến này. Qua những kinh nghiệm nêu trên, thấy nổi lên một số điểm chính là: (1) có thể nghiên cứu xây dựng các quy quy định về đấu thầu tách rời giữa đấu thầu mua sắm hàng hoá dịch vụ và công trình xây dựng với đấu thầu tuyển chọn tư vấn; (2) nghiên cứu áp dụng tổ chức hoạt động đấu thầu tập trung trên phạm vi toàn quốc hoặc từng vùng (Bắc, Trung, Nam) để tăng tính khách quan, vô tư, công bằng bình đẳng; (3) áp dụng cơ chế giám sát, xử phạt nghiêm minh các tổ chức, cơ quan và cá nhân vi phạm trong đấu thầu và thực hiện các hợp đồng.

1.3.2. Kinh nghiệm các địa phương ở Việt Nam

1.3.2.1. Tình hình phát triển các khu kinh tế ven biển

Đến nay, ngoài 9 khu kinh tế là Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây – Lăng ô, Vân Phong, Vân Đồn, Nam Phú Yên đã cơ bản hoàn thành các công tác quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng và đang tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- xã hội, xây dựng các khu tái định cư, các khu kinh tế khác hiện đang trong giai đoạn xây dựng quy hoạch, chuẩn bị và hoàn thiện bộ máy và nhân sự, chuẩn bị các điều kiện tiền đề cho việc lập dự án và huy động vốn đầu tư xây

dựng cơ sở hạ tầng, triển khai công tác đền bù giải phóng mặt bằng các khu chức năng.^[42]

Tính đến năm 2009, các khu kinh tế đã thu hút được 550 dự án trong nước và nước ngoài với tổng vốn đầu tư 24.415,9 triệu USD và 294.157 tỷ đồng^[42]. Trong đó, có một số dự án lớn và quan trọng tại các khu kinh tế như: các nhà máy lọc dầu ở các khu kinh tế Nghi Sơn, Dung Quất và Nam Phú Yên; các nhà máy đóng tàu ở các khu kinh tế Nghi Sơn, Dung Quất; Nhà máy

thép Quảng Liên, Khu liên hợp gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương, Nhà máy cơ khí nặng Doosan, các nhà máy nhiệt điện tại các khu kinh tế Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, Định An. Ngoài ra, dự án kênh quan Chánh Bồ (Định An), cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, sân bay Phú Quốc cũng đang khẩn trương triển khai đầu tư xây dựng. Đến hết năm 2010, tổng vốn đầu tư hạ tầng của các khu kinh tế lên đến gần 170.000 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư nước ngoài chiếm 130.000 tỷ, trong nước 40.000 tỷ đồng); thu hút khoảng 130 dự án FDI, với tổng vốn đầu tư hơn 25 tỷ USD và 650 dự án đầu tư trong nước...(Số liệu Bộ Kế hoạch đầu tư công bố tại hội thảo *Cơ chế, chính sách phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam* diễn ra ở Quảng Nam vào tháng 7/2011) ^[42].

Hiện tại, một số dự án lớn và quan trọng tại các khu kinh tế đã hoàn thành và đi vào hoạt động như Nhà máy Lọc dầu số 1, Nhà máy đóng tàu, Nhà máy cơ khí nặng Doosan tại khu kinh tế Dung Quất; sân bay Chu Lai, Nhà máy ô tô Trường Hải tại khu kinh tế mở Chu Lai; các nhà máy xi măng tại khu kinh tế Nghi Sơn,...góp phần đáng kể cho việc tăng năng lực sản xuất trong ngành công nghiệp và phát triển kinh tế vùng ^[43].

1.3.2.2.. Các cơ chế, chính sách đối với các khu kinh tế ven biển

Trên cơ sở chủ trương cho phép nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình Khu kinh tế mở tại Chu Lai, các cơ chế, chính sách đối với các khu kinh tế ven biển bắt đầu dần được từng bước xây dựng và cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương đối với đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển và phương thức tổ chức và hoạt động của một số khu chức năng trong khu kinh tế như khu thương mại tự do, khu phi thuế quan cũng được nghiên cứu ban hành để tạo ra những động lực mới cho các khu kinh tế ven biển phát triển. ^[42]

1.3.2.3.. Các vấn đề đặt ra đối với phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam

Quá trình nghiên cứu, triển khai xây dựng và phát triển các khu kinh tế trong thời gian qua đặt ra một số vấn đề cần tập trung nghiên cứu giải quyết cụ thể gồm^[42]:

- Việc hình thành các khu kinh tế trong bối cảnh luật pháp ngày càng được bổ sung và hoàn thiện, vì vậy các cơ chế, chính sách ưu đãi và mô hình tổ chức và quản lý đối với các khu kinh tế phải được điều chỉnh cho phù hợp và thay đổi nhiều lần nên có ảnh hưởng tới sự phát triển của các khu kinh tế và hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Ngoài ra, do các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu kinh tế còn bị khống chế bởi quy định khung

của pháp luật do vậy cũng chỉ có thể nghiên cứu áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất trong khung pháp luật hiện hành đối với các khu kinh tế.^[42]

- Trình độ và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ công chức của một số Ban quản lý khu kinh tế còn hạn chế nên chưa xây dựng quy hoạch, kế hoạch định hướng phát triển chiến lược dài hạn, triển khai đồng bộ các chức năng, nhiệm vụ đã được giao. Đồng thời, các Bộ, ngành cũng chưa quan tâm tới việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công chức của Ban quản lý.^[42]

- Mặc dù thời gian nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình khu kinh tế mở tại Chu Lai theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị diễn ra khá dài nhưng chỉ ngay sau khi khu kinh tế mở Chu Lai được thành lập, số lượng các khu kinh tế ven biển được quy hoạch và thành lập đã tăng lên nhanh chóng.^[42]

- Phần lớn các khu kinh tế đều được thành lập ở những tỉnh có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn và ở những khu vực mà hệ thống kết

cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu còn chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ nên việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng của các khu kinh tế chủ yếu phải dựa

vào nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương. Tuy nhiên, do nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương còn rất hạn chế trong khi số lượng các khu kinh tế được thành lập tăng nhanh nên mức vốn hỗ trợ cho các khu kinh tế được thành lập trong 3 năm gần đây có xu hướng giảm và chỉ đáp ứng được rất hạn chế nhu cầu của các địa phương về vốn hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật – xã hội của các khu kinh tế.^[42]

1.3.3. Bài học kinh nghiệm cho Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế

Qua tham khảo công tác quản lý và thực hiện tiến độ dự án ĐTXD sử dụng vốn NSNN ở một số nước trên thế giới, của một số tổ chức quốc tế và thực tiễn thực hiện các dự án ĐT xây dựng tại các KCN, KKT trong nước, có thể rút ra một số kinh nghiệm và bài học thực tiễn sau:

- Một là, công tác quy hoạch phát triển KKT phải đi trước một bước, đặc biệt là việc lựa chọn vị trí xây dựng, quy mô xây dựng, chọn ngành công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư vào K N phải phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Hai là, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hiện nay có nhiều vấn đề phức tạp, gây khó khăn cho đầu tư xây dựng hạ tầng KKT. Bởi vậy, cần hết sức thận trọng nhưng quyết liệt trong công tác giải phóng mặt bằng mà việc quan trọng là cần phải công khai rộng rãi và đền bù thật thỏa đáng cho người dân, có những chính sách đảm bảo đời sống tốt hơn cho những hộ dân bị di dời giải tỏa.

- Ba là, đầu tư xây dựng hạ tầng KKT yêu cầu vốn đầu tư rất lớn và tập trung, nhưng thu hồi vốn đầu tư lại chậm, do đó ở những địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, ngoài vốn hỗ trợ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, cần có sự kết hợp, lồng ghép các chương trình, dự án với việc xây dựng hạ tầng KKT nhằm kết hợp chặt chẽ giữa khả năng vốn đầu tư xây dựng

ơ sở hạ tầng kỹ thuật KKT với hạ tầng các dự án khác để tận dụng và tăng hiệu quả đầu tư

- Bốn là, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với KKT theo cơ chế “*một cửa, tại chỗ*” tại Ban Quản lý đang là cơ chế quản lý phát huy hiệu quả, vừa đảm bảo nâng cao vai trò và năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với KKT, vừa đảm bảo yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải quyết nhanh gọn các vấn đề phát sinh về quản lý trong lĩnh vực đầu tư xây dựng. Để thực hiện tốt cơ chế quản lý này, ngoài việc thường xuyên quan tâm nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức của Ban Quản lý, cần thực hiện tốt các quy định tại Nghị định 29, trong đó có cơ chế phân cấp, ủy quyền của các sở, ban ngành và UBND cấp tỉnh cho Ban quản lý. Bên cạnh đó, phải có quy chế phối hợp chặt chẽ giữa Ban Quản lý với các Sở, ngành, địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, luận văn đã hệ thống hóa lý luận cơ bản và thực tiễn về các vấn đề đầu tư phát triển, dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng và tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN. Đây là cơ sở khoa học và khung nghiên cứu định hướng cho nội dung nghiên cứu ở các chương tiếp theo của luận văn.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NSNN TẠI KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ

2.1. TỔNG QUAN VỀ KHU KINH TẾ CHÂN MÂY-LĂNG CÔ

2.1.1. Vai trò và vị trí địa lý của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô

Thừa Thiên - Huế là một trong 5 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, nằm trên trục giao thông Bắc- Nam, trục hành lang kinh tế Đông-Tây nối Thái Lan-Lào-Myanmar và ở vào vị trí giữa hai trung tâm kinh tế phát triển nhất của đất nước. Khu vực Chân Mây - Lăng Cô nằm phía Nam tỉnh Thừa Thiên Huế, là nơi không chỉ được thiên nhiên ban cho nhiều ưu đãi với cảnh quan thiên nhiên đẹp, thảm thực vật phong phú...mà còn có nhiều thế mạnh về giao thông, thuận lợi cho phát triển kinh tế. [64]

Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô bao gồm thị trấn Lăng Cô và các xã Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Vĩnh thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tổng diện tích đất tự nhiên Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô là 27.108 ha, trong đó diện tích khai thác phát triển khu kinh tế khoảng 10.000 ha, được giới hạn như sau[50]:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp biển Đông.
- Phía Nam giáp thành phố Đà Nẵng.
- Phía Tây giáp xã Lộc Bình, xã Lộc Trì huyện Phú Lộc.

Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô có vị trí hết sức thuận lợi về giao lưu quốc tế cũng như với các vùng khác trong cả nước: Nằm giữa hai thành phố lớn Huế và Đà Nẵng, giữa hai sân bay quốc tế Phú Bài và Đà Nẵng, có hai cảng biển nước sâu đón được tàu hàng và tàu du lịch quốc tế cỡ lớn vào cảng Chân Mây, cảng Tiên Sa. Vị trí trung tâm của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô còn được thể hiện qua vị trí đầu mối trên các tuyến giao lưu

quốc tế và liên vùng: Nằm trên các trục giao thông chính của quốc gia và quốc tế như tuyến trục Bắc – Nam, Đông – Tây của miền Trung, là cửa ngõ hướng ra biển Đông của các trong Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, đặc biệt với các nước Lào, Thái Lan và Mianma,... Mặt khác, trong một diện tích không gian với bán kính khoảng 150 km lấy Lăng Cô làm trung tâm đã có 4 di sản thế giới được UNESCO công nhận bao gồm phố cổ Hội An - di sản văn hoá thế giới, Thánh địa Mỹ Sơn – di sản văn hóa thế giới, Cố đô Huế – Di sản văn hoá thế giới, động Phong Nha – Kẻ Bàng – di sản thiên nhiên thế giới; Lăng Cô là một phần trong chuỗi con đường di sản miền Trung từ Phong Nha - Kẻ Bàng, cố đô Huế đến Hội An, Mỹ Sơn [64].

2.1.1.1. Thuận lợi về vị trí địa lý



Bản đồ 2.1 - Đầu mối giao thương quan trọng của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô [64]

- Gần khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô có sân bay Phú Bài, sân bay Đà Nẵng và cảng nước sâu Chân Mây đã được quy hoạch xây dựng, vì vậy khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô có tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế thông qua các hoạt động giao thương. [64]

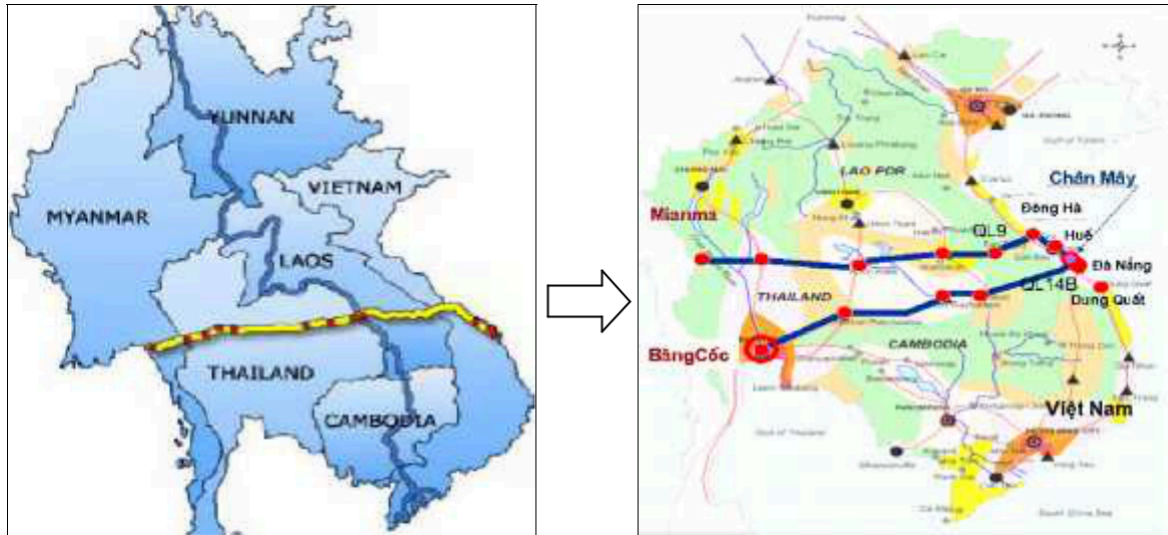
- Chân Mây - Lăng Cô hướng đến trở thành đầu mối giao

thương quan trọng kết nối miền Trung với các nước ASEAN, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Châu Á, Châu Âu, Úc... [64]

2.1.1.2. Khai thông hành lang kinh tế Đông – Tây

- Hành lang kinh tế Đông Tây có triển vọng công hiến to lớn cho sự phát triển các hoạt động kinh tế, đầu tư, du lịch của Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (Greater Mekong Sub-Region). [64]

- Cảng Chân Mây là cửa ngõ ra biển Đông của hành lang kinh tế, nên đây là cơ hội lớn cho sự phát triển kinh tế của Chân Mây – Lăng Cô.^[64]



Bản đồ 2.2 - Hành lang kinh tế Đông Tây ^[64]

2.1.1.3. Được chỉ định là Đô thị hạt nhân kinh tế của miền Trung

- Theo quyết định của Thủ tướng chính phủ^[47] chỉ định các tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định là vùng trọng điểm kinh tế miền Trung nhằm thúc đẩy nền kinh tế của toàn miền Trung.

- Dân số của 4 tỉnh và 1 thành phố này là 6,2 triệu người (năm 2005), bằng 30% dân số miền Trung. ^[47]

- Mục tiêu tăng trưởng GDP: bằng 1,2 đến 1,25 lần trung bình cả nước (khoảng 10%) ^[47]

- Có chính sách đặc biệt (khuyến khích phát triển, xây dựng) ^[47]

+ TP Đà Nẵng;

+ Khu kinh tế mở Chu Lai (Quảng Nam);

+ Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi);

+ Khu khuyến khích phát triển kinh tế-thương mại Chân Mây-Lăng Cô;

+ Khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội (Bình Định).

Phát huy tiềm năng, đặc tính vùng của 1 thành phố và 4 đô thị, thúc đẩy sự phát triển của toàn miền Trung.

2.1.2. Các điều kiện tự nhiên của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

2.1.2.1. Địa hình, địa mạo

- *Địa hình đồng bằng và các doi cát ven biển:* Bị núi Tròn và núi Phú Gia chia cắt thành hai khu vực: ^[50]

+ *Khu Chân Mây:* Địa hình bằng phẳng, có dạng lưng rùa, độ dốc nền từ 0,5 % ÷ 3 %, là đồng bằng của sông Bu Lu, thoải về hai hướng: Ra sông Bu Lu và ra phía biển.

+ *Khu vực Lăng Cô:* Là dải bãi cát sát bờ biển có cao độ từ +1,5 m đến +10,5m, các cồn cát hẹp có cao độ từ + 5,00 m đến +23,00 m, độ dốc tự nhiên <10%.

- *Địa hình ruộng trũng:* Khu vực Chân Mây chủ yếu là khu vực ven sông Bu Lu, ven sông Mỹ Vân có cao độ nền khu vực thấp từ -0,37m đến +1,7m, chiếm 20% + 25% diện tích nghiên cứu. Sâu nhất là khu vực thuận lợi cho xây dựng cảng Chân Mây. Khu vực Lăng Cô: Ven các suối nhỏ chảy từ núi Hải Vân ra đầm Lập An. ^[50]

- *Địa hình ven sườn núi:* Khu vực ven sườn chân núi Phú Gia, chân núi phía Tây đầm Lập An và ven cồn cát có độ dốc là 18%÷25%. Ngoài ra về phía Tây đầm Lập An còn có nhiều thung lũng nhỏ và hẹp với thảm cây xanh tự nhiên, một số đồi thoải rất thuận lợi xây dựng các khu vui chơi, giải trí, thể thao và đặc biệt là việc xây dựng hạ tầng giao thông nội bộ trong khu du lịch không phá vỡ cảnh quan địa hình thiên nhiên. ^[50]

- *Địa hình đồi núi*: Gồm các ngọn núi phía Nam đường sắt, sườn núi Hải Vân ở phía Nam Lăng Cô, núi Phước Tượng và núi Vĩnh Phong, núi Cảnh Dương ở phía Bắc Chân Mây, núi Phú Gia, núi Đá Kẹp và núi Tròn

ngăn cách giữa Chân Mây và Lãng cô, có cao độ 80m ÷ 300m, độ dốc > 20%, dãy núi cao nằm ở phía Nam là dãy Bạch Mã ăn lan ra biên đến núi Hải Vân, có độ cao > 400m, độ dốc > 35%. [50]

2.1.2.2. Điều kiện khí hậu

Khu kinh tế Chân Mây- Lãng Cô nằm phía Nam huyện Phú Lộc, vị trí địa lý tự nhiên của vùng này chịu ảnh hưởng bởi chế độ khí hậu, thủy văn phức tạp. Đây là vùng thường chịu ảnh hưởng của các hình thể thời tiết, kết hợp địa hình núi vòng cung bao bọc, nên ở đây nằm trong vùng mưa lớn của tỉnh Thừa Thiên Huế và thường gây ra lũ lụt cho một số khu vực (*trích tài liệu báo cáo kết quả xây dựng bản đồ ngập lụt khu đô thị mới Chân Mây, do đài khí tượng thủy văn khu vực trung trung bộ, trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh Thừa Thiên Huế, tháng 7 năm 2000*). Lượng mưa ngày ở đồng bằng lên tới 300÷472mm - ở núi, đầu nguồn các sông mưa rất lớn, có lúc > 1000mm (1980,1999) làm cho đồng bằng bị ngập lũ. [50]

2.1.2.3. Điều kiện thủy văn

Khu kinh tế Chân Mây – Lãng Cô có nhiều sông suối chảy qua như:

a. Khu vực Chân Mây [50]

Sông Bu Lu: Khu vực Chân Mây chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy văn sông Bu Lu. Sông này có hai nhánh chảy theo hướng Nam Bắc, đổ vuông góc với đoạn nhập lưu sông chính Bu Lu. sông chính có chiều dài rất ngắn, chảy qua xã Lộc Thủy, cuối cùng đổ vào vịnh Chân Mây qua cửa Cảnh Dương (gần Mũi Chân Mây Tây).

Sông Mỹ Vân (sông Chu Mới): Là sông nhỏ, bắt nguồn từ phía Tây

Quốc lộ 1A, đổ vào vịnh Chân Mây ở khu vực cảng Chân Mây, lòng sông nhỏ

và hẹp, bị bồi lắng, dòng chảy hình thành lớn vào mùa mưa, mùa khô chỉ còn một khe trũng.

b. Khu vực Lãng Cô ^[50]

Đầm Lập An thông với biển Đông rộng khoảng 1.655 ha, quanh đầm có một số con suối nhỏ tập trung nước từ các lưu vực sườn núi Phú Gia và núi Hải Vân đổ vào. Các con suối này lưu lượng nhỏ, về mùa khô dòng chảy không đáng kể, về mùa mưa nước chảy tương đối mạnh gây ra xói ở ven suối.

Giữa chân núi Phú Gia và cồn cát ven biển là rạch tụ thủy để thoát nước cho khu vực trong mùa mưa vào đầm Lập An.

2.1.2.4. Địa chất công trình

Cấu tạo địa chất khu vực Chân Mây-Lãng Cô chủ yếu gồm các hệ Paleozôi, Kainozôi, Mezozôi muộn, Mezozoison là trầm tích sông và bồi tích biển. Khu vực nghiên cứu quy hoạch không có đứt gãy địa chất đi qua - Địa tầng gồm có Đá vôi, sét, sét pha, cát, cao lin, cát pha lẫn sỏi sạn và xáo động thực vật. Nhìn chung khu vực này nền đất có khả năng xây dựng các công trình cao tầng. ^[50]

2.1.2.5. Địa chất vật lý

Theo tài liệu dự báo của Viện Khoa học địa cầu - Khu vực Chân Mây nằm trong vùng dự báo có động đất cấp 6. Vì vậy khi thiết kế và xây dựng cần phải đảm bảo an toàn cho các công trình với cấp động đất dự báo nêu trên. ^[50]

2.1.2.7. Địa chất thủy văn

Nước ngầm trong khu vực khá phong phú, cách mặt đất 1÷2m. Tuy nhiên nguồn nước này thường bị nhiễm mặn vào mùa khô ở khu vực có cốt nền thấp.

2.1.3. Ặc điểm hiện trạng của Khu kinh tế Chân Mây – Lãng Cô

2.1.3.1. Hiện trạng dân cư

Tổng dân số hiện trạng năm 2009, trong Khu kinh tế là 38.892 người bao gồm thị trấn Lãng Cô và các xã Lộc Thủy, Lộc Tiến, Lộc Vĩnh thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. ^[64]

Tỷ lệ tăng dân số trung bình toàn Khu kinh tế giai đoạn 2001-2005 là

1,22%/năm. Trong đó, tỉ lệ tăng tự nhiên là 1,2%/năm, và tăng cơ học là 0,2%/năm. Dân số chủ yếu tăng tự nhiên không có biến động nhiều. ^[64]

2.1.3.2. Hiện trạng lao động trong Khu kinh tế

Dân cư chủ yếu sản xuất theo các ngành nghề chính là nông nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, dịch vụ thương mại (trong đó thị trấn Lăng Cô: dịch vụ thương mại là 40%, thủy sản là 35% và nông nghiệp là 25%). Dân cư có mức sống thấp so với mặt bằng bình quân trong tỉnh. Trong những năm gần đây, do được đầu tư một số công trình trọng điểm như cảng nước sâu Chân Mây, nâng cấp quốc lộ 1A, xây dựng hầm đường bộ Hải Vân... Số người đến làm việc ở trong khu vực tăng lên, dịch vụ và mức sống của người dân đã được cải thiện. ^[64]

2.1.3.3. Hiện trạng đất đai

Tổng diện tích đất tự nhiên xây dựng khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô là 27.108 ha. Cụ thể như sau: ^[64]

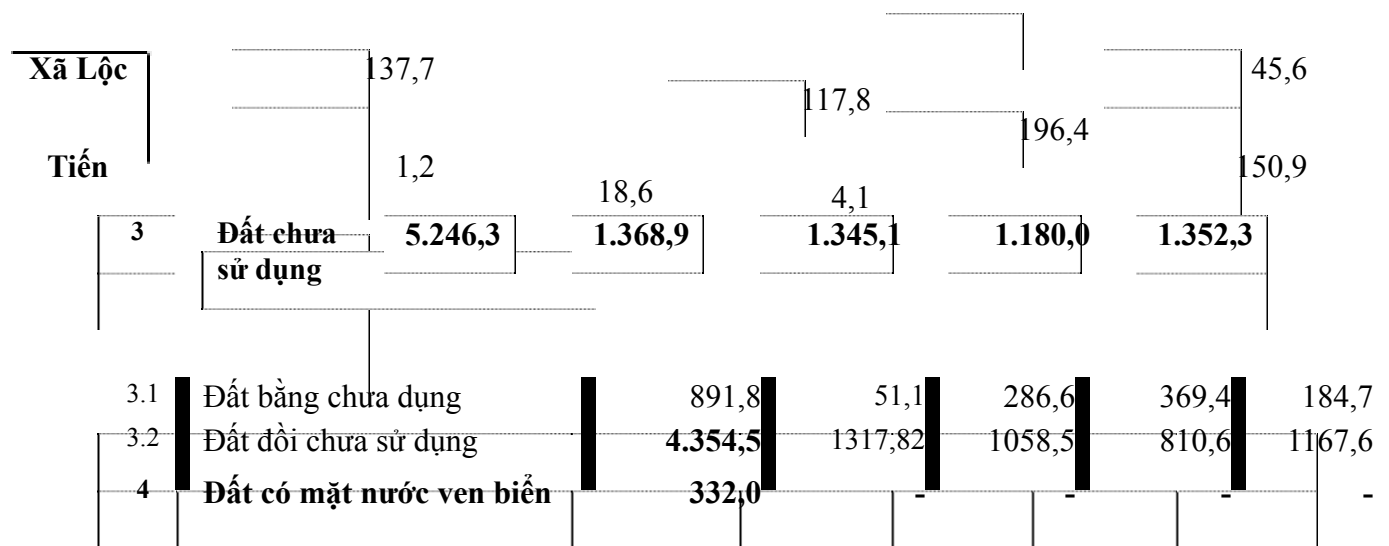
Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất của KKT Chân Mây – Lăng Cô năm 2009 ^[64]

Số	TT	2	
		Loại đất	Đất xây dựng đô thị Đất ở
		Tổng đất tự nhiên:	
		Đất nông nghiệp	
1		Đất sản xuất nông nghiệp ất lâm nghiệp	
1.1		Đất nuôi trồng thủy sản Đất làm muối	
1.2		Đất nông nghiệp khác	
1.3			
1.4		Đất phi nông nghiệp	
1.5			

Tổng	Đơ:		
	Thị trấn Lãng C	Xã Lộc Vĩnh	Xã Lộc Thủy
27.108,0	10.550,	3.454,0	7.048,0
17.851,4	7.056,	1.659,0	5.289,6
2.116,0	144,	307,1	709,9
15.562,0	6871,	1260,4	4541,0
173,4	40,	91,5	38,7
3.678,3	2.124,	449,9	578,5
		210,5	328,5
1.291,2	423,		
		145,1	205,9
777,0	239,		

Số TT		Tổng	Thị trấn Lãng Cô	Xã Lộc Vĩnh	Xã Lộc Thủy
2.2	Đá	491,0	180,7		
					64,7
		8,8	5,3		
	- Đất	26,4			1,1
	á		23,5		
	t	60,2			2,9
	t	395,6	29,3		
	r				12,3
	ụ				
	s				48,4
	ở				
	c	23,2	122,6		
	ơ				0,8
	q		3,7		
	u	2.387,2			
	a				
	n				239,4
	,		1.701,3		
	c	277,2			
	ôn				89,2
	g	2.109,9	50,85		
	t				150,2
	r		1650,49		
	ì				
	n				91,6
	h				
	s				
	ự				
	n				
	g				
	h				
	i				
	ệ				
	p				
	-				
	Đ				
	á				
	a				
	n				
	ni				
	n				
	h				
	Q				
	P				
	-				
	Đ				
	á				

	ch
	h
	c
	ô
	n
	g
	c
	ộ
	n
	g
2.3	Đá
	LS
	Đá
2.4	Đá
2.5	Đá
	chu



(Nguồn: Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô) Khu vực đã xây dựng tập trung chủ yếu tại vùng đồng bằng lưu vực sông Thừa Lưu, sông Bu Lu, xung quanh đầm Lập An, ven vịnh Chân Mây và bờ biển Lăng Cô. [64]

Khu vực phía Nam là dãy núi cao không thuận lợi cho xây dựng. [64]

2.1.3.4. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

* Hiện trạng giao thông [64]

Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô tiếp cận với cả 4 loại hình giao thông quan trọng, nằm trên đường quốc lộ 1A và đường sắt thống nhất, gần Cảng hàng không quốc tế Phú Bài và cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, cảng nước sâu Chân Mây có thể tiếp nhận tàu hàng 30.000 DWT và tàu du lịch cỡ lớn. Cảng Chân Mây là cảng biển nước sâu gần cửa khẩu Lao Bảo nhất.

.Giao thông đối ngoại

Giao thông đường sắt ^[64]:

Tuyến đường sắt thống nhất chạy song song với quốc lộ 1A, đến đoạn sát chân núi rẽ nhánh sang hầm Hải Vân đi Đà Nẵng với khổ đường đơn 1m. Đây là tuyến đường sắt quan trọng của quốc gia, tuy nhiên năng lực thông qua bị hạn chế bởi đoạn tuyến qua đèo Hải Vân có độ dốc khá lớn ($i_{max} = 20\%$), bán kính đường cong bằng khá nhỏ ($R_{min} = 100m$). Ga gần nhất là ga Thừa Lưu và ga Lăng Cô là các ga nhỏ chỉ cho phép tránh tàu, không đón tiễn hành khách và hàng hoá.

Theo Quyết định số 1771/QĐ-TTg ngày 05/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt: giữ hướng tuyến như hiện nay, đảm bảo hành lang toàn tuyến rộng 16m. Xây dựng tuyến đường sắt nhánh nối vào cảng Chân Mây. Xây dựng mới nhà ga Chân Mây kết hợp với Trung tâm tiếp vận hàng hóa và thương mại dịch vụ đầu mối.

Giao thông đường bộ ^[64]:

Đường Quốc lộ 1A chạy qua phía Nam Khu kinh tế mới được cải tạo nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III, nền đường rộng 12m, mặt đường rộng 7m, có lề gia cố 2m mỗi bên, mặt đường bê tông nhựa, chất lượng tốt. Lưu lượng xe bình quân khoảng 3500xe/ngđ. Đèo Phước Tượng ở phía Bắc và đèo Hải Vân ở phía Nam mới được nâng cấp. Cầu Lăng Cô mới nối QL 1A với hầm đường bộ Hải Vân đã được đưa vào sử dụng làm giảm tải cho cầu cũ, và hạn chế lưu lượng giao thông qua đèo Hải Vân, giảm đáng kể thời gian và tai nạn giao thông.

Giao thông đường thủy ^[64]:

Bến số 1 - cảng Chân Mây với bến cập tàu dài 300m có khả năng đón tàu có trọng tải 30.000DWT, trong một số điều kiện có thể đón tàu có trọng tải đến 50.000DWT và các công trình phụ trợ khác đã tạo điều kiện phát triển

dịch vụ vận tải, dịch vụ cảng biển (năm 2007 năng lực thông qua cảng đạt 700.000 tấn, hơn 10 chuyến tàu du lịch quốc tế với hơn 8.000 lượt khách).

. Giao thông đối nội khu vực Chân Mây:

Hệ thống đường Khu du lịch Lăng Cô ^[64]

Đường trục chính dưới chân đèo Phú Gia: dài 5.533m, điểm đầu tuyến giao với tuyến 3 thuộc dự án Hệ thống đường Khu du lịch Lăng Cô, điểm cuối tuyến giao với đường vào cảng Chân Mây

Đường trung tâm đô thị Chân Mây: Tuyến dài 3.334,60m; nền đường rộng 9,5m (1,0+7,5+1,0=9,5m), mặt đường rộng 7,5m.

Đường ven sông Thừa Lưu: Tuyến có chiều dài 2.343,35m; nền đường rộng 12,5m (2,5+7,5+2,5=12,5m), mặt đường rộng 7,5m,

Đường ven sông Bù Lu: Tuyến dài 3245,15m.

Đường ven biển Cảnh Dương (tuyến 1 + tuyến2): Tuyến 1 dài 5.587,24m. Tuyến 2 dài 5.545,58m.

Đường nối Quốc lộ 1A và Khu đào tạo: Tuyến có chiều dài 1.343,9m.

* Hiện trạng cấp nước ^[64] - Nguồn nước

Hiện nay cấp nước cho Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô có nhà máy nước BoGhe công suất 6.000m³/ngđ đặt tại xã Lộc Tiến cách quốc lộ 1A khoảng 150m. Nhà máy này lấy nước ở đập Khe Mệ và đập BoGhe. Nước được dẫn từ đập khe Mệ về bể điều tiết bằng hệ thống đường ống dẫn D250 - L4300m và từ đập Bo Ghe về bể điều tiết bằng đường ống D300 - L2300m. Cao độ xây dựng của nhà máy nước Bo Ghe: +55,0m và hệ thống cấp nước theo phương pháp tự chảy.

- Mạng lưới đường ống ^[64]

Khu vực Chân Mây hiện nay có tuyến ống chính $\Phi 300\text{mm}$ trên QL1A
và tuyến $\Phi 250\text{mm}$ trên đường nối QL1A với bên cảng số 1 Chân Mây. Khu

vực xã Lộc Vĩnh đó có mạng lưới đường ống phân phối $\Phi 63$ - $\Phi 90$.

Khu vực Lãng Cô với đường ống cấp nước $\Phi 150$, $\Phi 100$, $\Phi 80$ dẫn tới khu vực làng Chài và dọc đường quốc lộ 1A tới chân cầu Lãng Cô cũ. Tổng chiều dài đường ống cấp nước khoảng 5,0 km.

* Hiện trạng cấp điện ^[64] - Nguồn điện

Khu vực Chân Mây – Lãng Cô hiện tại đang được cấp điện từ lưới điện quốc gia 110KV khu vực miền Trung, trực tiếp từ trạm nguồn 110KV Cầu Hai: 110/35/22KV – 1x25MVA và trạm 110KV Lãng Cô: 110/22KV – 1x25MVA.

- Lưới điện

Lưới điện cao áp: Trên địa bàn nghiên cứu có các đường dây cao áp sau:

Đường dây 500KV mạch kép Hà Tĩnh - Đà Nẵng. Đây là đường trục cấp điện lớn của quốc gia.

Đường dây 220KV mạch kép Hũa hĩnh – Huế: chiều dài tuyến 80km, dõy dẫn ACSR 500. Đây là tuyến nguồn chính cấp điện cho tỉnh Thừa Thiên – Huế, qua trạm 220KV Huế.

Đường dây 110KV mạch kép Hũa Khỏnh - Lãng Cô - Cầu Hai – Huế: tiết diện dây AC-185 dài toàn tuyến 96,8Km. Đường dây này cấp điện cho 2 trạm 110KV trong khu vực thiết kế là trạm Lãng Cô và trạm 110KV Cầu Hai.

Lưới điện 35KV và 22KV. Trạm 110KV Lãng Cô và Cầu Hai có các xuất tuyến trung thế.

Trạm biến áp phân phối: Khu vực Chân Mây – Lãng Cô chủ yếu sử dụng các trạm biến áp phân phối loại treo, có cấp điện áp 22/0,4KV. Do đây là khu vực mới phát triển nên các trạm hạ thế nói chung chưa phù hợp với các quy hoạch định hướng về vị trí, hình thức...

Lưới điện hạ thế 0,4 KV: Lưới điện hạ thế sử dụng lưới điện nổi 380/220V ba pha bốn dây trung tính nối đất. Lưới điện hạ thế trong khu vực nhiều năm nay đó được đầu tư cải tạo từng bước, tuy nhiên còn nhiều khu

vẫn là lưới điện tạm, chưa đảm bảo các tiêu chí đô thị.

Lưới điện chiếu sáng: Hầu như trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô chưa có lưới điện chiếu sáng, riêng tại Thị trấn Lăng Cô mới được đầu tư điện chiếu sáng dọc quốc lộ 1A đoạn qua thị trấn với đèn chiếu sáng chủ yếu là đèn cao áp Natri, Sodium có công suất từ 220V-75W.

2.1.4. Cơ sở pháp lý thành lập Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô được thành lập theo Quyết định số 04/2006/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, là Khu kinh tế tổng hợp thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế; thuộc lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, không có không gian kinh tế riêng biệt, môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi và bình đẳng bao gồm: các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài và cơ chế quản lý thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong khung pháp lý hiện hành và ngày càng hoàn thiện.

Hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô được quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về Quy định về thành lập, hoạt động, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, Quyết định số 29/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và bảo hộ các tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế; người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư và hoạt động kinh doanh tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô trong các lĩnh vực: đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và đô thị; kinh doanh vận tải

và kinh doanh cảng biển, tiếp nhận, chuyển tải, vận chuyển hàng hoá, cung cấp các dịch vụ hàng hải như vận tải, xếp dỡ, kiểm đếm, đóng mở, dịch vụ, bảo quản, lưu kho hàng hoá, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, du lịch, vui chơi, giải trí, bảo hiểm, giáo dục - đào tạo, y tế, nhà ở, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; xúc tiến thương mại; triển lãm; phát triển công nghiệp và các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết.

2.1.4.1. Tổ chức không gian và các phân khu chức năng của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

Quy hoạch chung (đến năm 2025)

<Khu vực nghỉ dưỡng>

Dân số thường trú : 6.000 người

Số lao động : 15.200 người

Toàn khu kinh tế

Dân số ban ngày : 170.000ng

Dân số thường trú : 140.000ng

<Khu cảng>

Dân số thường trú : 1.000 người

Số lao động : 11.700 người

<Khu đô thị mới>

Dân số thường trú : 130.000ng

Số lao động: 10.000ng

<Khu phi thuế quan>

Dân số thường trú : 1.000 người

Số lao động: 31.700 người

<Khu công nghiệp kỹ thuật cao>

<Khu công nghiệp>

Dân số thường trú : 1.000 người

Số lao động: 40.700 người

Dân số thường trú : 1.000 người

Số lao động : 17.700 người

Bản đồ 2.3- Bản đồ phân bố các khu chức năng trong Khu kinh tế. [64]

2.1.4.2. Khu phi thuế quan

Có quy mô khoảng 950 đến 1.000 ha, là khu vực dự kiến bố trí gắn liền với một phần cảng nước sâu Chân Mây (cảng tự do Chân Mây) bao gồm các khu chức năng cơ bản: khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu trung tâm dịch vụ, thương mại, khu sản xuất gia công tái chế, sửa chữa lắp ráp..., khu trung chuyển hàng hoá, kho bãi. Khu phi thuế quan là khu vực được xác định trong Quy hoạch tổng thể xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô và Quy hoạch sử dụng đất chi tiết.^[48]

Hoạt động của khu phi thuế quan bao gồm các loại hình sản xuất, kinh doanh chủ yếu như ^[48]:

- a) Sản xuất, gia công, tái chế, sửa chữa thiết bị, lắp ráp hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu và hàng phục vụ tại chỗ;
- b) Thương mại hàng hoá và dịch vụ (bao gồm cả xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển khẩu, tạm nhập - tái xuất, phân phối, cửa hàng và siêu thị miễn thuế, phân loại, đóng gói, vận chuyển giao nhận hàng hóa quá cảnh, bảo quản, kho tàng, kho ngoại quan, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, vui chơi, giải trí, nhà hàng ăn uống);
- c) Các hoạt động xúc tiến thương mại (hội chợ triển lãm, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm, các chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty trong nước, nước ngoài, các tổ chức tài chính - ngân hàng) và các hoạt động thương mại khác.

2.1.4.3. Khu thuế quan

Có quy mô khoảng 9.000 ha, gồm các khu chức năng chính sau ^[48]:

- Khu dân dụng, có quy mô khoảng 2.000 ha được nghiên cứu với các yêu cầu riêng đối với từng khu vực.

- Khu vực cảng thuế quan ^[48]

- Các khu công nghiệp ^[48]

- Các khu du lịch và các khu cây xanh sinh thái ^[48]
- Các khu trung tâm ^[48]

2.2. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CHÂN MÂY – LĂNG CÔ

2.2.1. Tình hình xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch

Sau khi thành lập Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, đến nay, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ^[50] với diện tích đất tự nhiên là 27.108 ha, trong đó đất xây dựng khu kinh tế là 9.980 ha (36,8%), còn lại 17.128 ha (63,2%) là đất mặt nước và đất đồi núi. Quy hoạch các phân khu chức năng như: Quy hoạch chi tiết thị trấn Lăng Cô và làng Chài (120 ha), quy hoạch chi tiết các Khu tái định cư Lộc Vĩnh (35 ha), Lập An (30 ha), Khu trung tâm điều hành Khu kinh tế (40 ha), Trục trung tâm Khu du lịch Lăng Cô (59 ha), quy hoạch chi tiết Khu du lịch Laguna Huế (280 ha), quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan Sài Gòn – Chân Mây (650 ha), quy hoạch chi tiết cảng Chân Mây (668,5 ha), quy hoạch chi tiết Khu đô thị Chân Mây (3.441 ha), quy hoạch chi tiết khu vực ven đường phía Tây đầm Lập An (410 ha) và một số quy hoạch chi tiết các khu chức năng khác của các nhà đầu tư triển khai đã được lập và phê duyệt theo quy định hiện hành. Đến nay, tổng diện tích các khu chức năng đã phê duyệt quy hoạch chi tiết là 6.050 ha (60% đất xây dựng Khu kinh tế, phần còn lại sẽ do nhà đầu tư thực hiện quy hoạch trong quá trình triển khai dự án). Trong đó một số dự án quy hoạch quan trọng, có ý nghĩa chiến lược như Quy hoạch chi tiết cảng Chân Mây, Khu đô thị Chân Mây do tư vấn nước ngoài thực hiện. Công tác quy hoạch được chú trọng, quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã cơ bản hoàn thiện, các dự án quy hoạch đã triển khai đúng tiến độ, có chất lượng cao, đảm bảo cơ sở pháp lý cho công tác lập kế hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng và công tác quản lý chung trên địa bàn Khu kinh tế. ^[50]

Việc triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng và vận hành khai thác các khu chức năng phù hợp với định hướng, mục tiêu theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong khu kinh tế có chất lượng và có tính khả thi cao, tạo điều kiện thuận lợi để quản lý quy hoạch xây dựng, thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là khu du lịch, khu cảng và khu đô thị.

Chi tiết về quy hoạch xây dựng thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.2: Các DA quy hoạch xây dựng tại KKT Chân Mây – Lăng Cô đến năm 2012 ^[57]

TT	Tên đồ án	Quy hoạch chi tiết xây dựng	Diện tích (ha)
I	Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 thị trấn Lăng Cô và làng Chài	27.108,0
II	Quy hoạch chi tiết 1/2000	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu vực ven đường phía Tây đầm Lập An	5.580,0
1			668,0
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 cảng Chân Mây	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu vực ven đường phía Tây đầm Lập An	3.441,0
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000		657,6
4	Khu đô thị Chân Mây		280,0
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu công nghiệp và khu phi thuế quan Sài Gòn – Chân Mây		120,0
6			410,0

Cơ quan phê duyet
TTgCP
III
1
2

UBND tỉnh
UBND tỉnh

UBND tỉnh	UBND tỉnh
UBND tỉnh	UBND tỉnh

Quy hoạch chi tiết 1/500
Các quy hoạch do Ban Quản lý KKT thực hiện
Các quy hoạch do các nhà đầu tư thực hiện

*(Nguồn: Theo Báo cáo
của UBND tỉnh Thừa
Thiên Huế)*

2.2.2. Tình hình xây dựng kết cấu hạ tầng

Trước khi thành lập Khu kinh tế, cơ sở hạ tầng của vùng Chân Mây - Lăng Cô chưa được đầu tư, giao thông đi lại của nhân dân trong vùng gặp nhiều khó khăn, từ khi Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô được thành lập, diện mạo của Khu kinh tế thay đổi đáng kể, hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các hạ tầng xã hội đã được tập trung đầu tư.

Chi tiết tình hình vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.3: Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại KKT Chân Mây –

		Lăng Cô đến năm 2012 ^[57]		ĐVT: tỷ đồng	
Giai đoạn		n		Ghi chú	
1	2	3	4	5	
	1.733,7	1.512,9			
TỔNG CỘNG:	402,0	319,9	220,8		
1. Đầu tư trước khi thành lập Khu kinh tế (trước 2006)				82,1	
2. Đầu tư từ chương trình mục tiêu xây dựng Khu kinh tế (từ					

2006 đến nay)	896,1	799,0	97,1	Trong đó nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ TW năm 2012 là 150 tỷ đồng
3. Đầu tư từ nguồn vốn ODA và Bộ, ngành Trung ương (từ 2006 đến nay)	435,6	394,0	41,6	Vốn vay ADB, AFD và vốn đối ứng của tỉnh

(Nguồn: Theo Báo cáo của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Tính đến nay, tổng vốn đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng trên địa bàn Khu kinh tế là 1.733 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư từ ngân sách Trung ương theo chương trình mục tiêu xây dựng khu kinh tế là 799 tỷ đồng. Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thời gian qua chủ yếu tập trung cho các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu như xây dựng đường trục chính đến cảng Chân Mây, đến các khu du lịch, khu công nghiệp, xây dựng các khu tái định cư,...tạo điều kiện thu hút và triển khai các dự án đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước [57].

Một số công trình hạ tầng lớn đã được đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển Khu kinh tế như sau [57]:

- Về hạ tầng giao thông: Hiện nay, trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã cơ bản hoàn thiện các tuyến giao thông chính theo quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, hoàn thành khoảng 80 km đường bộ, đáp ứng nhu cầu lưu thông trong nội bộ Khu kinh tế và khả năng kết nối với tuyến Quốc lộ 1A và kết nối ra khu vực thông qua cảng Chân Mây, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tiếp cận triển khai dự án. Tình hình các công trình đã hoàn thành và đang triển khai như sau:[57]

+Dự án Mở rộng đường nối Quốc lộ 1A – cảng Chân Mây (toàn tuyến) với chiều dài 7,90 km, bề rộng mặt đường 36m, tổng mức đầu tư gần 250 tỷ đồng, đảm bảo lưu thông hàng hóa và khách du lịch qua cảng Chân Mây.

+Các tuyến đường trục chính khu công nghiệp, khu phi thuế quan có chiều dài gần 25 km, tổng mức đầu tư 180 tỷ đồng, đảm bảo lưu thông đi lại thuận lợi, nối các khu công nghiệp với cảng và Quốc lộ 1A,...

+Các tuyến đường phục vụ du lịch như đường Ven biển Cảnh Dương (tuyến 1, 2), đường Ven sông Bù Lu, đường dưới chân đèo Phú Gia, hệ thống đường nội bộ Khu du lịch Lăng Cô, đường phía Tây đầm Lập An,...với tổng

chiều dài gần 50 km, tổng mức đầu tư khoảng 400 tỷ đồng.

- Xây dựng các khu tái định cư: Hiện nay, trên địa bàn Khu kinh tế đang ưu tiên tập trung nguồn lực để triển khai thi công xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật 03 khu tái định cư Lộc Vĩnh, Lộc Tiến và Lập An với tổng diện tích khoảng 90 ha, khả năng tái định cho khoảng 2.000 hộ dân, tổng vốn đầu tư gần 250 tỷ đồng. Hiện tại, đã hoàn thành 440 lô, đang triển khai xây dựng 1.600 lô, đã bố trí tái định cư 127 lô tại Khu tái định cư Lộc Vĩnh và Khu tái định cư Lộc Tiến ^[57].

- Về hạ tầng cấp điện: Trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã xây dựng hoàn thiện 03 trạm biến áp 110/22kV với công suất 75MVA và mạng lưới phân phối, đảm bảo khả năng cung cấp điện sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân và các dự án của các nhà đầu tư hiện tại và các dự án đang triển khai xây dựng ^[57].

- Về hạ tầng cấp nước: Trên địa bàn hu kinh tế đã xây dựng nhà máy nước Chân Mây có công suất 6.000 m³/ng.đêm (mở rộng công suất theo quy hoạch là 8.000 m³/ng.đêm) và hệ thống đường ống có đường kính từ D100-450 với tổng chiều dài hơn 20Km, đảm bảo khả năng cấp nước cho nhu cầu hiện tại của các hộ dân và các dự án của các nhà đầu tư. Dự án hồ chứa nước Thủy Yên

- Thủy Cam đang được xây dựng (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư) với tổng vốn đầu tư 650 tỷ đồng, trữ lượng chứa nước 19 triệu

m³, đảm bảo đủ nguồn nước xây dựng nhà máy nước công suất 110.000 m³/ng.đêm đáp ứng nhu cầu phát triển của Khu kinh tế trong tương lai. Hiện tại, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và cấp nước Thừa Thiên Huế đang triển khai xây dựng hệ thống cấp nước cho dự án Laguna Lăng Cô và các khu vực lân cận, đường ống có kích thước D400, chiều dài khoảng 8km, đủ cung cấp nước cho dự án hoạt động cả giai đoạn trước mắt và giai đoạn hoàn thiện với quy mô 4.000 phòng ^[57].

- Về xử lý nước thải, rác thải: Hiện nay trên địa bàn Khu kinh tế đã xây dựng hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung công suất 5000 m³/ng.đ và bãi chôn lấp chất thải rắn quy mô gần 30 ha phục vụ cho khu kinh tế theo tiểu dự án cải thiện môi trường đô thị Lăng Cô (tổng vốn đầu tư 15,3 triệu USD) [57].

- Bệnh viện Đa khoa Chân Mây được đầu tư xây dựng với quy mô 200 giường, tổng vốn đầu tư 170 tỷ đồng đang hoàn thiện để đi vào vận hành, sử dụng và hệ thống các trạm y tế, phòng khám đa khoa trên địa bàn, tạo điều kiện phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân, lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn [57].

2.2.3. Tình hình giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư và đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động

Xác định nhiệm vụ ổn định nơi ở cho các hộ dân bị di dời, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng các dự án trên địa bàn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, ngay từ khi mới thành lập, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế khẩn trương triển khai lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư và ưu tiên tập trung nguồn lực để triển khai thi công xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật 03 khu tái định cư Lộc Vĩnh, Lộc Tiến và Lập An với tổng diện tích khoảng 90 ha, khả năng tái định cho khoảng 2.000 hộ dân. Hiện nay, đã hoàn thành 440 lô, đang triển khai xây dựng 1.600 lô, đã bố trí tái định cư 127 lô tại Khu tái định cư Lộc Vĩnh và Khu tái định cư Lộc Tiến. Bên cạnh đó, UBND huyện Phú Lộc cũng đã xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng nghĩa trang nhân dân Chân Mây, có diện tích khoảng 30 ha bố trí cho khoảng 13.000 mộ, nghĩa trang Trường Đồng có diện tích 4,5 ha bố trí cho khoảng 2.700 mộ. Nhìn chung, đến thời điểm hiện nay, các khu tái định cư và nghĩa trang được xây dựng đáp ứng nhu cầu cơ bản về tái định cư và di dời lăng mộ trên địa

bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.^[57]

Tổng diện tích cần phải giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đã được phê duyệt đến năm 2015 là 2.000 ha, hiện tại, đã hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng khoảng 1.000 ha, đạt 50%^[57].

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ổn định sinh kế mặc dù đã được quan tâm nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt trong giai đoạn đầu các dự án của các nhà đầu tư đang xây dựng cơ bản nên chưa hỗ trợ giải quyết được nhiều số lao động dôi dư trên địa bàn; hiện nay, có khoảng 3.000 lao động được nhận vào làm việc trong các dự án du lịch, công nghiệp, cảng và các dự án trong quá trình xây dựng^[57].

2.2.4. Những kết quả và thành tựu trong bước đầu xây dựng và phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

2.2.4.1. Tình hình thu hút đầu tư

Đến nay, trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã thu hút được 32 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 35.474 tỷ đồng tương đương với 2,22 tỷ USD. Trong đó có 10 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 21.000 tỷ đồng, tương đương 1.310 triệu USD, 22 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 14.500 tỷ đồng, tương đương với 905 triệu USD. Bên cạnh sự tăng lên về số lượng và quy mô các dự án đầu tư thì chất lượng các nhà đầu tư có sự thay đổi lớn, một số nhà đầu tư trong và ngoài nước có thương hiệu đã đến đầu tư tại Khu kinh tế như Tập đoàn Banyan Tree của Singapore, Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (Saigon Invest Group), Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam,...^[57]

Chi tiết về tình hình thu hút đầu tư đến năm 2012 thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.4: Tình hình thu hút đầu tư vào KKT Chân Mây – Lăng Cô đến năm 2012 ^[57]

Chi tiêu	Tổng số DA	Vốn đầu tư đăng ký		Vốn đầu tư thực hiện	
		(tỷ VNĐ)	Quy đổi (triệu USD)	(tỷ VNĐ)	Quy đổi (triệu USD)
		3	4	5	6
1	2				
TỔNG SỐ:				5.540	278
	32	35.474	2.214		

1. Dự án đầu tư nước ngoài (FDI)	10	20.968	1.310	4.250	213
Trong đó:					
- Dự án đang sản xuất kinh doanh	5	431	27	320	17
- Dự án đang xây dựng	5	20.537	1.283	3.930	196
2. Dự án đầu tư trong nước	22	14.475	905	1.290	64
Trong đó:					
- Dự án đang sản xuất kinh doanh	7	1.779		728	
- Dự án đang xây dựng	9	4.036		320	
- Dự án đang chuẩn bị đầu tư	6	8.659		243	

(Nguồn: Theo Báo cáo của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

2.2.4.2. Một số chỉ tiêu kinh tế đạt được trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô trong thời gian qua

Sau khi thành lập vào năm 2006, được sự hỗ trợ nguồn lực vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, cũng như sự chỉ đạo chặt chẽ của lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế, tình hình phát triển kinh tế tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô đã có những khởi sắc và chuyển biến rõ rệt; thật sự là một khu vực có tiềm năng, lợi thế phát

triển kinh tế, dịch vụ để trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh. Điều này thể hiện qua một số chỉ tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2011 ở bảng sau:

Bảng 2.5: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế trên địa bàn KKT Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2006-2011 [3,4,5,6,7]

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Thực hiện	% so năm trước	Thực hiện	% so năm trước	Thực hiện	% so năm trước	Thực hiện	% so năm trước	Thực hiện	% so năm trước	Thực hiện	% so năm trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1. Lượng hàng hóa thông qua cảng	triệu Tấn	0,5		0,8	160,	0,8	100,	1,0	125,0	1,5	150,	1,6	106,7
	triệu USD			175,0			171,5	98,0		157,6	91,9	208,0	132,0
2. Xuất nhập khẩu													400,0
3. Tổng vốn đầu tư thực hiện	tỷ đồng			173,0			435,8	251,9		620,0	142,3	700,0	112,9
4. Thu hút vốn đầu tư mới	tỷ đồng			372,0			15.956,6			13.932,3	87,3	630,5	4,5
5. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	tỷ đồng			76,0			132,4	174,2		230,6	174,2	300,0	130,1
6. Tổng lượng khách du lịch	1000 khách			190,0			211,9	111,5		254,2	120,0	300,0	118,0

*(Nguồn: Theo Báo cáo của Ban
Quản lý KKT Chân Mây – Lăng
Cô)*

Theo bảng tổng hợp 2.5 có thể nhận thấy phần lớn các chỉ tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2011 đều tăng qua hàng năm. Tuy ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế khu vực Châu Á giai đoạn 2007-2009 và tình hình khó khăn kinh tế chung toàn cầu từ năm 2011 đến nay, đã ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư, làm cho một số chỉ tiêu kinh tế như Thu hút vốn đầu tư mới năm 2009, 2011, Tổng thu NSNN, Tổng lượng khách du lịch năm 2011 giảm sút. Nhưng một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng khác vẫn tăng đều hàng năm, như lượng hàng hóa thông qua cảng Chân Mây đến năm 2011 đạt hơn 1,6 triệu tấn, tăng 6,7% so năm 2010 và tăng 220,0% so năm 2006, Giá trị xuất nhập khẩu năm 2011 đạt 630,0 triệu USD tăng 57,5% so năm 2010 và tăng đến 260,0% so năm 2006.

2.3. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG VỐN NSNN TẠI KHU KINH TẾ CHÂN MÂY – LĂNG CÔ

2.3.1. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

Qua khảo sát tình hình thực hiện tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, ngoài các dự án được thực hiện theo đúng tiến độ, hoàn thành đưa vào sử dụng và đã phát huy hiệu quả đầu tư góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho các dự án của các nhà đầu tư, cũng như tạo môi trường thu hút các dự án của các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư tại các khu chức năng như khu công nghiệp, khu du lịch...thuộc Khu kinh tế. Kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế đang từng bước được hoàn thiện. Hệ thống giao thông cơ bản được xây dựng, đảm bảo kết nối thuận lợi đến các khu chức năng của Khu kinh tế; hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, hệ thống thu gom xử lý nước thải và bãi chôn lấp chất thải rắn đáp ứng được nhu cầu phục vụ các dự án đầu tư và sinh hoạt của nhân dân; các khu tái định cư, khu nghĩa trang đáp ứng yêu

cầu công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; đặc biệt hạ tầng khu công nghiệp, khu phi thuế quan bước đầu được xây dựng, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư công nghiệp đầu tư vào Khu kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có nhiều dự án đầu tư xây dựng mà đến nay vẫn còn đang thi công cầm chừng, thời gian thi công kéo dài đến 5-6 năm hoặc không thể tiếp tục triển khai thực hiện do những nguyên nhân khách quan và cả chủ quan; Vấn đề tiến độ đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng sử dụng vốn ngân sách nhà nước đang đặt ra nhiều thách thức, trở ngại cho lãnh đạo các cấp của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô (đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý) trong việc hoàn thiện các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn Khu kinh tế, theo kịp lộ trình phát triển các Khu kinh tế toàn quốc, tăng cường khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh nhà, thực hiện theo nhiệm vụ của Tỉnh ủy tỉnh Thừa Thiên Huế và Chính phủ đã giao. Thực trạng này xuất phát từ những vấn đề làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư xây dựng cụ thể sau:

2.3.1.1. Công tác lập, quản lý quy hoạch và xác định chủ trương đầu tư

Từ khi Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô được thành lập vào tháng 01/2006, để kịp thời triển khai theo kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, tạo môi trường thuận lợi cho các dự án đầu tư, việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng lúc đó căn cứ vào kết quả quy hoạch chi tiết xây dựng từng khu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt [46,65,67,66,68,69]. Thực hiện các dự án đầu tư theo quy hoạch, chủ trương nhanh chóng hoàn thiện các công trình hạ tầng cơ sở, từ năm 2007, một số dự án đã được chủ đầu tư hợp đồng với các đơn vị tư vấn triển khai công tác lập dự án đầu tư và thiết kế kỹ

thuật như^[8,9,10,11]:

- Dự án xây dựng Đường trục chính khu liên hợp Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô có quy mô đầu tư chiều dài toàn tuyến là 2.152,44 m, với tổng

mức đầu tư là: 16,726 tỷ đồng, thời gian thực hiện hai năm (2007-2008);

- Dự án xây dựng Đường nối Quốc lộ 1A vào Khu tái định cư Lộc Tiến có quy mô đầu tư chiều dài 1.174,00m, với tổng mức đầu tư là: 14,300 tỷ đồng, thời gian thực hiện ba năm (2007 – 2009);

- Dự án xây dựng Đường nối trục trung tâm khu đô thị và khu công nghiệp số 3 có quy mô đầu tư chiều dài tuyến là 2.669,47 m, với tổng mức đầu tư là: 30,762 tỷ đồng, thời gian thực hiện hai năm (2007-2008);

- Dự án xây dựng Bến xe Chân Mây có quy mô đầu tư 16.027,2m², với tổng mức đầu tư là: 8,262 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ năm 2008 đến 2010;

- Dự án xây dựng Đường nối Khu ở II với Khu công nghiệp số 2, 3 có quy mô đầu tư chiều dài 1.174,00m, với tổng mức đầu tư là: 14,300 tỷ đồng, thời gian thực hiện ba năm (2007 – 2009);

- Dự án xây dựng Đường nội bộ Khu du lịch Lăng Cô, Đường gom của Quốc lộ 1A đoạn từ khu ở I đến khu ở II , Đường ngoài Khu ở I...

Do định hướng quy hoạch xây dựng một số khu chức năng có sự thay đổi, điều chỉnh và vốn đầu tư được tập trung cho các dự án khác nên việc thực hiện đầu tư các dự án nói trên bị hoãn lại và kéo dài. Đến khi Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Lăng Cô và làng Chài, huyện Phú Lộc được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt ^[70] và Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Chân Mây với diện tích khoảng 3440 ha do Công ty Nikken Sekkei Civil Engineering (Nhật Bản) tư vấn thiết kế quy hoạch thực hiện từ năm 2010, được phê duyệt trong năm 2012 ^[64], thì các dự án trên đã không còn khớp nối toàn bộ theo quy hoạch mới sau này về địa điểm đầu tư, về quy mô, về hướng tuyến... Điều này càng làm cho việc tiếp tục triển khai dự án càng khó khăn hơn. Đến nay, các dự án này vẫn còn chưa có chủ trương đầu tư tiếp tục hoặc giải pháp cụ thể, mặc dù công tác chuẩn bị đầu tư đã hoàn tất từ năm 2007, 2008. Thực trạng trên nói lên việc quy hoạch vĩ mô chậm trễ hơn so với đà phát triển của cả nước hoặc quy hoạch vĩ mô bị sai hướng

không phù hợp hoặc thay đổi liên tục, dẫn đến tình trạng trì trệ các dự án đã triển khai.

Bảng 2.6: Dự án ĐTXD sử dụng vốn NSNN dùng thực hiện do điều chỉnh quy hoạch tại KKT Chân Mây – Lăng Cô [8,9,10,11]

Số TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư	Kế hoạch Tổng đầu tư thời gian thực hiện	Vốn đầu tư đã bố trí đến năm 2012		Giá trị khối lượng hoàn thành đến năm 2012	
				Tổng số	% s TME	Tổng số	% so TMDT
1							
1			Đường trục chính từ khu ở I đến khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	2,2km		16.726,000	
2			Đường nối Quốc lộ 1A vào Khu tái định cư Lộc Tiên	1,2km		14.300,000	
3			Đường nối trục trung tâm khu đô thị và khu công nghiệp số 3	2,7km		30.762,000	
4			Bến xe Chân Mây	1,6ha		8.262,000	
5			Đường nối Khu ở II với Khu công nghiệp số 2, 3	1,2km		14.300,000	
6							
7			Dự án xây dựng Đường nội bộ Khu du lịch Lăng Cô			9.090,027	
			Đường gom của Quốc lộ 1A đoạn			42.000,000	

33.779,650	2007-	330,176	1,97	330,176
	2008			
	2007-	271,944	1,90	271,944
	2009			
	2007-	725,366	2,36	725,366
	2008			
	2008-	42,918	0,52	42,918
	2010		1,62	231,971
	2007-	231,971		
	2009		3,55	322,379
	2008-	322,379		
	2009		0,24	100,000
	2007-	100,000		
	2009		0,57	192,696
	2007-	192,696		
	2009			

(Nguồn: Báo cáo của Ban Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô)

2.3.1.2. Công tác lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư

Công tác lập kế hoạch đầu tư trong các năm qua đã được triển khai sớm, dân chủ, công khai, chấp hành nghiêm túc các quy định, nguyên tắc, định hướng của Chính phủ, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Nghị quyết của HĐND tỉnh; UBND tỉnh, các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch theo đúng các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng. Hàng năm, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xác định và ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm; Đã thực hiện việc rà soát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình dự án ưu tiên đầu tư; Thực hiện đúng cơ cấu vốn đầu tư do Chính phủ bố trí cho các dự án và chương trình mục tiêu phát triển Khu kinh tế. Ngoài ra, UBND tỉnh đã đẩy mạnh việc phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng cho Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô.

Bảng 2.7: Vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn SNN theo KH bố trí hàng hàng năm tại KKT Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2006-2012 ^[8,9,10,11,57]

Năm	Vốn đầu tư được bố trí theo kế hoạch				
	Tổng số	NS tập trung của tỉnh	Hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW		
1	2	171,070	3	4	165,000
Năm 2006	Năm 2011	27,101	12,101	15,000	
Năm 2007	Năm 2012	113,000	3,000	110,000	
Năm 2008		85,885	0,885	85,000	
Năm 2009		207,644	0,440	105,000	
Năm 2010		109,400	2,000	103,000	
		182,000	0,070	180,000	

5	6	8
22,000		80,204
	3,400	3,000
	3,000	3,000

CỘNG:

896,100	18,496	763,000	22,000
---------	--------	---------	--------

(Nguồn: Theo báo cáo của Ban Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô)

Từ năm 2006 (thời điểm thành lập Khu kinh tế) đến năm 2012, tổng số vốn đầu tư từ chương trình mục tiêu xây dựng Khu kinh tế được bố trí là: 896,100 tỷ đồng. Tính bình quân hàng năm thì vốn được bố trí là: 128,010 tỷ đồng/năm. Hiện nay, các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu phát triển khu kinh tế từ ngân sách nhà nước đang triển khai tại Khu kinh tế là 16 dự án bao gồm 13 dự án giao thông, 02 dự án công trình công cộng và 01 dự án công trình quản lý nhà nước, với tổng mức đầu tư được phê duyệt là: 3.825,028 tỷ đồng, nguồn vốn đã bố trí cho các dự án này tính đến năm 2012 là 387,481 tỷ đồng. Nếu cân đối với nguồn vốn đã bố trí, thì nhu cầu vốn thiếu cần phải bố trí là: 3.437,550 tỷ đồng. Với mức bố trí vốn như đã tính bình quân ở trên thì phải đến gần 27 năm mới đủ vốn đầu tư cho các dự án này. Thực trạng trên thể hiện công tác lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư cho các dự án tại Khu kinh tế còn nhiều bất cập. Đầu tư quá nhiều dự án trong khi vốn ngân sách nhà nước bố trí hàng năm ít, vốn không đủ nhưng lại dàn trải cho nhiều dự án đầu tư cùng lúc. Trong danh mục các dự án đầu tư hàng năm, chưa phân loại danh mục dự án nào được ưu tiên đầu tư trước để đầu tư dứt điểm, sớm hoàn thành dự án đưa vào khai thác, hoạt động, nâng cao hiệu quả đầu tư. Vấn đề trên dẫn đến nhiều dự án được đầu tư từ năm 2007, 2008, kế hoạch đầu tư thời gian 2-3 năm, nhưng do thiếu vốn nên đến năm 2012 vẫn còn phải tiếp tục đầu tư.

Cụ thể:

- Dự án đầu tư xây dựng Đường giữa Khu công nghiệp số 2 và số 3: Dự án được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Dự án có quy mô đầu tư tổng các tuyến dài 10.412,33m, kế hoạch thời gian thực hiện dự án là 03 năm (2006-2008), với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 90,707 tỷ đồng. Đến năm 2008, vốn đầu tư được bố trí chỉ là: 17,120 tỷ đồng. Do tình hình thiếu vốn, dự án không thực hiện theo đúng kế hoạch, để tiếp tục thực hiện dự án, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô đã ra Quyết định số 77/QĐ-KKT ngày

18/6/2009 để gia hạn tiến độ thực hiện dự án đến năm 2010. Đến năm 2010, tổng vốn đầu tư bố trí cho dự án là: 44,737 tỷ đồng, vốn vẫn không đủ cho dự án và Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô đã cho dự án được tiếp tục thực hiện đến năm 2011 theo Quyết định số 31/QĐ-KKT ngày 04/4/2011, tương tự dự án được tiếp tục thực hiện đến năm 2012 theo Quyết định số 37/QĐ-KKT ngày 13/6/2012. Tuy nhiên, đến năm 2012 vốn đầu tư được bố trí là: 64,737 tỷ đồng, nhu cầu vốn thiếu cần bố trí cho dự án là: 25,970 tỷ đồng. Như vậy, dự án vẫn còn phải tiếp tục đầu tư, tiến độ dự án bị kéo dài từ 03 năm lên hơn 7 năm (nếu tình trạng không bố trí đủ vốn cho dự án này thì tiến độ thực hiện khả năng bị kéo dài hơn nữa) [8,9,10,11,57].

- Dự án đầu tư xây dựng Đường ngoài Khu công nghiệp tập trung số 1: Dự án được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 90/QĐ-KKT ngày 08/8/2007 của Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô. Dự án có quy mô đầu tư dài 4.749m, kế hoạch thời gian thực hiện dự án là 02 năm (2007-2008), với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 42,977 tỷ đồng. Đến năm 2008, vốn đầu tư được bố trí chỉ là: 5,000 tỷ đồng. Do tình hình thiếu vốn, dự án không thực hiện theo đúng kế hoạch, để tiếp tục thực hiện dự án, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã ra Quyết định số 81/QĐ-KKT ngày 26/6/2009 để gia hạn tiến độ thực hiện dự án đến năm 2010. Đến năm 2010, tổng vốn đầu tư bố trí cho dự án là: 18,000 tỷ đồng, vốn vẫn không đủ cho dự án và Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã cho dự án được tiếp tục thực hiện đến năm 2011 theo Quyết định số 32/QĐ-KKT ngày 04/4/2011, tương tự dự án được tiếp tục thực hiện đến năm 2012 theo Quyết định số 15/QĐ-KKT ngày 14/3/2012. Tuy nhiên, đến năm 2012 vốn đầu tư được bố trí là: 27,208 tỷ đồng, nhu cầu vốn thiếu cần bố trí cho dự án là: 15,770 tỷ đồng. Như vậy, dự án vẫn còn phải tiếp tục đầu tư, tiến độ dự án bị kéo dài từ 02 năm lên hơn 6 năm (nếu tình trạng không bố trí đủ vốn cho dự án này thì tiến độ thực hiện khả năng bị kéo dài hơn nữa) [8,9,10,11,57].

Bảng 2.8: Vốn NSNN bố trí cho một số dự án đầu tư Tại KKT Chân Mây – Lăng Cô ^[8,9,10,11,57]

Đvt: tỷ đồng

Tên dự án	Quy mô thời gian	KH	Lũy kế vốn ĐT đã bố trí qua các năm				Vốn còn thiếu		Tổng số	% so TMDT
			2008	2009	2010	2011	2012	10		
1. Đường giữ 10,40 km nghiệp số 2 v		2006-2008	90,707	17,120	39,737	44,737	49,737	64,737	-25,970	7
2. Đường ngo nghiệp tập tru	4,70 km	2007-2008	42,977	5,000	14,000	18,000	19,808	27,208	-15,769	6
3. Khu tái địn	30ha	2008-2010	127,376	1,880	19,717	31,423	47,983	62,983	-64,393	4
4. Đường nối vào khu du lịc		2008-2009	51,995	1,072	14,072	18,854	33,056	45,089	-6,906	8
5. Mở rộng đư Chân Mây đơ	6,00 km									

đến đường ven biển	4,06 km	2007-2009	132,417	1,849	23,021	3'	-26,897	79,7
Cảnh Dương								

(Nguồn: Báo cáo của Ban Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô)

- Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Lập An, thị trấn Lăng Cô: Dự án được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 70/QĐ-KKT ngày 28/5/2008 của Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô. Dự án có quy mô đầu tư trên diện tích 30ha, kế hoạch thời gian thực hiện dự án là 03 năm (2008-2010), với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 127,376 tỷ đồng. Đến năm 2010, vốn đầu tư được bố trí cho dự án này chỉ là: 31,423 tỷ đồng. Do tình hình thiếu vốn, dự án không thực hiện theo đúng kế hoạch, để tiếp tục thực hiện dự án, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã ra Quyết định số 119/QĐ-KKT ngày 07/10/2011 để gia hạn tiến độ thực hiện dự án đến năm 2012. Tuy nhiên, đến năm 2012 vốn đầu tư được bố trí là: 62,983 tỷ đồng, nhu cầu vốn thiếu cần bố trí cho dự án là: 64,393 tỷ đồng. Như vậy, dự án vẫn còn phải tiếp tục đầu tư, tiến độ dự án bị kéo dài từ 03 năm lên hơn 5 năm.

(Dự án này đã được Bộ Tài chính và Bộ ế hoạch & Đầu tư thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh mục bố trí kế hoạch vốn đầu tư năm 2013)^[8,9,10,11,57].

- Dự án đầu tư xây dựng Mở rộng đường nối Quốc lộ 1A ra cảng Chân Mây: Dự án được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 216/QĐ-KKT ngày 31/12/2007 của Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô. Đây là một trong những dự án trọng điểm, là công trình điểm nhấn trên địa bàn Khu kinh tế, dự án được phê duyệt đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch nhằm tăng lượng hàng hóa thông thương ra cảng Chân Mây. Dự án có quy mô đầu tư dài 4.060m với mặt cắt nền đường: $(4,5+11,5+3,0+11,5+4,5)=35m$, kế hoạch thời gian thực hiện dự án là 03 năm (2007-2009), với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 132,417 tỷ đồng. Đến năm 2009, vốn đầu tư được bố trí chỉ là: 23,021 tỷ đồng. Do tình hình thiếu vốn, dự án không thực hiện theo đúng kế hoạch, để tiếp tục thực hiện dự án, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã ra Quyết định số 119/QĐ-KKT ngày 21/8/2009 để

gia hạn tiến độ thực hiện dự án đến năm 2011. Đến năm 2011, tổng vốn đầu tư bố trí cho dự án là: 80,521 tỷ đồng, vốn vẫn không đủ cho dự án và Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã cho dự án được tiếp tục thực hiện đến năm 2012 theo Quyết định số 19/QĐ-KKT ngày 21/03/2012. Tuy nhiên, đến năm 2012 vốn đầu tư được bố trí là: 105,520 tỷ đồng, nhu cầu vốn thiếu cần bố trí cho dự án là: 26,900 tỷ đồng. Như vậy, dự án vẫn còn phải tiếp tục đầu tư, tiến độ dự án bị kéo dài từ 03 năm lên hơn 6 năm (nếu tình trạng không bố trí đủ vốn cho dự án này thì tiến độ thực hiện khả năng bị kéo dài hơn nữa) [8,9,10,11,57]

- Dự án đầu tư xây dựng Đường nối Quốc lộ 1A vào khu du lịch Bãi Chuối: Dự án được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 102/QĐ-KKT ngày 25/7/2008 của Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô. Đây là dự án được đầu tư để phục vụ cho dự án đầu tư Khu du lịch Bãi Chuối, thị trấn Lăng Cô của Tập đoàn Cattigara (Singapor) theo cam kết của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Dự án có quy mô đầu tư dài 6.008m, kế hoạch thời gian thực hiện dự án là 02 năm (2008-2009), với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 51,995 tỷ đồng. Đến năm 2009, vốn đầu tư được bố trí chỉ là: 14,072 tỷ đồng. Do tình hình thiếu vốn, dự án không thực hiện theo đúng kế hoạch, để tiếp tục thực hiện dự án, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã ra Quyết định số 161/QĐ-KKT ngày 07/12/2009 để gia hạn tiến độ thực hiện dự án đến năm 2010. Đến năm 2010, tổng vốn đầu tư bố trí cho dự án là: 18,854 tỷ đồng, vốn vẫn không đủ cho dự án và Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã cho dự án được tiếp tục thực hiện đến năm 2011 theo Quyết định số 27/QĐ-KKT ngày 01/4/2011, tương tự dự án được tiếp tục thực hiện đến năm 2012 theo Quyết định số 146/QĐ-KKT ngày 28/12/2011. Tuy nhiên, đến năm 2012 vốn đầu tư được bố trí là: 45,089 tỷ đồng, nhu cầu vốn thiếu cần bố trí cho dự án là: 6,910 tỷ đồng. Như vậy, dự

án vẫn còn phải tiếp tục đầu tư, tiến độ dự án bị kéo dài từ 02 năm lên hơn 5 năm (nếu tình trạng không bố trí đủ vốn cho dự án này thì tiến độ thực hiện khả năng bị kéo dài hơn nữa) [8,9,10,11,57].

2.3.1.3. Công tác tư vấn lập dự án và thẩm định dự án đầu tư xây dựng

a. Trong công tác tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng

Thực tế vấn đề trong công tác tư vấn lập các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách tại Khu kinh tế là lựa chọn các đơn vị tư vấn thật sự có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn. Tuy nhiên, phần lớn các dự án được lập chủ yếu do 4 doanh nghiệp tư vấn đó là: Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Đất Quảng (Đà Nẵng), Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế giao thông Thừa Thiên Huế, Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng số 1 Thừa Thiên Huế và Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Quảng Trị thực hiện. Hình thức thực hiện là thông qua chỉ định thầu, hợp đồng tư vấn lập dự án như đơn đặt hàng. Có thể nói việc lập dự án không phải “một dự án được quyền lựa chọn nhiều đơn vị tư vấn” mà “một đơn vị tư vấn được giao lập nhiều dự án”. Điều này dẫn đến thực trạng: Chất lượng tư vấn trách nhiệm chưa cao, năng lực hạn chế do đó trong quá trình lập dự án, thiết kế kỹ thuật chưa đưa ra được giải pháp tốt, quá trình khảo sát, tính toán còn thiếu. Một số dự án khảo sát thiết kế không tốt, sai sót về khối lượng công trình lớn, trong quá trình thi công phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công trình. Tình trạng phê duyệt điều chỉnh dự án lại nhiều lần là khá phổ biến.

Thể hiện chất lượng tư vấn một số dự án qua bảng sau:

bảo vệ đường

*(Nguồn: Báo cáo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng của Ban
Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô)*

Cụ thể:

- Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Lập An do Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Đất Quảng khảo sát, thiết kế và lập dự án. Đơn vị tư vấn hoàn thành bàn giao hồ sơ vào tháng 04/2008. Trong quá trình thẩm định hồ sơ dự án, cơ quan thẩm định phát hiện một số vấn đề sau:

+ Đây là dự án khu tái định cư có diện tích khoảng 30 ha. Để san nền cho toàn bộ dự án thì khối lượng đất đắp là rất lớn, đến $483.742m^3$. Theo đề xuất và tính toán của đơn vị tư vấn thì nguồn đất cung cấp cho dự án được lấy từ mỏ đất Bãi Cháy có cự ly cách địa điểm xây dựng khoảng 16 km, kinh phí thanh toán cho khối lượng đất đắp này lên đến gần 30,000 tỷ đồng. Qua kiểm tra, cơ quan thẩm định đề nghị đơn vị tư vấn xác định lại vị trí các mỏ đất có thể cung cấp cho dự án và mỏ đất đạt yêu cầu là mỏ đất Suối Voi có cự ly chỉ cách địa điểm xây dựng khoảng 10 km. Việc xác định lại mỏ đất của cơ quan thẩm định đã giảm được tổng mức đầu tư của dự án, tiết kiệm ngân sách nhà nước hơn 10,000 tỷ đồng.

+ Kiểm tra hồ sơ thiết kế hệ thống thoát nước mưa các tuyến đường nội bộ khu tái định cư, cơ quan thẩm định phát hiện đơn vị tư vấn chỉ thiết kế một dãy cống và xây dựng các cống băng đường là không đúng theo quy hoạch giao thông thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Lập An đã được phê duyệt.

Mặt khác, trong phạm vi xây dựng công trình, hiện trạng có hệ thống điện trung hạ thế và hệ thống cấp nước sinh hoạt cho dân cư. Các công trình hạ tầng kỹ thuật này phải được di dời với chi phí hơn 829 triệu đồng, nhưng trong quá trình khảo sát, đơn vị tư vấn lại không phát hiện, nên không xây dựng dự toán và tổng hợp vào tổng mức đầu tư của dự án để trình phê duyệt. Để di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật trên, phục vụ cho quá trình thi công xây dựng, đến tháng 5/2012, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

phải ra Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án số 30/QĐ-KKT bổ sung vào các hạng mục xây dựng của dự án, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các hạng mục khác của công trình.

- Dự án đầu tư xây dựng Đường giữa Khu công nghiệp số 2 và số 3 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế giao thông Thừa Thiên Huế lập dự án và đã được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Vấn đề xảy ra tương tự như ở dự án Khu tái định cư Lập An. Do công tác khảo sát không nghiêm túc, trong phạm vi dự án, hiện trạng có hệ thống điện trung thế tuyến đường dây 35KV và 22KV phải được di dời với chi phí hơn 829 triệu đồng nhưng đơn vị tư vấn không xây dựng dự toán và tổng hợp vào tổng mức đầu tư của dự án để trình phê duyệt. Để di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật này, phục vụ cho quá trình thi công xây dựng, đến tháng 6/2012, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô phải ra Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án số 37/QĐ-KKT bổ sung vào các hạng mục xây dựng của dự án, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các hạng mục khác của công trình.

- Dự án đầu tư xây dựng Đường ngoài Khu công nghiệp tập trung số 1 do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng số 1 Thừa Thiên Huế khảo sát, thiết kế và lập dự án. Đơn vị tư vấn hoàn thành bàn giao hồ sơ vào tháng 5/2008. Trong quá trình thẩm định hồ sơ thiết kế dự án, cơ quan thẩm định phát hiện và đề nghị bổ sung thực hiện quy trình thăm dò địa chất công trình theo tiêu chuẩn 22 TCN 259-2000 và quy trình khảo sát thủy văn theo tiêu chuẩn 22 TCN 27-84.

Mặt khác, tuyến đường của dự án này có một số đoạn chạy dọc theo sông Mỹ Vân nhưng đơn vị tư vấn lại không thiết kế các hạng mục gia cố bảo vệ, không đảm bảo an toàn cho công trình; cũng như không tính toán kỹ lưu lượng thoát nước mặt làm gây ngập úng cục bộ ngay trong quá trình thi công.

Để khắc phục vấn đề này, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô phải ra Quyết định số 183/QĐ-KKT ngày 06/12/2007 phê duyệt điều chỉnh dự án, bổ sung đầu tư hạng mục gia cố kè đá trên đoạn tuyến đi qua bờ sông và hạng mục công bản trên các tuyến để đảm bảo thoát nước mặt hiện trạng, làm cho chi phí đầu tư dự án tăng thêm đến: 6,314 tỷ đồng và ảnh hưởng tiến độ chung của toàn dự án.

b. Trong công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng:

Theo Quyết định số 1182/2008/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô được phân công, phân cấp trực tiếp thực hiện các nội dung công việc liên quan đến các lĩnh vực đầu tư, phát triển kinh tế thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân tỉnh và các sở, ban ngành thuộc tỉnh theo các quy định của Nhà nước trên địa bàn Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt dự án Nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách Nhà nước. Theo đó, Ban Quản lý Khu kinh tế sử dụng bộ phận tham mưu chuyên môn là Phòng Kế hoạch – Tài chính và Phòng Xây dựng thực hiện công tác thẩm định các dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp.

Trong những năm 2006 đến năm 2009, trường hợp nhiều dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước được nhiều lần điều chỉnh, bổ sung xuất phát từ năng lực chuyên môn của cán bộ làm công tác thẩm định dự án. Lực lượng làm công tác này mỏng, một số cán bộ không có trình độ Đại học chuyên ngành quản lý đầu tư xây dựng, chỉ được bồi dưỡng qua các lớp quản lý đầu tư ngắn hạn, làm việc với kinh nghiệm nhiều năm công tác lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; Trong khi số lượng dự án tiếp nhận thẩm định hàng năm khá lớn. Điều này làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác thẩm định và thời gian thẩm định. Thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 2.10: Tình hình đội ngũ cán bộ thẩm định dự án tại KKT Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2006-2011 [2,3,4,5,6,7]

Năm	Số lượng cán bộ làm công tác thẩm định (người)		Số lượng dự án được thẩm định (DA)		
	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	
		Đạt trình độ ĐH chuyên ngành ĐTXD		Dự án mới	DA điều chỉnh
		Chú bồi ch n Đ			
1	2	Chú	3	4	5
Năm 2006	4	bồi	3	1	12
Năm 2007	4	ch	3	1	29
Năm 2008	4	n	3	1	28
Năm 2009	4	Đ	2	2	21
Năm 2010	4		2	2	12
Năm 2011	4		2	2	17

(Nguồn: Báo cáo của Ban Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô)

2.3.1.4. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng ảnh hưởng hầu hết đến tiến độ tất các các dự án đầu tư xây dựng. Đây là vấn đề cốt lõi nhất, phổ biến nhất trước khi bàn giao mặt bằng cho đơn vị nhận thầu thi công. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng thể hiện trong các nội dung nổi bật sau :

- Chính sách của Nhà nước hiện hành về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Nhận thức của người dân khi thực hiện các Quyết định thu hồi đất của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng xã hội;

- Công tác kiểm kê, đo đạc đất và tài sản trên đất của các hộ dân, tổ chức; Công tác xác định nguồn gốc đất;

- Công tác giải quyết đơn thư khiếu kiện về đất của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Trách nhiệm, năng lực của cán bộ thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng ;

- Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng.

Trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng do Hội đồng Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư huyện Phú Lộc thực hiện, trên cơ sở hợp đồng với các Ban Đầu tư & Xây dựng, các Ban Quản lý dự án trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô. Kinh phí chi trả được bố trí trong vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách Trung ương của từng dự án. Trong thời gian qua, nhiều dự án đầu tư xây dựng bị chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng kéo dài; có dự án đã xong đấu thầu nhưng chưa thể bàn giao mặt bằng cho đơn vị nhận thầu thi công được; có dự án thực hiện giải phóng mặt bằng và chi trả đền bù theo hình thức “cuốn chiếu”, giải phóng mặt bằng ngang đâu thì bàn giao xây dựng đến đó, nhưng khi còn vài hộ chưa đền bù giải phóng mặt bằng được thì Nhà nước thay đổi chính sách đền bù, hỗ trợ hoặc điều chỉnh giá đền bù hoa màu, tài sản, giá đất làm cho việc thực hiện đền bù phức tạp hơn, thời gian xử lý kéo dài hơn, làm chậm hơn tiến độ dự án, chi phí đầu tư càng tăng cao.

Bảng 2.11: Tình hình chậm tiến độ do GPMB tại một số DA ĐTXD sử dụng vốn NSNN tại KKT Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2006-2010

Tên dự án	KH gian thực GPMB	Thời gian thành hiện	Thời hạn hoàn hiện	Thời gian chậm so KH	[8,9,10,11]	Chi phí đền bù GPMB được duyệt ban đầu (tỷ đồng)	Chi phí đền bù khi hoàn thành GPMB (tỷ đồng)	Chi phí đền bù GPMB tăng so KH	
								Tổng	Tỷ lệ
								số (tỷ đồng)	%
1. Đường giữa Khu công nghiệp số 2 và số 3	2006-2008	9/2010	1 năm 9 tháng	4,945	16,926	11,981	342,3		
2. Khu tái định cư Lập An	2008-2010	3/2012	2 năm 3 tháng	9,959	29,857	19,898	299,8		

(Nguồn: Báo cáo của Ban Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô)

Qua bảng trên cho thấy:

- Dự án Đường giữa Khu công nghiệp số 2 và số 3 được triển khai đầu tư xây dựng từ tháng 8/2005 với tổng mức đầu tư là : 46,300 tỷ đồng, trong đó chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phê duyệt là 4,945 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án trong 03 năm (2006-2008). Do công tác kiểm kê, xác định nguồn gốc đất thiếu chính xác dẫn đến tình trạng khiếu kiện của các hộ dân trong vùng dự án kéo dài, UBND huyện Phú Lộc phải qua 10 lần ban hành các Quyết định điều chỉnh, bổ sung chi phí đền bù. Đến hết tháng 9/2010, công tác đền bù giải phóng mặt bằng mới được thực hiện xong. Như vậy, riêng thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng dự án này đã kéo dài gần 5 năm, làm chậm tiến độ dự án theo kế hoạch gần 02 năm. Đồng thời, do thời gian đền bù kéo dài, chính sách của Nhà nước thay đổi, đơn giá đền bù đất, tài sản và hoa màu tăng làm cho chi phí đền bù lúc này là: 16,926 tỷ đồng, tức tăng chi phí đầu tư của ngân sách Nhà nước lên đến : 11,981 tỷ đồng ^[8,9,10,11].

- Dự án xây dựng Khu tái định cư Lập An, thị trấn Lăng Cô: Dự án được triển khai xây dựng từ tháng 5/2008 với tổng mức đầu tư là: 105,543 tỷ đồng, trong đó chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phê duyệt là 9,959 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án trong 03 năm (2008-2010). Công tác đền bù giải phóng mặt bằng được thực hiện qua 12 đợt theo các Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung của UBND huyện Phú Lộc, kéo dài đến tháng 3/2012 mới hoàn thành. Như vậy, riêng thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng dự án này đã kéo dài gần 5 năm, làm chậm tiến độ dự án theo kế hoạch gần 02 năm. Qua thời gian 5 năm, các quy định về chính sách và giá cả trong đền bù, hỗ trợ và tái định cư có nhiều thay đổi theo hướng tăng cao chi phí. Kinh phí đền bù để giải phóng mặt bằng cho 12 đợt là : 29,857 tỷ đồng, tức tăng chi phí đầu tư của ngân sách Nhà nước lên đến : 19,898 tỷ đồng... ^[8,9,10,11].

2.3.1.5. Công tác quản lý đấu thầu, năng lực thi công của nhà thầu xây dựng

Từ thực tiễn của công tác đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, rút ra một số nhận xét sau:

- Hệ thống pháp lý về đấu thầu đã được hình thành và luôn luôn được hoàn chỉnh cho phù hợp. Trong thực tế, Quy chế đấu thầu là một công cụ để toàn xã hội giám sát các hoạt động của các Ban quản lý, Chủ đầu tư làm cho việc sử dụng đồng tiền của nhà nước có hiệu quả;

- Đấu thầu mang lại hiệu quả rõ rệt. Hiệu quả qua đấu thầu trước tiên là ở chỗ thông qua đấu thầu chúng ta lựa chọn được nhà thầu đủ kinh nghiệm và năng lực để thực hiện công việc theo yêu cầu. Nhà thầu phải có giải pháp khả thi để thực hiện công việc được giao và đảm bảo trúng thầu không được vượt giá gói thầu và giá dự toán được duyệt. Hiệu quả của đấu thầu chính là tạo ra sự cạnh tranh để làm động lực cho sự phát triển, đã tạo ra được nhiều công ty mạnh có đủ năng lực thiết bị, con người và tiền vốn đảm đương được công trình phức tạp và vốn lớn, thời gian thi công ngắn, đạt được chất lượng cao;

- Qua đấu thầu, tiết kiệm được nguồn vốn đầu tư;

- Các công trình đưa vào sử dụng đúng tiến độ sớm phát huy được hiệu quả;

- Công tác đấu thầu đã được toàn xã hội quan tâm.

Tuy nhiên, trong những năm qua, quản lý công tác đấu thầu còn bộc lộ những hạn chế:

- Trong những năm qua, hầu hết các dự án chủ đầu tư đều trình xin chủ trương cho đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu dẫn đến hầu hết các dự án phải tổ chức đấu thầu rộng rãi nhưng không thực hiện.

- Nhiều gói thầu tiến hành tổ chức đấu thầu còn mang tính hình thức, không có sự cạnh tranh bình đẳng do áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế. Tỷ

lệ giảm giá thấp, giá trúng thầu của hầu hết các gói thầu xấp xỉ bằng giá gói thầu (giá dự toán).

- Khâu đấu thầu thể hiện tính cục bộ của quá trình đầu tư. Nhiều công trình dùng chỉ định thầu như trên nhưng cũng có công trình đấu thầu một cách hình thức để tạo “công ăn việc làm cho người trong nhà”, phổ biến việc thông đồng giữa các nhà thầu với nhau. Qui chế đấu thầu thiếu chặt chẽ, không công khai, minh bạch đã dẫn đến việc một nhà thầu trúng sau đó chia phần cho các nhà thầu còn lại hay giành giật gói thầu bằng giá thấp dẫn đến công trình kém chất lượng, thời gian thi công kéo dài, chi phí phát sinh lớn vẫn được quyết toán.

- Chất lượng của hồ sơ mời thầu còn thấp, nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra cho công tác lựa chọn nhà thầu. Các yêu cầu đặt ra trong hồ sơ mời thầu còn mang tính chất chung chung, các tiêu chí đánh giá còn mang tính chất cảm tính và hướng vào một số nhà thầu nào đó làm mất đi tính cạnh tranh và minh bạch trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

- Về lập hồ sơ dự thầu, đa số các nhà thầu lập hồ sơ dự thầu theo công nghệ lắp ghép modul. Phần giá dự thầu của các nhà thầu nhiều trường hợp chỉ khác nhau phần thư giảm giá. Phần lớn hồ sơ dự thầu cốt trúng thầu, sau đó khi thực hiện thì bố trí khác cả về nhân sự, cả về biện pháp thi công.

Từ những tồn tại hạn chế trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng ở trên, dẫn đến hệ quả là một số dự án được “giao” cho các nhà thầu không đủ năng lực thi công, thiếu phương tiện máy móc, thiết bị...thực hiện. Trong quá trình thi công, nhà thầu phải hợp đồng thuê lại phương tiện của các đơn vị khác hoặc hợp đồng lại các hạng mục xây dựng của dự án đã đấu thầu; dẫn đến tình trạng khi đơn vị được trúng thầu xây dựng dự án là phải loay hoay tìm đơn vị đối tác khác để hợp đồng thực hiện. Đây là vấn đề mấu chốt làm chậm tiến độ của dự án.

Để đánh giá tình thực hiện kế hoạch khối lượng thi công theo năng lực của nhà thầu, có thể thể hiện chi tiết qua bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành của một số dự án sau:

Bảng 2.12: Tình hình thực hiện khối lượng xây lắp hoàn thành của một số DA ĐTXD sử dụng vốn NSNN tại KKT Chân Mây – Lăng Cô [8,9,10,11]

Đvt: Triệu đồng

Tên dự án	Dự toán thời gian thực hiện	Kế hoạch	Giá trị khối lượng hoàn thành lũy kế					
			Đến năm 2009		Đến năm 2010		Đến năm 2011	
			Tổng số	% so DT	Tổng số	% so DT	Tổng số	% so DT
1. Đường ven sông Bù Lu	37.961,957	An					3	2007-2008
2. Mở rộng đường ra cảng Chân Mây đoạn từ QL1A đến đường ven biển Cảnh Dương (đoạn Km0-Km4+60)	81.336,000							2007-2009
3. Đường giữa Khu CN số 2 và số 3	63.876,000							2006-
4. Đường nối QL1A vào khu du lịch Bãi Chuối	41.556,000							2008
5. Khu tái định cư Lập	78.115,000							

	4	5	6				
2008- 2010	16.786,792	44,2	28.132,792				
2006- 2009	3.023,000	3,7	20.023,000				
	29.865,000	46,8	39.418,000				
	1.854,991	4,5	16.412,000				
	11.591,000	14,8	26.002,000				

(Nguồn: Báo cáo của Ban
Quản lý KKT Chân Mây –
Lăng Cô)

2.3.1.6. Năng lực ban quản lý và chủ đầu tư, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và công tác nghiệm thu thanh quyết toán

Tất cả các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn hỗ trợ mục tiêu phát triển khu kinh tế từ ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô do Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô làm chủ đầu tư. Thực hiện cơ chế phân công, phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô theo quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Ban Quản lý Khu kinh tế đã thành lập các Ban để quản lý các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

Hiện tại, các dự án, công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô do Ban Đầu tư & Xây dựng Khu kinh tế, Ban Quản lý dự án Quy hoạch và Ban Quản lý dự án xây dựng Trụ sở (các đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô) được giao nhiệm vụ thay mặt làm chủ đầu tư, thực hiện hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án, các đơn vị này sử dụng bộ máy hiện có của mình kiêm nhiệm và cử người phụ trách để quản lý việc thực hiện dự án. Nhìn chung, năng lực quản lý dự án của các Ban được đảm bảo, toàn bộ cán bộ đều đạt trình độ Đại học và được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý đầu tư như về quản lý dự án, quản lý nghiệp vụ đấu thầu, lớp bồi dưỡng về công tác đánh giá, giám sát đầu tư... Tuy nhiên, trong quá trình quản lý dự án vẫn còn những tồn tại ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư của dự án. Cụ thể:

- Do được phân công, phân cấp toàn bộ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền về lĩnh vực đầu tư xây dựng của UBND tỉnh và các Sở liên quan, công tác quản lý dự án nhiều khi còn mang tính chủ quan, ỷ lại.

- Công tác báo cáo thường xuyên, định kỳ hàng quý, năm chưa được quan tâm, thường xuyên chậm trễ, khối lượng hoàn thành của từng dự án nhiều lúc báo cáo chưa chính xác... làm cho công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên không kịp thời, vấn đề xảy ra thường để thời gian dài mới

báo cáo đề xuất xử lý. Điều này làm cho công tác thi công của các nhà thầu nhiều bị động, phải chờ đợi ý kiến quyết định của cơ quan có thẩm quyền mới thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

- Vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, chỉ dành cho Khu kinh tế, vào cuối năm, vốn được bố trí chưa giải ngân hết thì được chuyển tiếp sang năm sau thực hiện nên việc giải ngân ít được quan tâm. Mặt khác, việc điều chỉnh vốn, điều hòa vốn cho các dự án đầu tư xây dựng hàng năm chỉ do phòng chuyên môn của Khu kinh tế là Phòng Kế hoạch – Tài chính thẩm định trên cơ sở đề nghị của các Ban quản lý dự án, trong khi khối lượng xây lắp hoàn thành của các dự án theo báo cáo là ước lượng, thiếu chính xác dẫn đến dự án có khối lượng thi công xây lắp hoàn thành lớn lại không được bố trí vốn đủ, dự án chưa có khối lượng hoàn thành lại được bố trí vốn, làm cho trong năm phải nhiều lần điều chỉnh vốn, vấn đề này làm cho nhà thầu thi công không dám triển khai do sợ thiếu vốn thanh toán cho khối lượng xây lắp hoàn thành, ảnh hưởng làm chậm đến tiến độ của dự án.

2.3.1.7. Công tác quản lý giá xây dựng

Trong năm 2007, các loại nguyên vật liệu xây dựng có đợt biến động giá lớn, một số loại tăng giá đến 2-3 lần làm chi phí xây dựng tăng cao nằm ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu. Giá trị xây lắp thực tế tăng cao nhiều lần so giá trúng thầu làm nhiều nhà thầu không thể tiếp tục triển khai xây dựng, bởi tiếp tục thực hiện thi công thì lỗ càng lớn, nhiều dự án xây dựng phải dừng lại, khối lượng xây lắp dở dang tồn đọng nhiều, nhà thầu không tiến hành nghiệm thu làm tiến độ thực hiện dự án có nhiều khả năng bị kéo dài.

Vấn đề biến động giá nguyên vật liệu xây dựng diễn ra kéo dài và trên phạm vi toàn quốc, để tháo gỡ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày

22/02/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành thông tư về việc hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng nhưng lại không quy định cụ thể loại nào được phép cho điều chỉnh giá, mà chỉ quy định chung chung là “Điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được tính cho khối lượng thi công xây lắp từ năm 2007 chịu ảnh hưởng của biến động giá vật liệu xây dựng làm tăng chi phí xây dựng công trình”. Điều này dẫn đến một địa phương thực hiện theo theo một hình thức điều chỉnh khác nhau, cho các loại nguyên vật liệu xây dựng khác nhau, hoặc không thực hiện điều chỉnh giá do lúng túng trong việc áp dụng Thông tư này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà thầu thi công. Đến khi Bộ Xây dựng tháo gỡ các vướng mắc trên bằng ban hành thông tư về hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng, thì khi đó mới xác định được các loại nguyên vật liệu xây dựng được điều chỉnh giá cụ thể là “Các loại vật liệu xây dựng được điều chỉnh (tăng, giảm) giá bao gồm: Xăng, dầu, sắt thép các loại (bao gồm cả cáp thép, ống thép các loại), nhựa đường, xi măng, cát, đá, sỏi, gạch các loại, dây điện, cáp điện các loại, gỗ các loại (bao gồm cả cốp pha gỗ, cửa gỗ các loại), kính các loại. Trường hợp cần điều chỉnh các loại vật liệu xây dựng khác do biến động giá thì chủ đầu tư xác định và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Tập đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước quyết định.” và “Trường hợp giá theo thông báo giá hoặc công bố không phù hợp hoặc không có thì chủ đầu tư căn cứ vào giá chứng từ, hoá đơn hợp lệ phù hợp với mặt bằng giá thị trường.” Cũng như kèm theo một số cơ chế thuận lợi cho việc thanh toán chênh lệch biến động giá như “Trường hợp sau khi điều chỉnh giá vật liệu xây dựng làm thay đổi nhóm của dự án, chủ đầu tư tiếp tục thực hiện dự án như qui định đối với dự án trước khi điều chỉnh (không phải làm lại các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án).” và “Chủ

đầu tư tạm ứng cho nhà thầu tiền bù chênh lệch giá theo hướng dẫn tại Thông tư này theo mức tạm ứng của hợp đồng đối với khối lượng chưa thực hiện và tạm thanh toán 80%-90% chênh lệch giá của khối lượng đã thực hiện trong khi chờ làm các thủ tục điều chỉnh để tránh thiệt hại cho nhà thầu và không ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, dự án.”.

Như vậy, việc tháo gỡ khó khăn cho các nhà thầu do các đợt biến động giá trong năm 2007 đã được thực hiện tươm tất với việc áp dụng các văn bản pháp lý của Nhà nước. Vấn đề đáng nói ở đây là việc Nhà nước tháo gỡ khó khăn cho các nhà thầu tiến hành quá chậm, các đợt biến động giá xảy ra từ đầu năm 2007 nhưng phải đến tháng 4/2008 mới ban hành một văn bản hoàn chỉnh được áp dụng cho phép điều chỉnh giá. Việc chậm trễ trên làm ảnh hưởng công tác thi công xây lắp, nghiệm thu khối lượng hoàn thành của các nhà thầu làm chậm tiến độ thực hiện của dự án đầu tư xây dựng.

2.3.1.8. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư

Công tác giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện theo các văn bản pháp lý quy định hiện hành của Nhà nước. Qua thời gian thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tại Khu kinh tế đã đạt được những kết quả tích cực; Qua thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư, đã nắm bắt quá trình đầu tư của các dự án tốt hơn, uốn nắn và xử lý những vướng mắc từ thực tế, đưa công tác đầu tư vào nề nếp và tuân thủ theo đúng pháp luật. Kết quả các dự án đã thực hiện tốt cơ bản không vi phạm các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng. Tuy nhiên, công tác này tại các Ban quản lý dự án (các đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô) chưa được nhận thức và quan tâm đúng mức, công tác báo cáo định kỳ chưa thực hiện kịp thời theo quy định, các đơn vị chỉ báo cáo khi có yêu cầu hoặc khi có kế hoạch kiểm tra, đánh giá của Sở Kế hoạch và Đầu tư, nên nhiều vấn đề xảy ra trong quá trình đầu tư dự án chưa

được theo dõi và xử lý kịp thời, ảnh hưởng không ít đến tiến độ đầu tư của các dự án.

2.3.2. Những nguyên nhân tồn tại, hạn chế trong thực hiện tiến độ của các dự án xây dựng sử dụng vốn ngân sách tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

Việc chậm tiến độ dẫn đến công trình chậm đưa vào khai thác sử dụng để phát huy hiệu quả đầu tư. Dự án kéo dài, chi phí dự án tăng cả về chi phí nhân công, chi phí quản lý, chi phí tư vấn giám sát, chi phí văn phòng, chi phí đi lại, ...khối lượng đã đầu tư chậm được quyết toán, khấu hao do lạm phát, tiền phạt do không đảm bảo tiến độ cam kết. Trên thực tế có rất nhiều nguyên nhân chậm trễ tiến độ như sau:

2.3.2.1. Nguyên nhân về thể chế

a. Nguyên nhân từ cơ chế, chính sách quy định của Nhà nước

- Chế độ chính sách về xây dựng công trình cũng thay đổi nhiều, một số công trình đã thực hiện đến khâu phê duyệt hồ sơ mời thầu nhưng phải bổ sung điều chỉnh lại dự toán, dự án phải điều chỉnh lại nhiều lần dẫn đến triển khai đầu tư xây dựng chậm.

- Giá cả vật tư biến động lớn, đặc biệt là các vật tư thiết yếu như xăng, dầu, xi măng, sắt thép... Trong khi đó, cơ chế quản lý giá và thanh toán chậm được thay đổi để kịp thời giải quyết việc bù giá, điều chỉnh giá.

- Thiếu cơ sở pháp lý cho việc hình thành cơ chế kiểm tra giám sát, đánh giá tổng kết công tác đầu tư xây dựng một cách thường xuyên và thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư sau dự án. Các quy định chưa cụ thể quy trách nhiệm không rõ ràng làm cho công tác báo cáo thực hiện giám sát đầu tư chất lượng không đảm bảo còn mang tính hình thức đối phó. Chỉ nêu ra các hiện tượng mà thiếu phân tích nguyên nhân.

b. Nguyên nhân từ công tác lập và quản lý quy hoạch

- Nhiều quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng chi tiết còn thiếu hoặc đã quá cũ, lạc hậu. Một số quy hoạch vừa mới lập và phê duyệt đã xin sửa đổi, bổ sung. Quy hoạch xây dựng không đồng bộ, chất lượng quy hoạch thấp. Nhiều quy hoạch chưa phù hợp với điều kiện thực tế dẫn đến khi thực hiện dự án gây lãng phí, nhất là khâu đền bù giải phóng mặt bằng.

- Việc phối kết hợp giữa ngành với ngành, giữa ngành với cấp trong việc lập quy hoạch còn hạn chế, trình độ của đơn vị tư vấn lập quy hoạch chưa cao, do đó có những quy hoạch vừa mới duyệt xong đã phải phê duyệt lại.

- Công tác quản lý quy hoạch còn buông lỏng. Phân công, phân cấp không rõ ràng, thiếu một khung pháp lý đầy đủ cho việc lập, phê duyệt, quản lý quy hoạch, thiếu sự chỉ đạo và hướng dẫn thống nhất về các vấn đề liên quan đến công tác quy hoạch, thiếu kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

- Nhiều đơn vị, cá nhân chưa nhận thức đúng đắn về vai trò của công tác quy hoạch. Việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình lập quy hoạch ngành, lãnh thổ chưa thống nhất, thiếu sự phối hợp nên xảy ra tình trạng quy hoạch chòng chéo và không ăn khớp giữa quy hoạch ngành, quy hoạch vùng lãnh thổ.

- Các quy hoạch sau khi được duyệt chưa công bố rộng rãi để các tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện theo quy hoạch.

c. Nguyên nhân xuất phát từ công tác phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng

Việc thực hiện tốt việc phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng đã giành quyền tự quyết định và tự chịu trách nhiệm cho Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị được giao nhiệm vụ thay mặt làm chủ đầu tư. Tạo điều kiện cho Ban Quản lý Khu kinh tế chủ động quyết định đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền được phân cấp. Giảm thủ tục hành chính với các cấp các ngành, giảm bớt công việc không cần thiết cho UBND tỉnh và các ngành. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm của đơn vị được phân cấp trong quản lý đầu tư và xây dựng.

Qua thực tế thực hiện cho thấy còn nhiều bất cập, trình độ chuyên môn về quản lý đầu tư của các đơn vị được phân cấp chưa đáp ứng được yêu cầu, độ ngũ cán bộ còn thiếu. Những năm đầu vừa thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư và xây dựng, thẩm định dự án đầu tư ở các Phòng chuyên môn thiếu, không có cán bộ có trình độ Đại học quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành; Việc chấp hành quy định về chế độ báo cáo tình hình thực hiện các công trình XD/CB, báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các Ban Đầu tư & Xây dựng, các Ban quản lý dự án với các cơ quan quản lý nhà nước còn thiếu và chậm.

d. Nguyên nhân từ công tác lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư

Thực tế, việc bố trí vốn cho các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước vẫn còn tình trạng dàn trải; Lượng nợ đọng vốn xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách còn lớn, nhiều công trình hoàn thành nhưng chưa có khả năng thanh toán và thiếu khả năng cân đối. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hàng năm cho đầu tư xây dựng còn rất hạn hẹp, trong khi đó số lượng các dự án đầu tư do các đơn vị trình duyệt và đề xuất ngày càng nhiều, trên thực tế số lượng dự án được duyệt đã không phù hợp với khả năng cân đối. Nguyên nhân của tình trạng trên là:

- Chưa có những giải pháp cụ thể và có hiệu lực để thống nhất trong quản lý nhằm kiểm soát và hạn chế được việc duyệt dự án đầu tư không cân đối với khả năng nguồn vốn hiện có hoặc triển khai thực hiện vượt khả năng cân đối vốn hàng năm. Vấn đề lại đối ứng không đáp ứng được yêu cầu.

- Nhiều chủ đầu tư và các đơn vị chủ quản còn tư tưởng cho rằng nếu công trình được duyệt sử dụng vốn ngân sách thì cứ triển khai xây dựng, không quan tâm nhiều đến khả năng cân đối vốn trong kế hoạch hàng năm, nếu thi công vượt khối lượng được giao sẽ chờ xin vốn Nhà nước để bổ sung thanh toán, làm mất cân đối giữa mục tiêu đầu tư và khả năng cân đối vốn của kế hoạch năm sau.

- Nhiều công trình với lượng vốn bố trí quá ít nên với lượng vốn đó sẽ không đủ để hoàn thành một hạng mục. Việc bố trí vốn cho xây lắp, thiết bị và kiến thiết cơ bản khác trong một dự án còn chia đều theo tỷ lệ, trong khi chi trả cho tư vấn cần phải thực hiện trước vì tư vấn đã hoàn thành hợp đồng, đủ điều kiện thanh toán.

Nguyên nhân của tình trạng bố trí kế hoạch dàn trải là do chủ trương đầu tư:

- Cho lập dự án mới còn nhiều, trong khi khả năng bố trí vốn để đầu tư xây dựng còn bị hạn chế. Hàng năm có kế hoạch chuẩn bị đầu tư, xong số dự án ghi danh mục chuẩn bị đầu tư vẫn còn nhiều, mặt khác trong năm phát sinh thêm không ít chủ trương cho lập dự án.

- Một số dự án chưa triển khai thực hiện đã có chủ trương cho lập lại, thay đổi quy mô hoặc phát sinh khối lượng.

Trong quy chế quản lý đầu tư và xây dựng quy định đối với các dự án nhóm C, cơ quan quyết định đầu tư phải bảo đảm cân đối vốn đầu tư để thực hiện dự án không quá 2 năm; nhóm B không quá 4 năm, nhưng trên thực tế một số dự án nhóm C kéo dài quá 2 năm, nhóm B quá bốn năm, số lượng các dự án đầu tư do các đơn vị đề xuất vẫn khá lớn, vượt khả năng cân đối vốn hàng năm.

2.3.2.2. Nguyên nhân về trình độ quản lý

a. Năng lực ban quản lý và chủ đầu tư hạn chế

a số chủ đầu tư, Ban quản lý thiếu tính chuyên nghiệp, chưa được đào tạo đầy đủ, thiếu kinh nghiệm, yếu cả về chuyên môn và khả năng quản lý XDCCB thậm chí có những chủ đầu tư phó thác cho bên nhà thầu và các cơ quan quản lý là chính, dẫn đến chưa phát huy hết hiệu quả của công trình, gây lãng phí, thất thoát, tiến độ chậm, chất lượng công trình còn chưa đảm bảo. Chủ đầu tư chưa quan tâm đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy

định, chưa bổ sung thủ tục hồ sơ còn thiếu, lúng túng chậm trễ trong việc thanh toán khối lượng XDCB, quyết toán công trình kể cả một số công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ những năm trước. Việc thực hiện trình tự XDCB còn có những bất cập, một số công trình phải duyệt lại, chất lượng dự án chưa cao.

Năng lực của tư vấn giám sát rất yếu, chưa có tổ chức tư vấn giám sát riêng.

b. Trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đầu tư và xây dựng chưa phát huy

- Do các quy định về quản lý đầu tư xây dựng chưa đồng bộ, thủ tục đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách phức tạp, sự phối hợp giữa các cơ quan không đồng bộ và thiếu chặt chẽ.

- Chưa có được cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bên tham gia dự án do thiếu các quy định pháp lý có tính hiệu lực cao cũng như các cơ chế hòa nhập hiệu quả để quản lý các mặt phân giới này.

c. Nguyên nhân xuất phát từ công tác lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán

- Đáng lẽ dự án khả thi phải được xem xét với nhiều phương án khác nhau, phân tích kỹ lưỡng cái lợi cái hại và tìm ra phương án tối ưu có hiệu quả kinh tế cao về tổng thể. Thực tế, nhiều dự án khả thi được lập lên cho gọi là có và đầy đủ thủ tục, mặt khác dự án khả thi chỉ được lập lên hợp thức hoá ý đồ của chủ đầu tư. Do đó, ý nghĩa của dự án khả thi thực tế không còn cho nên nhiều dự án khả thi chỉ nêu lên 1 phương án cho gọi là có và hết sức sơ sài không có phân tích so sánh gì.

- Lập dự án đầu tư

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm lập (hoặc thuê tổ chức tư vấn) báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư để

trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phần lớn các chủ đầu tư không đủ khả năng lập dự án nên đều phải thuê tư vấn, điểm hạn chế ở đây là, chủ đầu tư đã chọn nhà tư vấn trước khi trình do đó không có tính cạnh tranh, chất lượng tư vấn thấp.

+ Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán ở một số công trình chất lượng còn thấp, chưa đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, chưa tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy phạm (có một số công trình tư vấn làm theo yêu cầu của chủ đầu tư, nâng quy mô càng lớn càng tốt), số liệu điều tra, khảo sát chưa chính xác. Trong thiết kế thường tính thiên về an toàn quá lớn, trong tính toán dự toán áp dụng đơn giá, định mức và các chế độ tài chính trong XDCB chưa chính xác hoặc sót khối lượng công việc.

+ Tư vấn lập dự án đầu tư: Chất lượng một dự án phụ thuộc vào rất nhiều vào trình độ của tư vấn, theo Quy chế đấu thầu phải xem xét nhiều nhà tư vấn để chọn một tư vấn có năng lực nhất. Thực tế trong thời gian qua, chủ đầu tư mới chỉ trình có một nhà tư vấn để xin chỉ định lập dự án. Do không được lựa chọn, so sánh điểm mạnh, điểm yếu của mỗi nhà tư vấn để lựa chọn nhà tư vấn tốt nhất nên một số nhà tư vấn được lựa chọn rất yếu, thậm chí có nhà tư vấn thiếu kinh nghiệm trong việc lập dự án, nên dự án lập ra thiếu sức thuyết phục, có nhà thầu tư vấn trong quá trình lập dự án bỏ qua các quy định của nhà nước, không áp dụng Qui chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn, qui phạm thiết kế, không có khảo sát địa hình, địa chất công trình,

+ Một trong những nguyên tắc quan trọng của việc lập dự án đầu tư là nhà tư vấn phải đưa ra được nhiều phương án, phân tích lựa chọn phương án tối ưu để chủ đầu tư và cơ quan thẩm định xem xét hoặc nếu có thêm một số phương án thì các phương án đó, nhà tư vấn chỉ tính toán một cách chiếu lệ, ít giá trị so sánh.

+Do trình độ tư vấn hạn chế, do đó dự án phải phê duyệt lại do phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, khối lượng hoặc tính toán sai, thiếu. Một số các dự án phải trả hồ sơ rất nhiều lần vì chất lượng dự án quá thấp. Một số dự án điều chỉnh lại nhiều lần do chế độ chính sách, tăng thuế VAT, giá cả luôn thay đổi lớn và thời gian thi công kéo dài. Khâu thiết kế hiện nay có điểm yếu là tính chuyên nghiệp không cao, trình độ nhân viên thấp từ đó dẫn đến các giải pháp kỹ thuật thiết kế không đúng, không hợp lý làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng của công trình, những giải pháp cho tổng công trình thiếu cụ thể, thiết kế sơ sài, không sát với thực tế nên giá thành công trình nhiều khi không kiểm soát được và rất cao.

- Đối với công tác thẩm định dự án đầu tư

Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư đã tuân thủ theo qui hoạch phát triển kinh tế, qui hoạch vùng, ngành lãnh thổ, áp dụng đúng chế độ chính sách của Nhà nước hiện hành, đúng thời gian qui định và giảm các thủ tục phiền hà thực hiện theo chế độ một cửa. ác dự án đã thẩm định cơ bản đã được bố trí kế hoạch thực hiện đầu tư. Một số dự án đã đưa vào sử dụng đạt hiệu quả cao. Tuy vậy, công tác thẩm định còn bộc lộ những yếu điểm sau:

+Độ chính xác của công tác thẩm định chưa cao do chất lượng hồ sơ dự án cũng như thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán thấp, chưa đề cập hết các nội dung của một dự án như quy định (Ví dụ: Số liệu khảo sát, nghiên cứu hiện trạng và dự báo không chính xác...).

+Thời gian thẩm định của một số dự án kéo dài so với quy định do việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan thiếu chặt chẽ, có cơ quan chưa thực hiện nghiêm về thời gian theo quy định, (cơ quan được lấy ý kiến đã không trả lời hoặc kéo dài thời gian so với quy định).

+Thời gian khởi công - hoàn thành: Thường các chủ đầu tư đề xuất thời gian khởi công - hoàn thành ngắn, nhiều dự án chưa thực hiện đúng theo

thời gian trong quyết định đầu tư, thậm chí có dự án hết thời gian thực hiện vẫn chưa khởi công xây dựng. Nguyên nhân của việc kéo dài thời gian thực hiện dự án là: Khả năng nguồn vốn cho các dự án không đáp ứng được; Số lượng dự án bố trí trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư và cho phép lập dự án của cấp có thẩm quyền quá nhiều; một số dự án do yêu cầu của các nhà tài trợ vốn phải lập và phê duyệt dự án trước; đã gây không ít khó khăn cho công tác thẩm định.

+Quy chuẩn xây dựng có nhiều điểm không phù hợp với tình hình hiện tại. Ví dụ diện tích sử dụng bình quân trên đầu người, định mức này không thể áp dụng chung cho tất cả các cơ quan mà phải tùy chức năng cụ thể, đặc thù của từng cơ quan.

- Công tác lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán

+Lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán: Một số tổ chức tư vấn có xu hướng chạy theo doanh thu và quá giữ mình nên đã đẩy hệ số an toàn lên cao, dẫn đến tổng dự toán cao. dẫn đến tổng dự toán lớn, gây lãng phí; Một số tổ chức tư vấn yếu kém về chuyên môn nên đã bỏ sót nhiều yếu tố, bỏ sót hạng mục của công trình hoặc thiết kế công trình không theo đúng quy định của nhà nước..Tổ chức thiết kế chưa thực hiện công tác giám sát tác giả trong suốt quá trình thi công, xây lắp, hoàn thiện và nghiệm thu công trình.

+Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán: Về tồn tại trong thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán có thể nêu tóm tắt như sau:

. Chủ đầu tư không tổ chức nghiệm thu sản phẩm thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công

. Tổng dự toán do cơ quan tư vấn lập trước khi trình thẩm định.

. Có cơ quan thẩm định quá tin tưởng ở đơn vị tư vấn.

. Thời gian thẩm định kéo dài.

d. Nguyên nhân từ quản lý công tác đấu thầu

- Về phạm vi điều chỉnh và xử lý mối quan hệ giữa Luật đấu thầu với các Luật mang tính chuyên ngành có những điều khoản không thống nhất nên khi áp dụng thường bị trùng chéo gây nảy sinh những ách tắc, mâu thuẫn.

- Luật xây dựng đã có điều khoản quy định chặt chẽ nhưng trên thực tế hiện tượng thông thầu giữa các doanh nghiệp xây dựng và giữa bên mời thầu và bên dự thầu vẫn còn tương đối phổ biến, nên cần có giải pháp chống khép kín trong đấu thầu.

- Luật đấu thầu hầu như chỉ quan tâm đến việc quy định hồ sơ mời thầu (HSMT) theo loại hình thi công xây dựng mà không quy định chi tiết cụ thể HSMT cho các loại hình khác mà chúng ta đang áp dụng từng bước trong quá trình hội nhập.

- Về giá trúng thầu cũng phải cần được xem xét. Theo Luật đấu thầu, nhà thầu trúng thầu là nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất nhưng không vượt giá gói thầu được duyệt trong kế hoạch đấu thầu. Nguyên tắc này chỉ thích hợp với một vài nước phát triển có trình độ cao.

- Quy định của luật chưa có hướng dẫn cụ thể cho việc hoàn thiện hồ sơ dự thầu (HSDT) nhằm thống nhất phương pháp đánh giá và việc lựa chọn nhà thầu đạt được mục tiêu quản lý của Nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng.

- Trong quy định đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp chưa đưa ra được các tiêu chuẩn và phương pháp phù hợp để đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu dự thầu nên việc đánh giá còn mang tính chủ quan.

- Việc quy định bước đánh giá về mặt kỹ thuật của gói thầu xây lắp chưa đáp ứng được yêu cầu của việc lựa chọn nhà thầu xây dựng. Phương án kỹ thuật được chọn trong hồ sơ dự thầu chưa chặt chẽ, còn quá sơ sài nên việc áp dụng nó sau khi thắng thầu còn hạn chế do thiếu tính chính xác, tính thực tiễn

- Còn thiếu các hướng dẫn cụ thể trong việc xác định giá đánh giá của hồ sơ dự thầu xây lắp.

- Quy trình tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp mất nhiều thời gian, làm tăng thời gian tổ chức đấu thầu và thực hiện gói thầu xây lắp

- Sự hiểu biết về trình tự và các quy định về đấu thầu của một số các cơ quan quản lý và các nhà thầu còn hạn chế.

- Việc lập Hồ sơ mời thầu của một số gói thầu chưa đảm bảo yêu cầu, chưa bám sát yêu cầu kỹ thuật của thiết kế nên phải điều chỉnh, sửa chữa nhiều lần.

- Công việc xét thầu của tổ tư vấn còn có gói thầu còn mang tính chất chiếu lệ, hình thức, xét thầu không kỹ.

- Việc lựa chọn năng lực các nhà thầu tham gia đấu thầu còn hạn chế, nhiều nhà thầu năng lực kém không phù hợp với yêu cầu gói thầu mà vẫn được chủ đầu tư mời tham gia dự thầu, dẫn đến có nhà thầu tham gia dự thầu nhiều các gói thầu nhưng không trúng thầu. Chất lượng hồ sơ dự thầu của các nhà thầu không trúng thầu rất thấp, mang tính chất hình thức, không bám sát hồ sơ mời thầu.

- Năng lực của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thi công.

- Năng lực của nhà thầu yếu về tài chính, thiết bị, phòng thí nghiệm hiện trường. Doanh nghiệp bị thua lỗ và trong nhiều trường hợp là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng thi công.

e. Nguyên nhân từ công tác giám sát đánh giá hoạt động đầu tư

- Các cấp, các ngành, các chủ đầu tư chưa hiểu và chưa quan tâm đúng mức đến công tác theo dõi, giám sát, quản lý quá trình thực hiện đầu tư để đảm bảo hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí. Đây là một trong những nguyên nhân

của những vấn đề tồn tại trong đầu tư (phân tán, chậm tiến độ, kém hiệu quả). Có đơn vị còn coi đây là công việc không cần thiết, một thủ tục phiền hà.

- Đa số các ban quản lý và chủ đầu tư chưa thực hiện công việc giám sát đánh giá đầu tư, có một số đơn vị thực hiện nhưng chỉ mang hình thức nên chưa phản ánh được tình hình thực hiện dự án, giúp cơ quan quản lý cấp trên kịp thời điều chỉnh các hoạt động đầu tư, điều chỉnh các dự án có căn cứ hơn.

- Hầu hết các dự án chưa thực hiện công tác giám sát cộng đồng.

f. Nguyên nhân từ công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng

- Công tác giải phóng mặt bằng ở một số DA gặp nhiều khó khăn (khối lượng đền bù và kinh phí chi trả lớn, khiếu kiện của nhân dân) làm thời gian thực hiện DA kéo dài, chi phí đền bù càng lớn hơn.

- Do cơ chế chính sách về đất đai, quy hoạch, bồi thường GPMB không ổn định, thường xuyên thay đổi. Nhiều nội dung quy định chưa phù hợp với thực tế và có nhiều cách hiểu khác nhau nên khi áp dụng rất khó khăn; chính sách ban hành sau có lợi hơn nhiều so với chính sách ban hành trước dẫn đến khó khăn trong việc xử lý bồi thường chuyển tiếp giữa chính sách cũ và chính sách mới.

- Các quy định về đơn giá đền bù GPMB có nhiều thay đổi, chưa theo kịp diễn biến và yêu cầu dẫn đến dự án phải điều chỉnh phê duyệt nhiều lần. Sự phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương chưa được chặt chẽ; UBND các xã, thị trấn thuộc địa bàn Khu kinh tế còn chậm triển khai việc xác minh nguồn gốc đất trong phạm vi dự án... Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng khiếu nại, kiến nghị dẫn đến người dân không chấp thuận bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

g. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

Một dự án đầu tư đã được thiết kế tốt đến bao nhiêu mà trong quá trình thi công, chủ đầu tư không có năng lực, không có tinh thần trách nhiệm thì vẫn sẽ không xây dựng được một công trình có chất lượng cao, đảm bảo yêu cầu của thiết kế được duyệt. Chất lượng công trình xây dựng phụ thuộc vào các đối tượng sau:

- Chủ đầu tư: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ngay từ khi chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến khi kết thúc xây dựng, đưa công trình vào khai thác sử dụng. Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng gồm:

+ Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về lập, thẩm định, trình duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, tổ chức đấu thầu hoặc lựa chọn nhà thầu.

+ Tuyển chọn tổ chức tư vấn, cung ứng vật tư, thiết bị, xây lắp có đủ tư cách pháp nhân, có đủ năng lực để đảm nhận các công việc trong quá trình đầu tư.

+ Kiểm tra chất lượng các loại vật tư, cấu kiện xây dựng, thiết bị lắp đặt đúng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật được duyệt.

+ Được quyền yêu cầu các tổ chức tư vấn, cung ứng, tổ chức nhận thầu xây lắp giải trình về chất lượng vật liệu, thiết bị và công việc do các tổ chức này thực hiện nếu thấy không đạt yêu cầu quy định có quyền yêu cầu sửa chữa, thay thế hoặc từ chối nghiệm thu.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên đòi hỏi Chủ đầu tư phải có đủ năng lực để quản lý dự án hoặc thành lập Ban quản lý dự án để giúp chủ đầu tư quản lý dự án. Thời gian qua, do các chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án, do đó đã có những tồn tại sau:

. Chủ đầu tư khoán trắng công việc cho đơn vị tư vấn hoặc đơn vị thi công. Có chủ đầu tư khi cơ quan quản lý đến làm việc nếu không có nhà thầu thì chủ đầu tư không thể báo cáo được tình hình thực hiện hoặc chỉ nêu được những nét chung nhất.

. Các chủ đầu tư không nắm được các quy định về quản lý một dự án, lúng túng trong tổ chức thực hiện, từ lập dự án, trình duyệt, thẩm định, tổ chức đấu thầu, giám sát thi công xây lắp và nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

. Công tác giám sát thi công, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu toàn bộ do chủ yếu dựa vào báo cáo của nhà thầu. Có công trình không đảm bảo chất lượng nhưng vẫn được nghiệm thu. . Không kiểm soát được nhà thầu.

Trách nhiệm của nhà thầu: Trách nhiệm của nhà thầu được quy định như sau^[13,17,18,]:

- Để bảo đảm chất lượng công trình xây dựng, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với từng gói thầu hoặc loại công việc cụ thể.

- Năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức được xác định theo cấp bậc trên cơ sở năng lực hành nghề xây dựng của các cá nhân trong tổ chức, kinh nghiệm hoạt động xây dựng, khả năng tài chính, thiết bị và năng lực quản lý của tổ chức.

- Chỉ được phép nhận thầu thi công những công trình thực hiện đúng thủ tục đầu tư và xây dựng, phù hợp với năng lực của mình; thi công đúng thiết kế được duyệt; áp dụng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được quy định và chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên về chất lượng công trình của chủ đầu tư tổ chức thiết kế và cơ quan giám định nhà nước theo phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về chất lượng thi công xây lắp công trình kể cả những phần việc do nhà thầu phụ thực hiện theo quy định của hợp đồng giao nhận thầu xây lắp; nhà thầu thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

- Vật liệu cấu kiện xây dựng sử dụng vào công trình phải có chứng nhận về chất lượng gửi cho chủ đầu tư để kiểm soát trước khi sử dụng theo quy định.

- Tổ chức hệ thống bảo đảm chất lượng công trình để quản lý chất lượng sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công.

h. Công tác thanh quyết toán và giá xây dựng

Công tác thanh quyết toán của chủ đầu tư chậm so với qui định, chất lượng lập hồ sơ quyết toán còn thấp thiếu cơ sở. Một số dự án thủ tục thanh toán, cấp phát chưa đảm bảo nhưng vẫn cấp phát. Có công trình đã quyết toán nhưng khi thanh tra, kiểm tra vẫn tìm ra những thất thoát lãng phí. Thủ tục thanh toán, cấp phát và thẩm định quyết toán chưa cải tiến, đôi khi còn gây phiền hà không cần thiết.

Về giá xây dựng: Một số công tác xây dựng chuyên ngành hoặc có công nghệ thi công mới chưa xây dựng được định mức, đơn giá.

Tóm lại, Thời gian qua, nguồn vốn đầu tư Nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô (bao gồm vốn hỗ trợ có mục tiêu phát triển khu kinh tế từ ngân sách trung ương, vốn đầu tư XDCB tập trung của tỉnh Thừa Thiên Huế, vốn hỗ trợ hợp tác với Lào) ngày càng được quan tâm, đã tạo nên sự chuyển biến quan trọng đối với hạ tầng khu kinh tế, góp phần hoàn thiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu theo quy hoạch, phục vụ các dự án đầu tư trong và ngoài nước tại Khu kinh tế, tạo lập được môi trường thu hút đầu tư, làm cho hệ thống hạ tầng khu kinh tế ngày càng hoàn chỉnh và khang trang. Tuy nhiên, công tác quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước còn bộc lộ những yếu kém, thiếu sót dẫn đến tình trạng tiến độ đầu tư nhiều dự án bị kéo dài gây thất thoát lãng phí, hiệu quả đầu tư thấp. Đây là vấn đề bức xúc đang được các cấp lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế và Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô cũng như chính quyền địa phương

và nhân dân huyện Phú Lộc quan tâm, mà nguyên nhân chính xuất phát từ những vấn đề được đúc rút ra như sau:

- Cơ chế chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng thay đổi thường xuyên, nhưng nhiều khi không theo kịp thực tế.

- Tuy đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm, đẩy mạnh phân công, phân cấp trong công tác quản lý đầu tư và xây dựng, nhưng trình độ của cán bộ thực hiện vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu trong từng lĩnh vực được phân cấp.

- Công tác lập và quản lý quy hoạch đã đạt được nhiều kết quả đáng kể, nhưng vẫn chưa có tầm nhìn xa hơn, rộng hơn, chưa kết hợp với các lĩnh vực khác một cách hài hòa để đảm bảo yếu tố phát triển một cách đồng bộ hơn.

- Việc bố trí vốn vẫn còn tình trạng dàn trải. Lượng nợ đọng vốn xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách còn lớn, khối lượng công trình hoàn thành nhưng chưa có khả năng thanh toán và thiếu khả năng cân đối vốn.

- Công tác lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán; công tác đấu thầu còn nhiều bất cập gây lãng phí và chưa hiệu quả.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng vẫn còn là yếu tố tác động nhiều nhất đến tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư xây dựng mà nguyên nhân chủ yếu là do trình độ yếu kém, thiếu công tâm của một số cán bộ làm công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng, thiếu quan tâm của các cấp chính quyền đến vấn đề an sinh của người dân bị ảnh hưởng trong vùng dự án.

- Năng lực thi công của một số nhà thầu xây dựng yếu vẫn được trúng thầu các gói thầu xây lắp của dự án đầu tư xây dựng.

- Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của ban quản lý dự án và chủ đầu tư còn yếu về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm.

- Năng lực ban quản lý và chủ đầu tư còn hạn chế; chưa quan tâm đúng mức đến công tác giám sát đánh giá đầu tư...

2.3.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

Để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng cô, qua kết quả khảo sát ý kiến tham gia về vấn đề này của các chuyên gia, cán bộ công chức đang công tác tại UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, các Sở ngành quản lý chuyên môn về đầu tư xây dựng của tỉnh Thừa Thiên Huế, các kỹ sư đang làm việc tại các doanh nghiệp tư vấn đầu tư, các doanh nghiệp thi công xây dựng đang thi công các công trình xây dựng trên địa bàn Khu kinh tế và các cán bộ công tác tại huyện Phú Lộc, Hội đồng Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư huyện Phú Lộc.

Qua khảo sát, phỏng vấn 50 phiếu điều tra và được xử lý trên phần mềm SPSS 16.0 với nội dung là lập tương quan hồi qui đa biến, thu được giá trị hệ số tương quan là $R = 0,997$. Chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa các nhân tố là rất cao. Giá trị hệ số xác định (R^2) là 0,994 cho thấy rằng trên 99% sự thành công trong tiến độ thực hiện án là có liên quan hay bị ảnh hưởng các nhân tố điều tra đã xác định.

Tuy nhiên để đánh giá khả năng tồn tại của mối quan hệ giữa các biến, ta cần có công tác phân tích phương sai. Kết quả phân tích phương sai cho kết quả như sau:

Bảng 2.13: Kết quả phân tích phương sai (ANOVA)

Nguồn biến động	
	Hồi qui
	Sai số thừa
	Tổng số

Tổng biến động	Bậc tự do	Phương sai	Fti	12,420	49			
12,350	8	1,544	898	<i>(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra trên phần mềm SPSS 16.0)</i>				
0,070	41	0,002						

Qua bảng trên, cho thấy giá trị F tính rất lớn do đó mức ý nghĩa này như là bằng 0. Điều này có nghĩa là mối quan hệ tương quan giữa các biến được lựa chọn là rất ý nghĩa và hầu như chắc chắn sẽ tồn tại các mối quan hệ này trong tổng thể.

Để có thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố, biến đã được chọn đến biến độc lập (tiến độ thực hiện dự án) thì ta cần xác định các hệ số hồi qui cho từng biến với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 16.0 đã cho kết quả như sau:

Bảng 2.14: Hệ số hồi qui, giá trị kiểm tra t và mức ý nghĩa

Các biến hồi qui	Hệ số b	tính	Mức ý nghĩa
Hằng số (hệ số tự do)	-0,205	-11,394	0,000
Năng lực của nhà thầu	0,029	3,159	0,003
Vốn bố trí theo kế hoạch	0,029	3,021	0,004
Năng lực của đơn vị tư vấn	0,020	2,556	0,014
Công tác đền bù giải phóng mặt bằng	0,028	3,650	0,001
Năng lực của Ban QLDA và chủ đầu tư	0,026	2,734	0,009
Trách nhiệm của các cấp, các ngành	0,000	0,050	0,960
Công tác phân cấp quản lý	-0,007	-0,924	0,361
Công tác thanh quyết toán, giá XD	0,004	0,658	0,514

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra trên phần mềm SPSS 16.0) Qua bảng trên cho thấy: hầu hết các giá trị hệ số hồi qui b đều có giá trị dương, có nghĩa là hầu hết các nhân tố điều tra đều có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án theo chiều hướng thuận. Điều này có nghĩa khi các nhân tố này được cải tiến, đánh giá theo mức độ tốt nhiều hơn thì mức độ đúng tiến độ sẽ cao hơn. Tuy nhiên, trong này chỉ có biến số công tác phân cấp quản lý lại có giá trị âm, chứng tỏ rằng công tác phân cấp quản lý nhiều lúc có ảnh

hưởng xấu đến tiến độ thực hiện.

100

Để xem xét mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tiến độ thực hiện dự án thì ta thấy: Các nhân tố như năng lực của nhà thầu, khả năng bố trí vốn theo kế hoạch, năng lực của đơn vị tư vấn, công tác đền bù giải phóng mặt bằng và năng lực của ban quản lý và chủ đầu tư dự án là có ảnh hưởng lớn được thể hiện các giá trị hồi qui b có giá trị từ 0,020 đến 0,029. Điều này có nghĩa: khi các nhân tố này được cải thiện, đánh giá tốt hơn 1 điểm thì sẽ làm cho khả năng tiến độ dự án đúng tiến độ là từ 2% đến 2,9%. Còn các nhân tố còn lại có ảnh hưởng nhưng không lớn; đặc biệt, ta thấy giá trị hệ số hồi qui b của nhân tố trách nhiệm của các cấp, các ngành là hầu như bằng 0. Điều này có nghĩa mức độ ảnh hưởng của nhân tố này đến tiến độ của dự án là hầu như không có, hay nói cách khác là vai trò của các cấp, các ngành đến tiến độ dự án là không có còn đối với 2 nhân tố còn lại là Công tác phân cấp quản lý và công tác thanh quyết toán thì có ảnh hưởng nhưng mức độ ảnh hưởng rất thấp.

Tuy nhiên, để có thể biết được nhân tố nào thực sự tồn tại và có ảnh hưởng thực sự đến tiến độ thực hiện dự án thì ta có thể sử dụng tiêu chuẩn t (đã trình bày trên) để kiểm tra sự tồn tại thực sự của hệ số hồi qui b này. Với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 16.0 đã cho kết quả như bảng trên.

Qua bảng trên ta thấy các nhân tố (hệ số tự do) gồm: Năng lực nhà thầu, Vốn bố trí theo kế hoạch, Năng lực của đơn vị tư vấn, Công tác đền bù giải phóng mặt bằng, và Năng lực của ban quản lý và chủ đầu tư dự án đều có các mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05. Điều này cho thấy các nhân tố này thực sự tồn tại và mối quan hệ của nó với tiến độ thực hiện dự án là tồn tại với độ tin cậy rất cao. Do đó, ta có thể căn cứ vào mức độ của các nhân tố này để có thể đánh giá, dự báo được khả năng hoàn thành đúng tiến độ trong khi thực hiện dự án.

Tuy nhiên, 3 nhân tố còn lại là Công tác phân cấp quản lý, công tác thanh quyết toán và trách nhiệm của các cấp các ngành thì cho giá trị mức ý nghĩa của giá trị t đều lớn hơn 0,05. Điều này chứng tỏ mối quan hệ của các

nhân tố này đối với nhân tố tiến độ thực hiện dự án là không tồn tại hay mối quan hệ này là chưa chặt chẽ nên ta không nên dựa vào các nhân tố này để dự báo, đánh giá khả năng thành công về tiến độ thực hiện dự án.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Kết quả phân tích, đánh giá thực trạng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô đã cho thấy nguyên nhân làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô bao gồm:

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng;
- Năng lực của các nhà thầu xây dựng;
- Công tác lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư;
- Năng lực của Ban quản lý dự án và chủ đầu tư;
- Năng lực của các đơn vị tư vấn đầu tư.

Ngoài ra, nhân tố thời tiết cũng ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, nhưng đây là nhân tố khách quan tác động trong quá trình thi công xây dựng dự án.

Những kết quả trên đây là cơ sở để tìm ra giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN ở Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHU KINH TẾ CHÂN MÂY-LĂNG CÔ

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CHÂN MÂY – LĂNG CÔ

3.1.1. Định hướng phát triển các KKT ven biển của Việt Nam

Đề án “Quy hoạch phát triển các Khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ^[49] thì định hướng phát triển các KKT ven biển của Việt Nam được xác định như sau:

3.1.1.1. Định hướng phát triển các T ven biển

- Phát triển khu kinh tế phải gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và của vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cao nhất và bảo đảm phát triển bền vững; phát triển khu kinh tế phải hướng tới hiện đại; đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả cả quỹ đất, mặt nước và không gian của khu kinh tế, phải hướng tới hình thành khu chức năng nòng cốt, chủ đạo và gắn kết chặt chẽ với phát triển vùng.^[49]

Phát triển các khu kinh tế phải theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện cụ thể và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Phát triển các khu kinh tế phải chú ý tới yêu cầu bảo vệ môi trường và yêu cầu an ninh, quốc phòng.^[49]

3.1.1.2. Các mục tiêu phát triển KKT ven biển Việt Nam

- Trong kế hoạch 5 năm 2011-2015 sẽ thành lập khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau đồng thời quy hoạch mở rộng khu kinh tế Dung Quất; xem xét

bổ sung vào quy hoạch phát triển khu kinh tế từ 2-3 khu kinh tế mới, nâng tổng số các khu kinh tế được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập lên khoảng 18 khu kinh tế với tổng diện tích cả mặt đất và mặt nước khoảng 740-760 nghìn ha.^[49]

- Đến năm 2015, các khu kinh tế thu hút được khoảng 1.000-1.100 dự án, trong đó có 450-500 dự án đầu tư nước ngoài và 550-600 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng 45-47 tỷ USD và 240-260 nghìn tỷ đồng.

Các khu kinh tế ven biển đóng góp vào tổng GDP của cả nước khoảng 5% và tạo ra việc làm phi nông nghiệp cho khoảng 300 – 500 nghìn người.^[49]

- Đến năm 2020, các KKT thu hút được khoảng 1.500-2.000 dự án, trong đó khoảng 60% là dự án đầu tư nước ngoài và 40% là dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 70-80 tỷ USD và 320- 350 nghìn tỷ đồng.^[49]

Các khu kinh tế ven biển đóng góp vào tổng GDP của cả nước khoảng 15 – 20% và tạo ra việc làm phi nông nghiệp cho khoảng 1,3 – 1,5 triệu người.^[49]

3.1.1.3. Một số giải pháp để phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam

- Xây dựng các tuyến giao thông ven biển nối liền các khu kinh tế làm cơ sở để tạo mối liên kết, tương hỗ lẫn nhau giữa các khu kinh tế ven biển, làm tiền đề hình thành trục động lực phát triển ven biển, trong đó có sự phân công chặt chẽ trong phát triển ngành, lĩnh vực giữa các khu kinh tế.^[49]

- Nghiên cứu hình thành, phát triển các mô hình khu kinh tế mới gắn với cơ chế chính sách đặc thù theo hướng mở (ví dụ như: thành phố công nghiệp) để tạo bước đột phá phát triển cho các khu kinh tế ven biển; trước mắt, lựa chọn 01- 02 khu kinh tế ven biển có đủ điều kiện và vị trí địa lý hợp lý, có khả năng tạo sức phát triển lan toả mạnh để thí điểm.^[49]

- Tập trung phát triển các dự án động lực hiện đã thu hút được và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong các khu kinh tế để làm tiền đề cho việc

hình thành khu vực phát triển công nghiệp chiến lược trong các khu kinh tế và thu hút các nhà đầu tư khác.^[49]

- Huy động tổng hợp các nguồn vốn (ODA, FDI, Ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ) để tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu, quan trọng trong các khu kinh tế để tạo điều kiện đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các khu kinh tế.^[49]

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia cho các khu kinh tế ven biển Việt Nam tại nước ngoài vào thời điểm thích hợp, trước mắt có thể xây dựng trang Web chung cho các khu kinh tế để quảng bá thương hiệu khu kinh tế ven biển Việt Nam.^[49]

3.1.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô của tỉnh Thừa Thiên Huế

Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô đã được xác định là một trong những chương trình trọng điểm trong phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế, được đưa vào nội dung cụ thể chương trình phát triển đến năm 2015^[29], với những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh như sau:

Về kinh tế:

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân:

13%/năm^[29] Trong đó:

+ Các ngành dịch vụ tăng 12-13%;

+ Công nghiệp, xây dựng tăng

16-17%; Đến năm 2015:

- Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 2.300 USD;^[29]

- Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ 47-48%, Công nghiệp và xây dựng 43-44%;^[29]

- Giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 650-700 triệu USD;^[29]
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 90-100 nghìn tỷ đồng;^[29]

- Thu ngân sách nhà nước đạt 6.000-6500;^[29]

Về xã hội: Giải quyết việc làm mới 14.000-16.000 lao động/năm^[29].

3.1.3. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô đã được xác định theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2025 như sau ^[50]:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải được thiết kế và xây dựng hiện đại đáp ứng những mục tiêu và quan điểm phát triển của Khu kinh tế, đáp ứng nhu cầu sử dụng; bảo đảm mỹ quan, an toàn và vệ sinh môi trường, cụ thể:

3.1.3.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại ^[50]

+ Xác định tuyến đường sắt và đường bộ cao tốc Bắc Nam đi qua Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

+ Điều chỉnh hướng tuyến quốc lộ 1A đoạn qua khu du lịch Lăng Cô.

+ Xác định nút giao thông gắn kết hệ thống giao thông quốc gia với hệ thống giao thông Khu kinh tế.

+ Xác định tuyến đường sắt nối đường sắt quốc gia với cảng Chân Mây, xây dựng nhà ga mới cho Khu kinh tế.

+ Đầu tư nâng cao năng lực cảng nước sâu Chân Mây phù hợp với quy hoạch cụm cảng biển Trung Trung bộ và nhu cầu phát triển của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô.

b. Giao thông đối nội ^[50]

+ Khu vực đô thị: thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn đô thị loại I.

+ Mạng đường chính toàn Khu kinh tế đảm bảo tốt mối liên hệ giữa các khu chức năng chính của Khu kinh tế.

3.1.3.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để san lấp nền với mức ít nhất;

cao độ nền xây dựng phù hợp với cao độ khống chế toàn khu vực, bảo đảm thuận lợi cho phát triển giao thông.^[50]

- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phòng, chống thiên tai, bão biển, xác định khoảng cách an toàn đối với các công trình dọc bờ biển.^[50]

- Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn, bảo đảm thoát nước mưa tự chảy, tuân thủ theo địa hình thoát nước lưu vực.^[50]

- Nạo vét và kè các khu vực sông suối, hồ chính trong khu vực dự kiến phát triển để không bị sạt lở, làm mất an toàn và cảnh quan.^[50]

3.1.3.3. Cấp nước

Bảo đảm nguồn nước cung cấp nước sạch cho Khu kinh tế ngoài hồ Thủy Yên, Thủy Cam; giai đoạn sau bổ sung thêm nguồn nước từ hồ Truồi, đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn nước tại khu vực các hồ này.^[50]

3.1.3.4. Cấp điện

- Xác định nguồn và giải pháp cung cấp điện cho Khu kinh tế phù hợp với các giai đoạn phát triển của quy hoạch ngành điện.^[50]

- Xác định công suất, nhu cầu phụ tải, vị trí, quy mô trạm biến áp, các hành lang tải điện và mạng lưới phân phối chính cùng các thông số kỹ thuật chủ yếu.^[50]

- Nghiên cứu đề xuất mạng điện trong Khu kinh tế theo phương án đi ngầm trong các khu đô thị, đảm bảo an toàn sử dụng và yêu cầu mỹ quan.^[50]

3.1.3.5. Thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị

- Nghiên cứu giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường đô thị bảo đảm hạn chế đến mức tối thiểu việc gây ô nhiễm môi trường nước, đất và môi trường không khí.^[50]

- Xác định vị trí và quy mô các trạm xử lý nước thải, công trình xử lý chất thải rắn; giải pháp và mạng lưới thoát nước chính, hồ điều hoà và các giải pháp bảo vệ môi trường; xác định vị trí, quy mô các khu nghĩa trang.^[50]

3.1.3.6. Hệ thống hạ tầng viễn thông

Bảo đảm đồng bộ, hiện đại và đáp ứng với tiêu chuẩn quốc tế.^[50]

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TẠI KHU KINH TẾ CHÂN MÂY – LĂNG CÔ

Để thực hiện theo đúng chủ trương, định hướng và kế hoạch phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, phát triển Khu kinh tế thành hạt nhân chủ lực là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, ngoài các vấn đề quan trọng như xúc tiến thu hút đầu tư, tăng cường công tác quản lý quy hoạch, bảo vệ môi trường, các chính sách ưu đãi đầu tư, thì vấn đề sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu có hiệu quả cao vẫn được quan tâm và ưu tiên. Trong đó giải quyết vấn đề bức xúc hiện nay trong công tác quản lý đầu tư xây dựng là tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng. Để đáp ứng các yêu cầu trên, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tại Khu kinh tế như sau:

3.2.1. Đổi mới công tác kế hoạch hoá đầu tư

Kế hoạch hoá đầu tư là khâu tiền đề rất quan trọng trong quá trình đầu tư, là cơ sở để tiến hành đầu tư. Kế hoạch hoá đầu tư lập trên cơ sở chương trình và dự án được duyệt phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đồng thời phản ánh tất cả các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn. Kế hoạch đầu tư bao gồm: kế hoạch quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch chuẩn bị đầu tư, kế hoạch chuẩn bị thực hiện dự án; kế hoạch thực hiện dự án.

Để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư cần khẩn trương đổi mới công tác kế hoạch hoá đầu tư theo hướng lập kế hoạch đầu tư dài hạn (5 năm hoặc ít nhất

3 năm) nhằm xác định cho được chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đầu tư hàng năm. Tiến hành điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Rà soát lại mục tiêu đầu tư, nguồn vốn và cơ cấu vốn của từng dự án bảo đảm tính hợp lý, hiệu quả. Lựa chọn dự án đầu tư hiệu quả đi đôi với tập trung vốn cho những công trình then chốt thuộc hạ tầng kinh tế xã hội, những dự án có tính khả thi cao về vốn, có lợi thế về tài nguyên và đạt hiệu quả cao. Kiên quyết đình hoãn hoặc dẫn tiến độ các công trình quy mô lớn thiếu tính khả thi về vốn và hiệu quả kinh tế xã hội thấp. Rà soát và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các công trình và dự án nhằm tập trung vốn đầu tư cho những công trình quan trọng hiệu quả và cần thiết trước.

3.2.1.1. Về bố trí kế hoạch vốn đầu tư

- Soát xét lại các công trình và nguồn vốn để cân đối đầu tư tập trung, dứt điểm. Xem xét một số công trình đã bố trí chuẩn bị đầu tư có thể ngừng triển khai nếu thấy chưa cấp bách để tập trung cho các dự án trọng điểm. Các dự án không trong quy hoạch, không rõ mục tiêu, không giải phóng được mặt bằng thì chưa đầu tư xây dựng.

- Đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ phê duyệt những dự án hiệu quả khả thi và đảm bảo nguồn vốn, chỉ ghi kế hoạch thực hiện dự án đối với các dự án đã hoàn thành kế hoạch chuẩn bị đầu tư. Phấn đấu các dự án đưa vào kế hoạch cần tập trung vốn dứt điểm, đúng tiến độ, tránh dàn trải, kéo dài để sớm đưa công trình vào sử dụng phát huy hiệu quả.

- Trong công tác kế hoạch hoá đầu tư cần chú ý kết hợp giữa đầu tư mới với đầu tư chiều sâu để nâng cao hiệu quả kinh tế. Cần khắc phục ngay tình trạng dự án đã được bố trí kế hoạch vẫn chưa đủ thủ tục.

- Thực hiện 3 năm, 5 năm tổng kết đánh giá việc huy động, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và những vấn đề rút ra cho công tác kế hoạch hoá ở giai đoạn tiếp theo.

3.2.1.2. Về lập và quản lý quy hoạch

- Rà soát, lập mới, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, nhất là quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu vực có khả năng thu hút đầu tư cho phù hợp với tình hình mới và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế

- xã hội đã được duyệt.

- Tổ chức tốt việc quản lý đầu tư theo quy hoạch, nhất là quy hoạch phát triển hạ tầng.

- Phân công, phân cấp cụ thể trong việc lập, quản lý các quy hoạch.

3.2.1.3. Về chủ trương đầu tư

- Đối với chủ trương cho lập dự án mới: Ngoài các dự án đã được thông báo chuẩn bị đầu tư trong năm kế hoạch, các chủ đầu tư chỉ được trình xin chủ trương lập đối với các dự án thực sự cấp bách, xem xét kỹ các chủ trương cho phép lập dự án để tập trung vốn đầu tư giải quyết tồn tại nợ đọng và thực hiện các dự án cấp bách đã được phê duyệt.

- Đối với chủ trương cho phép lập lại, điều chỉnh bổ sung: Chủ đầu tư phải giải trình nguyên nhân điều chỉnh, bổ sung, phê duyệt lại dự án và phải nộp báo cáo giám sát đánh giá đầu tư cùng với hồ sơ dự án (nếu chưa lập báo cáo đánh giá giám sát đầu tư theo quy định). Nếu việc điều chỉnh, bổ sung do sai sót của các cơ quan quản lý, thủ trưởng cơ quan và các cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

- Không cho phép thay đổi quy mô của các dự án khi chưa đi vào giai đoạn thực hiện đầu tư.

3.2.2. Nâng cao chất lượng lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư Lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư là công việc hết sức quan

trọng, là khâu quyết định cho sự thành bại của quá trình đầu tư một dự án. Từ những đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển có thể phải chịu nhiều rủi ro

và mang tính mạo hiểm cao nên trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư việc nghiên cứu khảo sát tính toán và dự đoán đòi hỏi thật kỹ lưỡng, chính xác, trên tất cả

các phương diện nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả vốn đầu tư. Đây là vấn đề quan trọng nhất.

3.2.2.1. Về việc lập dự án

Thông thường những dự án lớn (nhóm A và 1 phần nhóm B) phải lập dự án tiền khả thi rồi đến dự án khả thi. Những dự án còn lại chỉ lập dự án khả thi. Ở Khu kinh tế, lâu nay và sắp tới chủ yếu là dự án đầu tư nhóm B và C nên tôi chỉ đi sâu vào những biện pháp nâng cao chất lượng lập dự án khả thi.

- Về việc lập nhóm soạn thảo hoặc thuê tư vấn lập dự án. Để phù hợp với quá trình khai thác sử dụng, chống lãng phí hình thức và buộc chủ đầu tư gắn trách nhiệm từ đầu với dự án, kiến nghị cấp có thẩm quyền cần lựa chọn người chủ trì lập dự án và quy định người đó sau này sẽ làm Giám đốc Ban quản lý dự án. Trên cơ sở đó người chủ trì có thể lập nhóm soạn thảo hoặc đi thuê tư vấn. Cơ quan tư vấn là tổ chức làm thuê cho chủ đầu tư, do vậy không nên khoán trắng cho họ mà người chủ trì phải chủ động yêu cầu và phối hợp cung cấp thông tin, nhất là quá trình điều tra cơ bản, phải đảm bảo trung thực, khách quan để việc tính toán lựa chọn địa điểm, quy mô, công nghệ, thiết bị, nhu cầu vốn, hiệu quả của dự án được chính xác. Tránh tình trạng chế biến, bóp méo số liệu phục vụ đơn thuần cho việc lập và thông qua dự án một cách hình thức, chiếu lệ. Như vậy dự án đầu tư là sản phẩm của chính người chủ trì. Có như vậy mới tạo ra điều kiện thuận lợi cho việc thẩm định phê duyệt dự án, thực hiện dự án và vận hành sử dụng dự án. Điều này phù hợp với chế độ quy định là chủ đầu tư phải là người trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án khả thi. Khắc phục tình trạng cấp trên thuê tư vấn lập dự án sau đó giao cho một cơ quan hay một người khác thực hiện.

- Về nội dung và phương pháp xác định 1 số chỉ tiêu chủ yếu trong việc lập dự án cần tính toán một cách cụ thể, đầy đủ và kỹ lưỡng hơn. Phần đầu hạn chế đến mức thấp nhất việc phát sinh, bổ sung điều chỉnh dự án.

3.2.2.2. Về công tác thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán và phê duyệt dự án đầu tư

Thẩm định dự án có vai trò rất quan trọng trong việc giúp cho chủ đầu tư, tổ chức tài trợ vốn đánh giá một cách khách quan tính hợp lý, tính hiệu quả, tính khả thi của dự án giúp cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư được đúng đắn. Thẩm định dự án là một chức năng chủ yếu trong quản lý Nhà nước về đầu tư, thẩm định dự án phải được xem xét toàn diện về quy hoạch xây dựng, các phương án kiến trúc công nghệ, sử dụng đất đai, tài nguyên hiệu quả kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái phương diện tài chính và các khía cạnh xã hội khác đảm bảo dự án có tính khả thi giúp cho người có thẩm quyền ra quyết định đầu tư. Sau 1 thời gian triển khai cho thấy chất lượng thẩm định dự án còn nhiều hạn chế. Một phần do chất lượng lập dự án thấp, phần do năng lực, trình độ, kinh nghiệm, phương pháp tổ chức thực hiện của cán bộ thực thi còn bất cập. Nên đặt ra yêu cầu phải nâng cao chất lượng thẩm định dự án. Ngoài những nội dung kiểm tra, cần đánh giá một cách khách quan, toàn diện từng chỉ tiêu của dự án. Cơ quan thẩm định quan tâm hơn nữa đến một số chỉ tiêu sau:

- Về tài chính: cần kiểm tra kỹ tổng số vốn, cơ cấu vốn bảo đảm thực hiện dự án. Đây là yếu tố quan trọng quyết định tính khả thi của dự án.

- Về công nghệ, tác động môi trường và kế hoạch tiến độ thực hiện dự án đều là những vấn đề quan trọng mà chủ dự án khi lập chưa lường trước được.

- Về phương pháp và thời gian thẩm định. Tùy theo loại dự án mà cơ quan chủ trì thẩm tra phân công cán bộ có hiểu biết trong lĩnh vực đó đảm nhiệm. Và các cán bộ đó phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Nhà nước. Đối với 1 số dự án lớn, phức tạp nên tổ chức hội thảo khoa học. Trường hợp cần tham khảo ý kiến 1 số ngành, cơ quan chủ trì phải gửi yêu cầu và thời gian hoàn thành. Nếu có ý kiến quan điểm khác nhau ở những vấn đề lớn cơ quan

chủ trì cần mời đại diện các ngành bàn bạc thống nhất. Trường hợp chưa thống nhất phải báo cáo đầy đủ cho người có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định. Cần khắc phục tư tưởng nể nang, dễ dãi, giản đơn trong việc thẩm định dự án. Về thời gian, yêu cầu phải tiến hành khẩn trương tránh những thủ tục rườm rà, phiền hà, thực hiện đúng hoặc sớm hơn mốc thời gian quy định. Mặt khác thông qua việc thẩm định dự án, với chức năng của mình, cơ quan thẩm định hàng năm nên thống nhất hướng dẫn các chủ dự án về nội dung phương pháp kinh nghiệm, thời gian lập dự án, định hướng đầu tư để các chủ dự án có nhu cầu đầu tư chủ động lập dự án tìm nguồn vốn, khắc phục tình trạng thiếu dự án, dự án lập và thẩm định vội vàng chất lượng thấp.

- Chủ đầu tư phải nâng cao trách nhiệm trong việc lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án, thiết kế kỹ thuật, thực hiện chọn thầu theo đúng quy định. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc đơn vị tư vấn, tôn trọng và không can thiệp trái với chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị tư vấn, tuyệt đối nghiêm cấm việc bắt ép các đơn vị tư vấn làm theo ý chủ quan không có cơ sở khoa học.

- Các đơn vị tư vấn phải nâng cao trách nhiệm hơn nữa chất lượng của công tác tư vấn. Phải thực hiện các công việc tư vấn một cách đúng đắn, khoa học. Các đơn vị tư vấn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các sản phẩm tư vấn của mình, về sự chính xác của tài liệu khảo sát và các số liệu tính toán. Những ép buộc của chủ đầu tư trái với nghiệp vụ chuyên môn, đơn vị tư vấn phải thuyết phục trên cơ sở các luận cứ khoa học và các quy định của Nhà nước quản lý đầu tư và xây dựng.

- Các cơ quan chịu trách nhiệm thẩm định các sản phẩm tư vấn:

+ Phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, đúng đắn của báo cáo thẩm định và chất lượng của sản phẩm tư vấn trình duyệt.

+ Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư: Phạt đơn vị tư vấn về những tính toán thiếu chính xác. Chấm dứt hợp đồng và phạt đơn vị tư vấn có

sản phẩm tư vấn có chất lượng thấp không cho thực hiện công tác tư vấn đó ở các dự án do địa phương quản lý trong vòng 1÷3 năm, gửi thông báo tới các cơ quan quản lý đầu tư xây dựng và các huyện, thị.

3.2.3. Đổi mới công tác cán bộ quản lý dự án

Trong quản lý đầu tư và xây dựng, vốn đầu tư được Nhà nước giao cho chủ đầu tư quản lý. Vì vậy, vai trò chủ dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của một dự án đầu tư. Do đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển là lượng vốn lớn, thời gian đầu tư dài, có thể chịu nhiều rủi ro nên việc đầu tư hết sức quan trọng là phải lựa chọn được người làm chủ dự án có đủ năng lực, tố chất cần thiết, muốn làm và dám chịu trách nhiệm trước cấp trên và tập thể lao động, để tiến hành từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng, từ lúc lập dự án đến khi thu hồi hết vốn. Đây là một vấn đề mới trong công tác cán bộ và là khâu có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đề cao trách nhiệm cá nhân chủ dự án và là điều kiện để hạn chế những chủ dự án có tính cơ hội, thiếu hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Thực tế cho thấy có những Giám đốc khi không hoàn thành nhiệm vụ lại đổ lỗi cho tổ chức phân công, còn bản thân đến lúc đó mới nói mình không muốn hoặc không đủ khả năng trình độ. Dẫn đến hậu quả cuối cùng là Nhà nước gánh chịu. Vì vậy kiến nghị cấp có thẩm quyền cần đổi mới công tác cán bộ đối với chức danh chủ dự án, theo hướng chủ động và nhất quán lựa chọn cán bộ đủ tiêu chuẩn. Đề nghị cấp có thẩm quyền trong quá trình chỉ đạo lập, thẩm định phê duyệt dự án cần chọn được cán bộ quản lý dự án đảm bảo yêu cầu mới quyết định đầu tư. Chủ dự án ngoài tiêu chuẩn về năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm quản lý kinh tế, kiến thức và tố chất kinh doanh nên chọn người trẻ tuổi hoặc có thời gian công tác còn lại dài hơn vòng đời dự án. Có vậy mới tạo điều kiện cho dự án đạt hiệu quả kinh tế.

3.2.4. Thực hiện nghiêm túc Luật đấu thầu

Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu đáp ứng được các yêu cầu của bên mời thầu trên cơ sở cạnh tranh giữa các nhà thầu. Đấu thầu là một phương pháp quản lý dự án có hiệu quả nhất, tiên tiến nhất. Đây là nguyên tắc quản lý đầu tư và xây dựng nhằm chống độc quyền, tăng cường cạnh tranh. Từ thực tế áp dụng thời gian qua, cần tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm mặt được và chưa được, đồng thời tập trung chỉ đạo để đạt hiệu quả cao hơn. Gắn chủ trương điều chỉnh lại kế hoạch đầu tư theo hướng tập trung dứt điểm sẽ là một điều kiện thuận lợi cho công tác đấu thầu. Đề nghị:

- Tiến hành tổ chức đấu thầu rộng rãi tất cả các gói thầu, chỉ những gói thầu thực sự có tính chất cấp bách, chủ đầu tư báo cáo cấp quyết định đầu tư cho phép đấu thầu hạn chế.

- Các gói thầu xin chỉ định thầu, chủ đầu tư phải trình hồ sơ năng lực của ít nhất 3 nhà thầu để xem xét.

- Đối với các quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp:

- + Cần sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp theo hướng Chủ đầu tư xem xét mức độ đáp ứng về kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu so với yêu cầu công việc cần thực hiện.

- + Việc đề ra các tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật cần được đánh giá về sự phù hợp giữa các giải pháp kỹ thuật thi công, biện pháp tổ chức tổng mặt bằng thi công xây dựng với tiến độ thi công và giá thầu được đề xuất.

- + Nhà nước cần có văn bản hướng dẫn cụ thể để xây dựng các tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá cụ thể hồ sơ dự thầu, tránh việc đánh giá mang nặng tính chủ quan của bên mời thầu.

- Đối với các quy định về phương pháp xét thầu xây lắp: Xem xét đánh giá đồng thời các đề xuất về mặt kỹ thuật của gói thầu với việc đánh giá các đề xuất khác về tiến độ thực hiện, mức độ đảm bảo về chất lượng, giá dự

thầu...khi xét thầu cho phép giảm bớt các bước trong quy trình xét thầu, qua đó rút ngắn thời gian tổ chức đấu thầu và tiến độ thực hiện dự án.

- Phải có một cơ chế quản lý, giám sát, xử phạt nghiêm minh các hành vi tiêu cực trong các hoạt động đấu thầu.

- Có thể quy định cho phép nộp hồ sơ dự thầu thay thế để có thể có được phương án tiết kiệm được thời gian và chi phí.

- Do chưa tính các yếu tố rủi ro, lãi suất, khả năng cạnh tranh xảy ra có thể xảy ra nên hồ sơ dự thầu vượt quá mức dự toán vẫn có thể được tiếp tục xem xét.

- Do tình hình giá cả thị trường luôn biến động, thời gian thi công công trình xây dựng thường kéo dài nên luật cần có quy định chặt chẽ hơn về việc xác định giá, xác định phương án kỹ thuật, ...để tránh rủi ro cho nhà thầu và đảm bảo tính minh bạch trong thanh quyết toán vốn xây dựng công trình.

- Khi tuyển chọn tư vấn thực hiện công tác đấu thầu phải nên qua đấu thầu cạnh tranh để lựa chọn được đơn vị tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm và đạo đức.

Để nâng cao chất lượng đấu thầu hay chỉ định thầu, yếu tố hết sức quan trọng là nâng cao chất lượng khảo sát thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công và chất lượng lập tổng dự toán, dự toán chi tiết. Trong đó hết sức chú trọng việc lựa chọn áp dụng biện pháp thi công (nhất là đối với các công trình giao thông). Có vậy công tác đấu thầu, chỉ định thầu mới có ý nghĩa thiết thực.

3.2.5. đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư

Giải ngân vốn đầu tư có vị trí rất quan trọng trong hoạt động đầu tư. Nó không chỉ có ý nghĩa trong việc giải ngân vấn đề tài chính cho các nhà thầu, trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công, bàn giao, sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng mà nó còn tác động trực tiếp đến các quan hệ kinh tế ở tầm vĩ mô.

Như phần đánh giá thực trạng tình hình, việc giải ngân vốn đầu tư không

riêng ở Khu kinh tế mà phạm vi trên toàn quốc đều chậm. Không riêng vốn ngân sách Nhà nước mà cả vốn khác, mặc dù Nhà nước trong các năm đã tập trung tháo gỡ song kết quả vẫn chưa như mong muốn. Để từng bước khắc phục căn bệnh kinh niên này tôi xin nêu một số giải pháp. Trước hết, khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục đầu tư và xây dựng, thông thường 6 tháng đầu năm hầu hết các chủ dự án tập trung vào việc thuê tư vấn thiết kế - lập tổng dự toán; tổ chức đấu thầu. Riêng việc đấu thầu công trình nhóm C có chủ dự án triển khai mất 3 tháng làm cho thời gian khởi công chậm lại. Để khắc phục vấn đề này điều quan trọng là đảm bảo điều kiện ghi kế hoạch đúng quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời đề nghị cấp có thẩm quyền khi giao kế hoạch đầu tư hàng năm nên ghi rõ công trình nào thuộc diện phải đấu thầu, công trình nào thuộc diện cho khoán gọn sẽ khắc phục được cơ bản tình trạng trên. Hai là, cơ quan cấp phát phải đảm bảo đúng tiến độ thời gian, khối lượng hoàn thành phù hợp với thiết kế dự toán được duyệt và phải kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn đã thanh toán. Thực hiện đơn giản một số giấy tờ thuộc trách nhiệm của các cơ quan khác như giấy cấp đất, giấy phép hành nghề, giấy phép xây dựng. Trường hợp trong quá trình thanh toán vốn có những sai sót thì tách phần đó riêng, cho thanh toán ngay phần đủ điều kiện. Khắc phục nghịch lý Nhà nước có vốn, nhà thầu cần vốn mà ách tắc chậm chễ. Trường hợp do nguyên nhân khách quan dẫn đến tình trạng khối lượng hoàn thành có mà thiếu thủ tục thì cơ quan tài chính phải báo cáo cấp có thẩm quyền vận dụng tháo gỡ như cho phép tạm cấp một tỷ lệ nhất định trong khi chờ đợi hoàn chỉnh thủ tục. Mặt khác phải chú ý nâng cao kiến thức kỹ thuật – kinh tế xây dựng cơ bản cho cán bộ chuyên quản để có điều kiện đáp ứng về chất lượng quản lý và thời gian giải quyết công việc. Trường hợp chủ đầu tư không làm hoặc chần chừ làm quá chậm thủ tục nghiệm thu thanh toán cho nhà thầu khi nhà thầu đủ điều kiện thì phải quy trách nhiệm vật chất cho chủ đầu tư.

3.2.6. Chấn chỉnh và đổi mới công tác đền bù giải phóng mặt bằng

Trước hết về việc giải phóng mặt bằng đây là việc tiền đề cho việc thực hiện dự án. Để giải quyết được vấn đề này, trên cơ sở chế độ chính sách Nhà nước Ban quản lý dự án cần khẩn trương xây dựng phương án đền bù và thông qua cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau đó chuẩn bị đủ kinh phí, quỹ đất đai (trường hợp phải cấp lại), đến thời điểm triển khai cần chỉ đạo khẩn trương đồng loạt, dứt điểm. Không để cho người dân chân chừ, tính toán lâu trên mảnh đất của họ.

Trong quá trình tiến hành cần kết hợp chặt chẽ với chính quyền cơ sở, các đoàn thể quần chúng, chú trọng phương pháp thuyết phục, giải thích để dân tự nguyện chấp nhận. Nếu các chế độ đền bù tương đối thoả đáng mà một số ít hộ không chịu di chuyển thì phải cương quyết cưỡng chế. Không nên để tình trạng một vài hộ chây ì, ngang nhiên thách thức chính quyền, làm cản trở việc chung.

3.2.7. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

Tăng cường công tác quản lý chất lượng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Các cơ quan quản lý đầu tư và xây dựng, các chủ đầu tư, các nhà thầu phải chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi thường xuyên chất lượng của sản phẩm từ tư vấn đến thi công xây lắp và cung cấp thiết bị. Công trình có chất lượng kém, trách nhiệm trước tiên thuộc về chủ đầu tư.

Sở Xây dựng tăng cường công tác thanh tra chất lượng các công trình xây dựng; phát hiện, báo cáo UBND tỉnh những sai phạm về chất lượng, để xử lý kịp thời.

3.2.8. Phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng

Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định của UBND tỉnh, giành quyền tự quyết định và tự chịu trách nhiệm cho

các cấp ở cơ sở và các chủ đầu tư.

Cấp được uỷ quyền phải thực hiện chế độ báo cáo về công tác quản lý đầu tư và xây dựng lên cơ quan cấp trên.

UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan quản lý đầu tư và xây dựng ở tỉnh phải thực hiện chế độ hậu kiểm, tăng cường công tác thanh tra, giám sát đầu tư, giám sát chất lượng xây dựng các công trình, dự án đã được phân cấp.

3.2.9. Công tác giám sát đánh giá đầu tư

Nâng cao chất lượng công tác giám sát đánh giá đầu tư, rà soát và chấn chỉnh các khâu trong hoạt động đầu tư và xây dựng:

- Coi trọng chất lượng giám sát và giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Rà soát lại các qui hoạch, thực hiện giám sát từng khâu bố trí đầu tư đảm bảo tuân thủ theo qui hoạch, đánh giá tổng thể đầu tư, bố trí kế hoạch tập trung và rà soát lại từng dự án để đảm bảo hiệu quả, thực hiện giám sát thường xuyên trong tất cả các khâu của quá trình đầu tư (chuẩn bị đầu tư, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, đấu thầu, quản lý vốn, ký hợp đồng, thanh quyết toán,...) tìm các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kế hoạch 5 năm, kịp thời rút kinh nghiệm và chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư.

Đối với các dự án đầu tư trong quá trình thực hiện giám sát đầu tư, ở dự án đầu tư nào phát hiện thấy những yếu tố thay đổi so với dự án ban đầu hoặc những vấn đề mới phát sinh, phải báo cáo kịp thời và nhất thiết đánh giá lại tính khả thi và hiệu quả của dự án trước khi quyết định điều chỉnh hoặc tiếp tục thực hiện.

Những dự án không báo cáo giám sát đánh giá đầu tư không bố trí kế hoạch đầu tư và không được điều chỉnh dự án, đề nghị Kho bạc Nhà nước không cấp vốn thanh toán.

Tăng cường công tác giám sát cộng đồng: Tất cả các dự án, chương trình đầu tư (trừ công trình bí mật quốc gia) đều phải được thực hiện giám sát cộng đồng trong toàn bộ quá trình đầu tư. Các phương án qui hoạch đã được phê duyệt, các chương trình dự án phải được công bố công khai nội dung cơ bản trên các phương tiện thông tin đại chúng thích hợp (như: niêm yết, pa-nô, phát thanh, truyền hình ...) để dân biết dân bàn, dân giám sát.

3.2.10. Nâng cao trình độ cán bộ quản lý đầu tư xây dựng

Cán bộ trong lĩnh vực đầu tư xây dựng luôn là nhân tố quan trọng trong hoạt động đầu tư phát triển. Cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện nay đặt ra yêu cầu rất cao đối với cán bộ làm công tác quản lý đầu tư xây dựng. Do đối tượng quản lý rất rộng lớn, phức tạp và đa dạng, nên người cán bộ quản lý đầu tư xây dựng từ cán bộ làm công tác thẩm định, tổng hợp, ngoài kiến thức, kinh nghiệm về quản lý đầu tư xây dựng, rất cần kiến thức về kinh tế, kỹ thuật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, kiến thức tin học, ngoại ngữ, nhất là trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý và hội nhập quốc tế, nhiệm vụ nâng cao trình độ cán bộ đặt ra như một yêu cầu cấp bách. Có như vậy cán bộ quản lý đầu tư xây dựng mới giúp cho Nhà nước đầu tư đúng mục đích, đạt hiệu quả, mới phát hiện được những vấn đề làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Để nâng cao trình độ đòi hỏi cán bộ trong ngành phải tích cực học tập, nghiên cứu tranh thủ tiếp thu những thông tin mới, các kinh nghiệm quản lý vốn đầu tư của nước ngoài. Mặt khác, cơ quan cũng cần đầu tư thời gian, kinh phí mua sách báo, cử cán bộ đi dự các cuộc hội thảo, tổ chức tập huấn nghiệp vụ với các hình thức thích hợp gắn với chế độ kiểm tra, thi tay nghề, có chính sách khen thưởng thoả đáng đối với những người có thành tích. Đồng thời hết sức chú ý đến việc tu dưỡng đạo đức, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của người cán bộ quản lý đầu tư xây dựng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Tóm lại, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước hiện nay là một vấn đề bức xúc và liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành. Việc nghiên cứu, tìm ra các giải pháp hoàn thiện quản lý tiến độ các khâu của dự án, nhằm khắc phục những hạn chế trong hoạt động đầu tư và xây dựng do ảnh hưởng của tiến độ thực hiện có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn đối với Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trước mắt cần tập trung điều chỉnh cơ cấu đầu tư, đổi mới công tác kế hoạch hoá, hết sức quan tâm đến việc lập và thẩm định dự toán đầu tư, đổi mới công tác cán bộ quản lý dự án, thực hiện nghiêm túc Luật đấu thầu, đẩy nhanh tốc độ giải ngân, làm tốt công tác quyết toán, nâng cao trình độ cán bộ quản lý đầu tư. Trong các giải pháp trên thì giải pháp kế hoạch hóa vốn đầu tư, nâng cao chất lượng lập và thẩm định dự án đầu tư, chấn chỉnh và đổi mới công tác đền bù giải phóng mặt bằng, nâng cao năng lực, trình độ, trách nhiệm của Ban quản lý dự án, chủ đầu tư và năng lực nhà thầu thi công giữ vai trò quyết định.

Các biện pháp trên cần được thực hiện đồng bộ nhằm tạo hiệu ứng mạnh để nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Từ việc phân tích thực trạng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô trong những năm qua, luận văn rút ra một số kết luận sau:

1) Công tác quản lý đầu tư xây dựng đạt được những kết quả khả quan trong bước đầu hình thành và xây dựng phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô; nhiều dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế hoàn thành đưa vào hoạt động, khai thác đã phát huy hiệu quả. Các dự án, công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng vốn NSNN đã được triển khai theo quy hoạch, làm nền tảng cho phát triển nhiều mặt kinh tế - xã hội trên địa bàn Khu kinh tế, tạo môi trường đầu tư và phục vụ tốt cho các dự án trong và ngoài nước đầu tư vào Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô. Tuy vậy, vấn đề tiến độ thực hiện dự án sử dụng vốn NSNN chậm, khả năng giải ngân thấp so với yêu cầu, công tác thanh quyết toán kéo dài, công trình chậm được đưa vào sử dụng dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp, vốn NSNN sử dụng chậm phát huy. Với yêu cầu về quy mô đầu tư lớn hơn trong vài năm tới, nếu vẫn vận hành hệ thống như hiện nay thì chắc chắn không đạt yêu cầu về hiệu quả tổng hợp không chỉ kinh tế mà còn là môi trường và xã hội tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô.

2) Về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô trong giai đoạn 2009-2012 cho thấy: Vấn đề các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN chậm tiến độ ngoài xuất phát từ các nguyên nhân tầm vĩ mô như chính sách, chế độ của Nhà nước về xây dựng cơ bản ban hành chậm, thiếu, không đồng bộ làm hạn chế việc thực hiện ở từng cấp từng ngành, nguyên nhân khách quan về thời tiết, khí hậu; thì các nguyên

nhân chính ở nội tại, tầm vi mô ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng như:

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng không được thường xuyên chỉnh đốn và đổi mới;
- Tình trạng yếu kém của các nhà thầu xây dựng cũng là nguyên nhân ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của dự án đầu tư xây dựng;
- Công tác lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư còn bất cập, chưa được quan tâm, thiếu tập trung;
- Năng lực Ban quản lý dự án và chủ đầu tư chưa được phát huy, còn nhiều ỷ lại, thiếu sáng tạo;
- Năng lực của các nhà thầu tư vấn còn chưa đáp ứng được yêu cầu cả về lượng và chất, hệ quả của sự yếu kém này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện dự án cũng như chất lượng và hiệu quả của dự án.

Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân ít ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng như: ông tác phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng, Công tác lập và quản lý quy hoạch, Công tác thanh quyết toán và giá xây dựng, Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và Công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

3) Việc chậm tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô làm giảm hiệu quả đầu tư không những về mặt kinh tế mà còn tác động tiêu cực đến nhiều mặt văn hóa, xã hội khác trên địa bàn. Đây là một vấn đề bức xúc, trăn trở của các cấp lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô. Việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN, và các nguồn vốn khác tại Khu kinh tế là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối

với đầu tư phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô theo định hướng của Chính phủ và Nghị quyết của Tỉnh ủy đã đề ra.

4) Luận văn đã đề xuất 10 giải pháp phù hợp; trong đó chú trọng đến các giải pháp khắc phục những nguyên nhân chính nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô trong thời gian tới.

2. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở định hướng và quan điểm cơ bản về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô cùng với việc thực hiện các giải pháp trên để nâng cao hiệu quả đầu tư dụng vốn NSNN trong thời gian tới, một số kiến nghị đề xuất nhằm thực hiện các giải pháp trước mắt cần tập trung giải quyết như sau:

1- Đối với Chính phủ

- Trong việc phân cấp quản lý kế hoạch đầu tư cho các Khu kinh tế cần quy định các biện pháp hữu hiệu, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải như hiện nay theo hướng:

+Đối với danh mục các dự án đầu tư mới hàng năm sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: Các nguồn vốn đầu tư phải được Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính thẩm định nhu cầu vốn đầu tư được bố trí hàng năm cho từng dự án, tổng vốn bố trí cần thiết đến khi dự án kết thúc đưa vào hoạt động, khai thác. Đồng thời, nội dung này phải được đưa vào văn bản pháp lý ngang tầm Nghị định (bổ sung Nghị định số 112/2009/NĐ-CP) để đảm bảo thực hiện đồng bộ trên toàn quốc (hiện nay đang thực hiện theo quy định tại Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Riêng đối với các dự án chuyển tiếp sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: Xét theo khả năng đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư của các địa phương cho các dự án này, đề nghị bố trí đủ vốn để đầu tư hoàn

thành dứt điểm do một số tỉnh có thu ngân sách địa phương yếu, không đủ khả năng cân đối vốn đầu tư khi ngân sách Trung ương cắt vốn các dự án này.

+ Quy định số lượng dự án tối đa được bố trí vào kế hoạch đầu tư hàng năm của từng Khu kinh tế tương ứng với số vốn được bố trí.

- Có cơ chế phân bổ ngân sách ưu tiên cho các Khu kinh tế thật sự có tiềm năng là động lực và hạt nhân thúc đẩy kinh tế của vùng (so sánh qua các chỉ số đánh giá tiêu chí hỗ trợ vốn đầu tư theo Quyết định số 126/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ), tăng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo cân đối nguồn ngân sách tập trung cho Khu kinh tế để có thêm nguồn vốn cân đối cho một số công trình cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thu hút đầu tư và tăng năng lực phát triển sản xuất và khai thác tiềm năng, lợi thế của các Khu kinh tế.

2- Đối với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

- Chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở quản lý chuyên ngành đầu tư xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, tạo sự hỗ trợ và giám sát trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế.

- Ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm từ nguồn ngân sách tập trung cho các dự án đầu tư xây dựng tại Khu kinh tế nhằm đẩy nhanh tốc độ hoàn thiện các cơ sở hạ tầng thiết yếu, thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước để tạo Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô thật sự là vùng kinh tế động lực của tỉnh. Hỗ trợ kinh phí đào tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn Khu kinh tế đối với những hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp phục vụ các dự án đầu tư xây dựng.

- Ban hành và triển khai thực hiện nghiêm minh quy chế thưởng, phạt về chất lượng lập dự án của các đơn vị tư vấn đầu tư, tiến độ thực hiện và chất lượng công trình của các nhà thầu xây dựng; cấm thời gian dự thầu thi công

xây dựng các dự án, công trình sử dụng vốn NSNN trên địa bàn tỉnh đối với các nhà thầu không đủ năng lực thi công làm chậm tiến độ thực hiện các dự án; quy trách nhiệm cụ thể các cán bộ vi phạm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công trình xây dựng.

3- Đối với UBND huyện Phú Lộc

- Đổi mới bộ máy Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo hướng chuyên trách; tăng cường đội ngũ, nâng cao trình độ, tinh thần trách nhiệm các cán bộ trực tiếp làm công tác kiểm kê, đền bù giải phóng mặt bằng. Lựa chọn người cán bộ làm công tác đền bù giải phóng mặt bằng phải nhiệt huyết, công tâm trong công việc, vừa làm được công tác tuyên giáo, thuyết phục người dân đồng tình, ủng hộ.

- Chỉ đạo chặt chẽ chính quyền cấp xã, thị trấn và tăng cường công tác kiểm tra tình hình vi phạm về đất đai, xây dựng trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô; chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện về đất đai của người dân.

- Thường xuyên vận động, tuyên truyền người dân trong việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN trên địa bàn Khu kinh tế; cho người dân hiểu việc đầu tư phát triển Khu kinh tế cũng là sự nghiệp phát triển của địa phương, là tạo sự phồn vinh, thịnh vượng ngày mai, người dân cũng cùng có lợi.

4- Đối với Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô

- Rà soát dừng lại các dự án đầu tư xây dựng chưa thật sự cần thiết đầu tư, các dự án thấy đầu tư sẽ mang lại hiệu quả thấp (ví dụ đối với các khu vực chưa có nhà đầu tư); trong điều kiện vốn đầu tư từ NSNN bố trí hàng năm còn hạn chế, chỉ ưu tiên tập trung vốn cho các dự án cấp thiết nhất là các dự án giao thông là “xương sống” của Khu kinh tế như Đường nối Quốc lộ 1A ra cảng Chân Mây, Đường trục chính cảng Chân Mây...và

các dự án phục vụ tái định cư như Khu tái định cư Lập An, từ đó tạo sức lan tỏa thực hiện các dự án khác.

Đối với các dự án phục vụ cho các nhà đầu tư triển khai dự án du lịch, công nghiệp, có thể đàm phán “cùng đầu tư” để dành vốn ngân sách cho các dự án đầu tư khác.

- Trong công tác thẩm định các dự án đầu tư xây dựng: Tăng cường hơn nữa đội ngũ cán bộ làm công tác thẩm định dự án do hiện nay đội ngũ này còn quá mỏng, hạn chế nhiều trong công tác thẩm định.

- Trong quản lý công tác đấu thầu: Đây là công tác ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm. Các gói thầu xây dựng của các dự án khi mời thầu phải công khai trên các phương tiện thông tin, nhất là trên Trang điện tử Đấu thầu của Bộ Kế hoạch & Đầu tư. Áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu tốt, đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện dự án. Đồng thời, kiểm tra, giám sát việc chấm thầu tại các Ban quản lý dự án đảm bảo tính khách quan, nghiêm túc trong chấm thầu.

- Trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng: Bố trí đủ kinh phí đền bù cho các dự án khi đã có phương án tổng thể giải phóng mặt bằng được phê duyệt; phối kết hợp chặt chẽ với chính quyền các xã, thị trấn trên địa bàn Khu kinh tế và Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong quá trình triển khai công tác đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng. Nhanh chóng hoàn tất đầu tư xây dựng các khu tái định cư, khu nghĩa trang tạo sự an tâm cho người dân trong vùng bị ảnh hưởng.

- Trong công tác nâng cao năng lực quản lý của các Ban quản lý dự án thực hiện thay mặt làm chủ đầu tư: Thường xuyên chấn chỉnh tinh thần trách nhiệm trong công việc các cán bộ tại các Ban quản lý dự án; khích lệ, động viên và có chế độ đãi ngộ đối với những cán bộ có sáng kiến, giải pháp xử lý tình huống tốt trong thi công xây dựng. Mặt khác có cơ chế giám sát lẫn nhau

trong quá trình giám sát thi công công trình. Đề nghị các Ban quản lý dự án thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, đánh giá đầu tư để nắm bắt tiến độ thực hiện các dự án, cũng như kịp thời xử lý tháo gỡ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo dự án thực hiện đúng theo kế hoạch tiến độ đề ra.

- Chú trọng công tác phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành đầu tư xây dựng và chính quyền địa phương huyện Phú Lộc, đảm bảo sự hỗ trợ lẫn nhau cũng như cùng nhau giám sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo An, “*Vì sao nhiều dự án bị chậm tiến độ?*” (01/5/2012), Báo điện tử Báo mới.com.
2. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2006*, Huế.
3. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007*, Huế.
4. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008*, Huế.
5. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2009*, Huế.
6. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2010*, Huế.
7. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2011*, Huế.
8. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư XD CB năm 2008*, Huế.
9. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư XD CB năm 2009*, Huế.
10. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư XD CB năm 2010*, Huế.
11. Ban Quản lý KKT Chân Mây - Lăng Cô, *Báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư XD CB năm 2011*, Huế.

12. Nguyễn Thị Cành, *Phương Pháp & Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học Kinh Tế* (2007), NXB Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

13. Chính phủ, *Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng*, Hà Nội.

14. Chính phủ, *Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư*, Hà Nội.
15. Chính phủ, *Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 4/4/2007 về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư*, Hà Nội.
16. Chính phủ, *Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 về quy định về thành lập, hoạt động, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu*, Hà Nội.
17. Chính phủ, *Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP*, Hà Nội.
18. Chính phủ, *Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình*, Hà Nội.
19. Chính phủ, *Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng*, Hà Nội.
20. Chính phủ, *Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình*, Hà Nội.
21. Chính phủ, *Nghị định số 113/2009/NĐ-/CP ngày 15/12/2009 về giám sát và đánh giá đầu tư*, Hà Nội.
22. Phan Chánh Dưỡng, “*Nhận dạng khó khăn của các khu kinh tế ven biển*” (01/5/2012), Báo điện tử TuanVietNam.net.
23. Quốc Hà, “*5 nhóm KKT ven biển được tập trung đầu tư từ 2013-2015*” (01/5/2012), Báo điện tử Chính phủ.
24. Nguyễn Quang Hạnh, *Lịch sử các học thuyết kinh tế* (2006), Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông, Hà Nội.

25. Hoàng Hữu Hòa, *Phân Tích Số Liệu Thống Kê* (2001), Đại học Kinh tế Huế.

26. Nguyễn Khắc Hoàn, *Giáo trình Quản Trị Chiến Lược* (2010), Đại

học Kinh tế Huế.

27. Đinh Thế Hiền, *Lập và Thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư* (2008), NXB Thống kê.

28. Nguyễn Ngọc Hiền, Vũ Thị Nhài, Nguyễn Xuân Thu, *Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản* (2006), NXB Chính trị Quốc gia.

29. HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐND ngày 11/8/2011*, Huế.

30. Phạm Huyền, “*Hàng nghìn dự án vốn Nhà nước chậm tiến độ*” (25/4/2012), VEF.vn - Diễn đàn kinh tế Việt Nam.

31. ThS.Võ Thị Vân Khánh, “*Quản lý đầu tư công như thế nào cho hiệu quả?*” (09/9/2011), Báo điện tử Kinh tế - Doanh nhân thời đại.

32. Phạm Văn Năm, “*Phát triển các KC, KKT tỉnh Quảng Bình: Kinh nghiệm và bài học thực tiễn*” (19/7/2012), Báo điện tử Khu công nghiệp Việt Nam.

33. Nguyễn Nga, “*Giải bài toán dự án chậm tiến độ?*” (29/4/2012), Báo điện tử Đại đoàn kết.

34. Bích Ngân, “*Dàn trải đầu tư công*” (30/10/2011), Báo điện tử Người lao động.

35. Nguyễn Bích Nguyệt, *Giáo trình Kinh tế đầu tư* (2007), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

36. Phan Văn Nhật, *Phân Tích Dữ Liệu Nghiên Cứu Với SPSS* (2008), NXB Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.

37. PGS.TS Từ Quang Phương, *Giáo trình quản lý dự án* (tái bản lần 4), NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

38. Hồng Quân, “Đầu tư công vẫn không hiệu quả” (26/05/2011), Báo điện tử Lao động.
39. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Đầu tư* (2005), Hà Nội.

40. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Đấu thầu* (2005), Hà Nội.
41. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Xây dựng* (2003), Hà Nội.
42. Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam, “*Khu công nghiệp, Khu chế xuất ở Việt Nam: Hai thập kỷ xây dựng và phát triển*” (05/7/2012), Hà Nội.
43. Tạp chí Sài Gòn Đầu tư & Xây dựng, “*Kinh nghiệm đấu thầu của các nước*” (27/2/2011), TP Hồ Chí Minh.
44. Phạm Thị Trang, “*Một số đề xuất hoàn thiện công tác đấu thầu xây lắp công trình ở Việt Nam*”, Trang điện tử Thư viện Đại học Thủy lợi.
45. Đỗ Hoàng Toàn, *Quản lý nhà nước về kinh tế* (2005), NXB Kinh tế Quốc dân.
46. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 27/12/1996 về phê duyệt Định hướng quy hoạch đô thị mới Chân Mây*, Hà Nội.
47. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 về phương hướng chủ yếu phát triển KT-XH vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến 2010 và tầm nhìn đến 2020*, Hà Nội.
48. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 04/2006/QĐ-TTg ngày 05/01/2006 về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô*, Hà Nội.
49. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 về phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển các Khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020”*, Hà Nội.

50. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1771/QĐ-TTg ngày 05/12/2008 về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025*, Hà Nội.

51. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 29/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 về ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô*, Hà Nội.

52. Ngô Văn Thứ, *Phân tích dữ liệu với phần mềm SPSS* (2002), Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.
53. Đỗ Phú, Trần Tình, *Giáo trình lập và thẩm định dự án đầu tư* (2011), NXB Giao thông vận tải.
54. Đỗ Phú, Trần Tình, Đinh Thế Hiền, *Quản trị dự án đầu tư* (2009), NXB Thống kê.
55. Vũ Công Tuấn, *Phân tích kinh tế dự án đầu tư* (2007), NXB Tài chính.
56. PGS.TS Ngô Doãn Vinh, *Đầu tư phát triển* (2011), NXB Chính trị Quốc gia.
57. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 29/9/2012 về báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Huế*
58. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006, Huế.*
59. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2007, Huế.*
60. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008, Huế.*
61. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, Huế.*
62. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, Huế.*

63. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011*, Huế.

64. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định 279/QĐ-UBND ngày 24/2/2012 về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị*

Chân Mây, Huế.

65. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định số 468/QĐ-UB ngày 05/3/2001 về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Chân Mây, Huế*

66. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định số 611/2003/QĐ-UB ngày 05/3/2003 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm đô thị mới Chân Mây, Huế.*

67. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định số 1655/2004/QĐ-UB ngày 27/5/2004 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng quốc tế Lăng Cô, Huế.*

68. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định số 2273/QĐ-UB ngày 14/7/2004 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Chân Mây, Huế.*

69. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định 3442/QĐ-UB ngày 6/10/2004 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết sử dụng đất Khu kinh tế - thương mại Chân Mây, Huế.*

70. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 23/01/2009 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Lăng Cô và làng Chài, huyện Phú Lộc, Huế.*

71. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, *Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 24/02/2012 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Chân Mây, huyện Phú Lộc, Huế*

72. Õ Xuân, “*Kinh nghiệm chống tham nhũng trong lĩnh vực đầu tư công ở Trung Quốc*” (25/08/2009), Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA TRÊN PHẦN MỀM SPSS 16.0

	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
Model 1	.997 ^a	.994	.993	.041

a. Predictors: (Constant), Cong tac thanh quyet toan, Von bo tri theo ke hoach, Cong tacphan cap quan ly, Trach nhien cua cac cap, cac ngành, Nang luc cua don vi tu van, Cong tác den bu gia phong mat bang, Nang luc cua BQL và nha dau tu du an, Nang luc cua nha thau

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	Sig.
1	Regression	12.350	8	1.544	.000 ^a
	Residual	.070	41	898.480	
	Total	12.420	49	.002	

a. Predictors: (Constant), Cong tac thanh quyet toan, Von bo tri theo ke hoach, Cong tacphan cap quan ly, Trach nhien cua cac cap, cac ngành, Nang luc cua don vi tu van, Cong tác den bu gia phong mat bang, Nang luc cua BQL và nha dau tu du an, Nang luc cua nha thau

b. Dependent Variable: Tien do thuc hien du an

Coefficients^a

Model	Beta	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	Sig.	
			t			
1	(Constant)		-11.394	3.159	3.021	.000
	Nang luc c		.234		2.556	.003
	Von bo tri t		.225		3.650	.004
	Cong tac d		.144			.014
	mat bang				2.734	
	Nang luc c		.218			.001
	dau tu du a				.050	
	Trach nhie		.199			.009
	cac ngành				-.924	
	Cong tac p		.002			.960
	Cong tac th				.658	
			-.033			.361
a. Dependent Variable: Tien do thuc hien du an			.019			.514

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐIỀU TRA

Tên đề tài: Một số giải pháp đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô

Người được khảo sát:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

- Đơn vị công tác:

Để có cơ sở đánh giá thực trạng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Anh/Chị hãy cho biết ý kiến của mình về các vấn đề sau:

I/

Theo Anh/Chị có bao nhiêu giai đoạn hình thành và thực hiện của dự án đầu tư?

(Đánh dấu nhân X vào ô được chọn)

1. Một giai đoạn
2. Hai giai đoạn
3. Ba giai đoạn
4. Bốn giai đoạn

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Anh/Chị hãy phân biệt đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh

II/

khác?

(Đánh dấu nhân X vào ô được chọn)

1. Khác nhau về chi phí và nguồn lực ở hiện tại
2. Khác nhau về Quy mô nguồn lực

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

3. Khác nhau về Thời gian hoạt động đầu tư
4. Khác nhau về Kết quả hoạt động
5. Khác nhau về hình thức sử dụng kết quả hoạt động

Anh/Chị hãy phân biệt sự khác nhau giữa quản lý dự án đầu tư và quản

III/

lý hoạt động sản xuất?

(Đánh dấu nhân X vào ô được chọn)

1. Khác nhau về tính lặp lại, liên tục của nhiệm vụ được giao
2. Khác nhau về kết quả số lượng hàng hóa hoặc dịch vụ làm ra
3. Khác nhau về giới hạn thời gian tồn tại của dự án và của công ty
4. Khác nhau về tổ chức nhân sự và môi trường làm việc
5. Khác nhau về giá phải trả cho các quyết định sai lầm

Các yếu tố nào sau đây tác động chính đến tiến độ của các dự án đầu tư

IV/

xây dựng?

(Anh/Chị cho điểm theo thang điểm 10/10 vào ô)

1. Phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng
2. Trách nhiệm của các cấp, các ngành
3. Công tác lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư
4. Công tác lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán
5. Năng lực ban quản lý và chủ đầu tư
6. Năng lực thi công của nhà thầu xây dựng
7. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng
8. Công tác thanh quyết toán và giá xây dựng
9. Tất cả các yếu tố trên

Theo Anh/Chị ngoài các yếu tố trên còn có yếu tố nào khác tác động đến

V/

tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng?

Nếu xếp theo thứ tự từ yếu tố tác động lớn trở xuống trong 5 nhóm yếu tố VI/ ở mục IV thì theo Anh/Chị là các yếu tố nào có tác động ảnh hưởng lớn

nhất đến tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng?

(Đánh đúng theo các số thứ tự đã xếp trên)

1. Nhóm yếu tố
2. Nhóm yếu tố
3. Nhóm yếu tố
4. Nhóm yếu tố
5. Nhóm yếu tố

Theo Anh/Chị thực trạng tiến độ thi công của các dự án đầu tư xây dựng VII/ sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô nói

chung được xếp vào nhóm có tiến độ thực hiện nào dưới đây?

(Đánh dấu nhân X vào ô được chọn)

- Nhóm dự án/công trình có tiến độ thực hiện theo đúng kế hoạch được
1. phê duyệt
 2. chấp nhận được theo kế hoạch được phê duyệt
 3. chậm tiến độ thực hiện, thời gian kéo dài so kế hoạch được phê duyệt

VIII/
1.
2.

Anh/Chị đánh giá chung tiến độ các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô

đúng kế hoạch Dự án/công trình có tiến độ thực hiện chậm theo kế hoạch

(Đánh dấu nhân X vào ô được chọn)

Dự án/công trình có tiến độ thực hiện theo

7.
8.

**Theo Anh/Chị cần có các giải pháp nào dưới đây để đẩy nhanh tiến độ thi
IX/ công của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN tại Khu kinh tế**

Chân Mây-Lăng Cô

(Đánh dấu nhân X vào ô được chọn)

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng cho Ban QL

1. Khu kinh tế

Chấn chỉnh, tăng cường, nâng cao chất lượng công tác lập và quản lý

2. quy hoạch

3. Đổi mới công tác lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư

Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư tất cả các dự án đầu tư

4. xây dựng sử dụng vốn NSNN

5. Nâng cao chất lượng lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư

Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, cấp, ngành quản lý Nhà nước

6. trong thực hiện Quy chế quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác cán bộ quản lý dự án

Nâng cao trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc Luật Đấu thầu

Nâng cao kỷ luật và chất lượng công tác quản lý chất lượng công trình

9. xây dựng

10. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư

11. Chống thất thoát vốn Nhà nước trong đầu tư và xây dựng

12. Chấn chỉnh và kiện toàn bộ máy giúp việc của Hội đồng Bồi thường,



hỗ trợ và tái định cư huyện Phú Lộc

Cám ơn rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của Anh/Chị rất nhiều về những vấn đề liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng và thực trạng tiến độ các dự án cũng như các giải pháp ở trên.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Anh/Chị!

